TRƯỜNG HỢP NÀO LÀ NGƯỜI TỨ ĐỨC

Đức là phần tôn vinh thuộc về tinh thần, có tính cách nhân ái rộng lòng vị tha. Người được khen là có đức là người dẫn dắt cuộc sống theo đạo lý lập công hơn là kể ơn. Cổ nhân đã sắp xếp bên dương (nam) cũng như bên âm (nữ) có tứ đức. Nam thì hiếu đễ trung tín tức là đạo hiếu với cha mẹ trước nhất, rồi đến mến yêu anh em mới thành người trung của nước, tín thực với mọi người. Nữ thì công dung ngôn hạnh nghĩa là thông hiểu mọi việc, đi đứng khoan thai, nói năng khuôn phép, hạnh kiểm nết na, lại còn buộc theo môt khuôn sống là tam tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử). Xét ra có phần nghiêm khắc cho phái nữ.

Tứ đức trong tử vi là đức chung bao gồm từ cả vũ trụ xuống đến một giòng họ thế nhân. Hai thế lưỡng nghi là Thiên đức (dương) Nguyệt đức (âm) xuống đến tứ tượng Long đức (Thiếu âm) Phúc Đức (Thiếu Dương) là tất cả đạo lý cao dầy cần phải nhận định sao cho hợp hoàn cảnh.

Tứ đức đứng chụm vào vòng Thái Tuế là vòng do địa chi chi phối tạo nên tư thế cá nhân trong xã hội nhân quần. Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ là trách vụ nặng nề phải gánh vác được đền công xứng đáng tuyệt đối. Cái gì đã được nêu tên là "Thái"' (tối đa thì còn có gì vượt lên trên được). Theo luật ngũ hành giao dịch có sinh phải có khắc, có xuất tất phải có nhập. Thái đã là tối đa rồi mà lại được nhập thêm, đương nhiên là điều bất hạnh. Lý công bằng là khi thiếu cần phải bổ khuyết, khi đã đầy đủ rồi mà bồi đắp thêm sẽ đi đến thế lệch, lệch đến thế tận cùng là tàn tạ. Do đó mới có Thiên Không đứng bên Thái Tuế.

Phải chăng Thiên không là giấc mộng hoàng lương đối với 3 hạng người trong tử vi có những điều kiện khác biệt.

Hạng người tứ chính (Tí Ngọ Mão Dậu) là người khẳng khái nhiều khi quá cứng rắn, nên kết quả thường đem lại có phần ác liệt (Thiên Không tứ mộ). Người tứ sinh (Dần Thân Tỵ Hợi) vì lòng tự hào có phần cao nên Thiên không hăm hạng này vào vòng di luỵ mỗi khi tham vọng quá mức (Đào Hoa Thiên không). Còn người Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) biết thân hiểu phận chân yếu tay mềm, dễ khiến nhạy cảm yếm thế (Hồng Loan, Thiên Không).

Ba hạng này một khi đã bị Thiên không thâm nhập huyết quản thì đồng đều ở trong tam hợp có Thiên đức, Nguyệt đức và Phúc đức, còn Long đức đứng ở thế xung, có nghĩa là phân chia cho Thiếu dương tam đức, còn để dành cho Thiếu âm.

Sao vậy ?

Theo luật âm dương, hai phái khác biệt hẳn nhau như nước với lửa, kim với mộc. Thiếu dương đã vượt lên trên Thái Tuế tức là tinh khôn hơn Thiếu âm đứng ở tam hợp sau Thái Tuế có phần thật thà thua thiệt, vì Thiếu dương luôn luôn có Hồng Đào xốc nách (Thiếu âm nhiều trường hợp không có). Giữa Thiếu Dương và Thiếu âm đã thấy rõ ràng cán cân bù trừ chính xác. Thiếu dương được Hồng Đào vì vướng Thiên không nên được tam tứ đức đứng ra khuyên nhủ. Thiếu âm bị bạc đãi nên chỉ một Long đức đứng lên khuyên nhủ.

Trước cảnh hùng vỹ bao la của bầu trời (Thiên đức), cái dịu mát trong sáng của trăng soi (Nguyệt Đức), cái độ lượng nhân hậu của bậc nguyên huấn (Long đức) và sự ham muốn tu tạo bác ái của một giòng giống (Phúc đức) hẳn những ai trong kiếp nhân sinh chẳng may ở vào vị trí Thiên không không thể không suy nghĩ kỹ càng với bộ óc thông minh (Thiếu dương, Hồng Loan) được định mệnh đã ban phát, dầu là hợp tình hợp cảnh giữa ngã rẽ độ đường Tứ Đức với Thiên không.

Điển hình trên những lá số, nên cần được vô chính diệu ở trong có những Ân Quang (Mộc), Hỷ thần (Hoả), Thiên thọ (Thổ), Tấu Thư (Kim), Thanh Long (Thuỷ) tuỳ theo hợp hành với Mệnh là đắc cách. Nếu có chính tinh thì mệnh phải khắc sao cho phù hợp như vô chính diệu và Hoá Khoa điều chỉnh để dọn đường cho Tứ Đức dễ dàng sinh hoạt. Chẳng may vô chính diệu lại chứa chấp sát tinh như Thiên Hình (Kim) Lưu Hà (Thuỷ) Kiếp sát (Hoả)… mà mệnh lại đồng hành là tất cả những gì độc hại không bờ bến.

TINH THẦN VÀ THỂ XÁC KHÁC BIỆT TUỲ THEO MỆNH THÂN ĐÓNG Ở TỨ SINH, TỨ CHÍNH HAY TỨ MỘ

Tử vi là một khoa nằm trong dịch lý. Căn bản của dịch lý là âm dương. Trong âm dương phân tách thấy ngũ hành phối hợp. Từ cái bất dịch là hình xác một vật gì, trải qua thời gian là giao dịch sinh khắc chế hoá tạo mối hưng thịnh đến lẽ suy vong thay đổi là biến dịch.

Trong địa bàn tử vi có đầy đủ ngũ hành, thấy phần trội là Thổ có nghĩa là mọi sự diễn biến đều ở trong đất mà ra, mà sự khắc chế chỉ ở 4 thế Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả mới đáng kể. Mỗi hành

đều có thế liên minh để củng cố thế tranh đua như Thân Tí Thìn (Thuỷ) Dần Ngọ Tuất (Hoả), Tỵ Dậu Sửu (Kim) và Hợi Mão Mùi (Mộc) được ghi danh là tam hợp cục.

Tứ chính là cái nguyên bản ngã của nó nên Tí Ngọ Mão Dậu được liệt danh là chính xác của hành đắc dụng làm 4 phương chính:

Tí = Bắc phương thuộc Thuỷ.

Ngọ = Nam phương thuộc Hoả.

Mão = Đông Phương thuộc Mộc.

Dậu = Tây phương thuộc Kim.

Trong thế liên minh cái thế phát nguồn được đặt ở trên để nuôi dưỡng thế chính đứng ở giữa được gọi là tứ sinh: Dần Thân Tỵ Hợi. Dần là Mộc nuôi Hoả là Ngọ. Thân là Kim bù trừ cho Thuỷ là Tí. Tỵ là Hoả ở trong có cái Mậu Thổ sanh sản ra Kim là Dậu, Hợi là Thuỷ dưỡng Mộc là Mão. Mọi sự đều dùng sân khấu thế gian là Thổ, đến khi tàn tạ cũng về với đất là Thìn Tuất Sửu Mùi là giai đoạn chót ghi danh là Mộ địa.

Mỗi thế liên minh (tam hợp cục) đều có cung sinh cung chính và cung mộ. Mỗi cung đều có ảnh hưởng trực tiếp cho cái bản xác Mệnh thân ở đó từ tinh thần cho đến thể xác tuỳ theo trách nhiệm của cung làm phận sự.

Dần Thân Tỵ Hợi là tứ Sinh, công việc của chúng vốn là bồi bổ cho Tí Ngọ Mão Dậu nên có lòng tự hào quá cao (ưa đề cao khoe khoang) nuôi dưỡng người được sức khoẻ dồi dào (tràng sinh) nhưng không phải là người nặng cân.

Tí Ngọ Mão Dậu là phần danh dự lãnh vai trò chính xác của ngũ hành phải là người cương nghị, sức khoẻ đầy đủ (Đế vượng).

Vị trí tứ Mộ là nơi gần đất xa trời, người này thường là thiếu thốn sức khoẻ (năm ngày ba tật). Biết phận mình nên không ưa muốn phiền nhiễu ai, là tư cách chính đáng của người tứ mộ (mềm dẻo).

Dầu là tứ Sinh, tứ Chính hay tứ Mộ vẫn một phần quan trọng phối hợp lẽ âm dương mỗi hành đều có một cung dương và một cung âm), tức là dương cung thì cứng rắn nhiều hơn, trái lại âm cung thì phần hoà hợp có lấn trội, vì dương là tư cách của người sinh nhập nên chu đáo cẩn thận đúng mức, còn âm là tư cách của người sinh xuất nên rộng rãi bao dung.

Có thể xếp thành nguyêt tắc căn bản đại cương như:

a/- Mệnh Thân ở tứ Sinh: Mạnh khoẻ, ít khi nặng cân , tính tình hay đề cao ưa phô trương.

b/- Mệnh Thân ở tứ Chính: Đầy đủ sức khoẻ, tinh thần kiên quyết.

c/- Mệnh Thân ở Tứ Mộ: hay đau yếu nhưng không muốn phiền luỵ ai, tính tình mềm dẻo.

Như thế chẳng hoá ra thiệt thòi cho 4 tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi một khi được vinh dự đóng ở Thái Tuế (tứ mộ).

Thưa rằng: Thái Tuế không phải là khi nào ngồi vào vị trí chính xác Thái tuế. Bốn tuổi này đều ở vị trí Quan Phù hay Bạch hổ phải kể là dị nhân kỳ tài, đem hết khả năng tận tình suy tính để tạo nên sự nghiệp huy hoàng phải kể là đáng trọng (Số Trương Lương Hàn Tín). Bốn tuổi này đã được quy định là nơi Mộ địa là nơi trình diễn những vở tuồng đời sáng giá với chiếc lọng che uy nghi cao cả (Hoa cái do hàng chi sắp đặt ngôi vị thực thể) để đền bù sự suy kém sức khoẻ.

Đứng trước cái tài tình thông đạt của dịch lý, là hậu sinh, không thể không nghiêng đầu kính cẩn vị thánh nhân Phục Hy thời Thái cổ đã khám phá rành rẽ được sự bí hiểm huyền bí tạo vật, một ý nguyện mong người đời thấu đáo đạo lý xử thế.

Những thành quả đặc biệt của Tràng sinh, Đế vượng và Hoa Cái (một hình tượng của Mộ theo luật âm dương).

Tràng sinh chỉ đứng ở 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi tức là thế sinh của tam hợp. Vậy chỉ những tuổi tứ sinh mới đắc cách hợp thức luật âm dương và Thái tuế. Về phương diện ngũ hành người Thuỷ mệnh được chủ cách bền vững lâu dài.

Đế vượng chỉ ở 4 chính cung Tí Ngọ Mão Dậu thì cũng chỉ 4 tuổi này mới thụ hưởng những gì là tư thế thịnh đạt vượt mức với Kim mệnh.

Hoa cái, một lợi điểm danh dự cho những người tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi tuỳ theo ngũ hành chế hoá của Mệnh với Hoa cái (Kim) tới mức độ nào.

PHẢI MINH SÁT THẬN TRỌNG

PHÚC ĐỨC MỆNH THÂN

Người học số thường bị vấp ngã trước những câu:

a/ - Phước đức tốt thắng số mệnh.

b/ - Mệnh tốt không bằng Thân tốt, Thân tốt không bằng Hạn tốt.

c/ - vân vân…

Vậy phước đức là gì? có phải cái cung số đứng trên cung Phụ mẫu chứa đựng tất cả sự hên xui của đương số ?

Số của một người thì mệnh là căn bản với 2 cung Quan là công việc hành nghề và Tài là tiền của thu hoạch đứng chung một thế tam hợp, tuy 3 mà là 1. Phước đức là cả một việc trời mênh mông . Phước đức lớn đẹp hẳn phải khiến Mệnh Thân chiếm được khu đất thuận lợi (Thái Tuế, Quan Phù, Bạch Hổ) mà chính Thân điều khiển được Thiên Thọ đúng mức như khuôn Thiên đã giao phó lúc ra đời, thì định mệnh mới có đủ Thiên Tài để hoạch định chính xác hồ sơ dự thảo của kiếp nhân sinh.

Biết rằng một người khi nhập thế cuộc đã nhập ngay vào Thiên can (vòng Lộc tồn ấn định sự thọ hưởng) Địa chi (vòng Thái Tuế sắp xếp tư cách). Còn một phần lớn do mình tùy theo cục diện sinh sống mà hành động (vòng Tràng sinh theo cục bộ dịch thế khuôn xử).

```
+------------------------------+------------------------------+------------------------------+------------------------------+
|<Huynh De>                    |<Menh>                  <Than>|<Phu Mau>                     |<Phuc Duc>                    |
|       (V)Thien Co            |       (M)Tu Vi               |                              |       (H)Pha Quan            |
|                              |                              |                              |                              |
| +Dia Giai      -Truc Phu     | +Thai          -Thai Tue     | +Thien Viet    -Hoa Tinh     | +Hoa Quyen     -Co Than      |
| +Luu Nien      -Dia Kiep     | +Thien Giai                  | +Duong         -Thien Hinh   | +Phi Liem      -Tang Mon     |
| +Thien Tru     -Dia Khong    | +Tuong Quan                  | +Thien Quan    -Thien Khong  | +Phong Cao                   |
|                -Pha Toai     |                              | +Thieu Duong                 | +Thien Ma                    |
|                -Tieu Hao     |                              | +Tau Thu                     | +Trang Sinh                  |
|                -Tuyet        |                              | +Duong Phu                   |                              |
| 115                          |   5                          |  15                          |  25                          |
+----------[Tuan]--------------+------------------------------+------------------------------+---------[Triet]--------------+
|<Phu The>                     |Mui |                     Than|Dau                      |Tuat|<Dien Trach>                  |
|       (H)That Sat            |----+-------------------------+-------------------------+----|                              |
|                              |    |                                                   |    |                              |
| +Van Xuong     -Qua Tu       |    |            Ho ten: Han cao to                     |    | +Hong Loan     -Linh Tinh    |
| +Giai Than     -Dieu Khach   |    |            Sanh  : 13 Thang 11                    |    | +Hy Than       -Luu Ha       |
| +Mo            -Thien La     |    |            Nam   : Giap Ngo                       |    | +Moc Duc                     |
| +Phuong Cac                  |    |            Gio   : Ngo                            |    | +Thien Phuc                  |
| +Thanh Long                  |    |                                                   |    | +Thieu am                    |
|                              |    |            Tuoi  : Duong Nam                      |    |                              |
|                              |    |            Menh  : Sa Trung Kim                   |    |                              |
|                              |    |            Cuc   : Tho Ngu Cuc                    |    |                              |
| 105                          |Ngo |                                                   |Hoi |  35                          |
+------------------------------+----|                    am duong thuan ly              |----+------------------------------+
|<Tu Tuc>                      |Ty  |                    Cuc Sinh Menh                  |Ti  |<Quan Loc>                    |
|       (V)Thai Duong          |    |    Sao chu menh  : Pha Quan                       |    |       (V)Thien Phu           |
|       (V)Thien Luong         |    |    Sao chu than  : -Hoa Tinh                      |    |       (M)Liem Trinh          |
| +An Quang      -Kinh Duong   |    |                                                   |    | +Van Khuc      -Benh Phu     |
| +Dao Hoa       -Hoa Ky       |    |                                                   |    | +Hoa Cai       -Quan Phu     |
| +Luc Si        -Tu           |    |                                                   |    | +Hoa Loc       -Dia Vong     |
| +Phuc Duc                    |    |                                                   |    | +Long Tri                    |
| +Thien Duc                   |    |                                                   |    | +Quan Doi                    |
| +Thien Hi                    |    |                                                   |    | +Quoc an                     |
|                              |----+-------------------------+-------------------------+----|                              |
|  95                          |Thin|                      Mao|Dan                      |Suu |  45                          |
+------------------------------+------------------------------+------------------------------+------------------------------+
|<Tai Bach>                    |<Tat ach>                     |<Thien Di>                    |<No Boc>                      |
|       (M)Thien Tuong         |       (H)Thien Dong          |       (H)Tham Lang           |       (M)Thai am             |
|       (V)Vu Khuc             |       (H)Cu Mon              |                              |                              |
| +Ta Phu        -Bach Ho      | +Thien Khoi    -Da La        | +Huu Bat       -Phuc Binh    | +Lam Quan      -Dai Hao      |
| +Loc Ton       -Benh         | +Long Duc      -Quan Phu     | +Bat Toa       -Thien Hu     | +Nguyet Duc    -Kiep Sat     |
| +Bac Si        -Dau Quan     |                -Thien Su     | +De Vuong      -Thien Khoc   | +Thien Quy     -Thien Rieu   |
| +Hoa Khoa                    |                -Suy          | +Thai Phu      -Tue Pha      | +Thien Y       -Tu Phu       |
| +Tam Thai                    |                              | +Thien Tho                   |                -ThienThuong  |
|                              |                              | +Thien Tai                   |                              |
|  85                          |  75                          |  65                          |  55                          |
+------------------------------+------------------------------+------------------------------+------------------------------+
```

Phúc đức in trên lá số chỉ là hình ảnh chung của một dòng họ sinh hoạt, thuận lợi hay ngang trái cho mệnh số chỉ có một phần nào trong đó, còn do nơi Thân tự mua chuộc lấy, cho nên phúc đức cần vô chính diệu được Nhật Nguyệt đồng chiếu thì không gì sánh bằng, ví như tờ giấy trắng tinh phơi bầy giữa ánh sáng trời đất, bồi đắp thêm hay tự bôi lem luốc là nơi Thân không biết điều hành chữ Thọ (nhân hậu). Cao tổ nhà Hán tuổi Giáp Ngọ sanh ngày 13 tháng 11 giờ Ngọ, mệnh an tại Ngọ có Tử Vi Tả Hữu Song Lộc Hóa Khoa xứng đáng ngôi vị hoàng đế lâu dài. Vậy mà Phúc đức có Phá Quân Hoá Quyền bị Triệt. Thử hỏi nếu Phúc đức bao gồm chi phối Mệnh Thân thì làm sao tồn tại nghiệp đế hàng mấy trăm năm. Phải chăng Tài Thọ ở Di ông đã rất rộng lượng

nhân ái đối với mọi tầng lớp thế nhân dẫu là kẻ địch đã uy hiếp mình (Tí khắc Ngọ) Tài Thọ hợp chung là những bộ đôi này đem đến.

Thưa rằng không phải dễ dàng giản dị như thế. Mệnh đứng vào một thế liên minh tam hợp nào, khi vận hành đến thế liên minh đó mới chính là hợp cách Thiên thời (Thái Tuế). Số đã dành riêng cho cơ hội Thái Tuế là đẹp nhất (Thái=tối cao đẹp) thì không còn gì vượt hơn lên trên được nữa, nên phải ngăn chặn bằng thế Thiên không (tay không), nếu trong đó chứa đựng những bộ đôi như trên đã nói, thì đó chỉ là bùa mê thuốc lú mang luỵ vào Thân. Người học số nhiều khi ngã lòng vì những thuyết di hạn vận, di Lộc tồn, di Thiên mã, đủ các thứ di…để che lấp, bênh vực các khuyết điểm mà người đời chưa được thông suốt thấu đáo mạch lý.

Phúc đức nay đã hiện nguyên hình là Thiên Thọ do Thân sản xuất chi phối cả Tứ đức, điều mà cố nhân liệt cho là bất hạnh lớn nhất cho người vô tự, ví người đó như là người bỏ cuộc trong một giải tranh đua, là người mất hết hy vọng của cuộc sống lâu dài cho đến ngày tàn tạ trở về với đất, nên thường phải kiếm dưỡng tử để mua lấy tin tưởng dẫu có thua cuộc trường chinh, nhưng cũng không hổ thẹn nửa đường bó gối, cũng đi đến nơi về tới đích cũng như ai lực sỹ trên võ đài thế cuộc.

Tử tức đứng ở thế yếu điểm không bao giờ đồng hành âm dương với Mệnh Thân, luôn luôn tam hợp với Nô. Vì vậy phải tính Nô với Tử như răng với môi. Hễ môi hở là răng lạnh. Nô quan hệ với Tử vì Thiên thương nằm trực, phải có điều bất hạnh cho Tử về phương diện nào nhiều hay ít (Nô là ngoại nhân). Như một khi Mệnh là Cơ Nguyệt Đồng Lương ở dương cung, thì Nô phải là Sát Phá Tham ở âm cung. Sự đề phòng oan trái vô cùng thận trọng, nếu lại là thế tam hợp Tỵ Dậu Sửu vì Phá Quân tối hãm đi đôi với Phá Toái (Toái quân lưỡng Phá). Trường hợp này phải kiếm cầu cứu ngay Hoá Khoa và Quang Quý. Nếu được hai sao này chiếu cố có thể yên tâm tính cuộc lâu dài.

Nỗi ưu tư của thế nhân không phải đến đây là hết, còn ách với Thiên sứ có đầy đủ quyền uy thi hành nghiêm khắc tuỳ theo tập nhật ký nhân nghĩa của từng người. Mừng cho ai khi thấy Thiên Quan ngồi chung với Thiên sứ, hai vị thông cảm nhau điều hoà mọi chi tiết thì thế nhân âu cũng dễ dàng mọi sự khó khăn trên bước đường rong ruổi.

Thuyết Mệnh đẹp không bằng Thân đẹp, ngụ ý Mệnh điều khiển nửa đời trước còn Thân điều khiển nửa đời sau, cho rằng nửa đời trước dẫu có huy hoàng cách mấy, nhưng khi về già được mát mặt vẫn là hơn, cũng không còn vững lý, vì khi tính đại vận luôn luôn bắt đầu từ Mệnh tính đi liên liếp đến ngày mãn cuộc.

Không phải chỉ có 3 đại vận đầu, còn ngoài 30 tuổi lấy Thân xuất phát.

Thuyết không hợp lý thì kết cục chắc không tài nào thắng vững chắc.

Người đời khi nhập thế cuộc phải lên tiếng khóc ban đầu mà thánh Phục Hy đã tính thấy đầy đủ ý nghĩa bằng bảng đồng hạn:

1 tuổi ở Mệnh	7 tuổi ở Nô x
2 tuổi ở Tài	8 tuổi ở Di
3 tuổi ở Ách x	9 tuổi ở Tử x
4 tuổi ở Phối	10 tuổi ở Bào
5 tuổi ở Phúc x	11 tuổi ở Phu
6 tuổi ở Quan	12 tuổi ở Điền

Mười hai cung này thấy ngay 4 số: 3, 5, 7, 9 trình bày ngay trước mắt: Ách=3, Nô=7, Phúc=5, Tử=9 là những con số có năng lực hy vọng hay xui xẻo do hang Can làm gốc của số mạng định đoạt, gán cho Phúc Đức điều động. Sự thật chính là Thân tạo nên rồi Mệnh sẽ kiểm điểm thi hành đúng mức.

KHU ĐẤT PHÌ NHIÊU TRONG 12 CUNG ĐỊA BÀN

Địa bàn vô chính diệu là bức phóng ảnh thu hẹp bầu trời bao la rộng lớn phân tách minh bạch địa lý đông tây nam bắc và tính toán rõ ràng thiên văn thời tiết xuân hạ thu đông luân chuyển, phù hợp với cuộc diện nhân sinh trên dưới 100 dân số đủ màu da đen đỏ trắng vàng. Mỗi khu đất có biên giới hoạch định phân minh như một lục địa bằng 12 tên địa chi : Tí, Sửu, Dần….Tuất, Hợi.

Có những sắc dân thuỷ thổ ở quãng này ăn nên làm ra, rồi thất cơ lơ vận một khi dời đi nơi khác.

14 chính tinh là 14 lãnh tụ du mục sống trên 12 lục địa tranh giành ảnh hưởng kết hợp thành 2 đoàn (lưỡng nghi: Sát Phá Liêm Tham Tử Phủ Vũ Tướng và Cự Nhật Cơ Nguyệt Đồng Lương). Hai đoàn này cũng có những bất đồng ý kiến lại rời tách làm 4 phái (tứ tượng) kiếm nơi dựng nghiệp, mọi sự khắc chế diễn biến đều từ tây sang đông (kim khắc mộc) từ bắc đến nam (thuỷ khắc hoả).

Tử Phủ Vũ Tướng có Tử vi lãnh đạo hợp Thuỷ Thổ ở chính nam (Ngọ Hoả) với đám quần thần là sứ trung tín thì phân nhau

trấn nhậm các biên khu như Liêm Phủ ở Tuất, Vũ Tướng ở Dần thành một thế chân vạc uy nghi trang trọng, tuy rằng vẫn bị quấy rối ở phía bắc (Tí Thuỷ khắc Hoả). Nhưng kẻ đối nghịch Tham Lang quá tầm thường không đáng ngại. Nếu đóng đô ở Tí cũng đủ sức khắc phục thành công (Thổ khắc Thuỷ) nhưng phong thổ cảnh trí nơi đây âm u thuộc Thái âm (từ Thân đến Sửu) không được sáng ngời bằng ở Ngọ là nơi ảnh hưởng thuộc phạm vi Thái Dương (từ Dần đến Mùi), rời khỏi Ngọ môn Tử vi luôn luôn có người kề cận, một là được hộ giá như Tử Phủ ở Dần Thân, Tử Tướng ở Thìn Tuất, hai là bị uy hiếp như Tử Sát ở Tỵ Hợi, Tử Tham ở Mão Dậu, Tử Phá ở Sửu Mùi. 4 trường hợp hộ giá chỉ có được hãnh diện là Tử Phủ ở Thân, Phá Quân đích thân đến Ngọ Môn điều đình và trường hợp ở Thìn, Tử Tướng chính đoạt kẻ nghịch thần (Phá Quân ở Tuất). Xếp theo thứ tự đất phì nhiêu do bộ Tử phủ Vũ Tướng chiếm ngụ thì 3 vị trí Ngọ Thân Thìn là quí giá nhất.

Sát Phá Liêm Tham là bộ chủ về uy vũ, trong nội bộ không nhất trí vì Liêm Trinh và Thất sát luôn hàng hai với Tử Phủ. Vậy vai chủ động là Phá Quân nên Phá quân nhiều khi đơn thương độc mã xông pha không hề để ý những gì trở lực trước vó ngựa. Phá quân hiên ngang ở Tí là cảnh Tử Vi Thiên Phủ đích thân đến cửa đông (Dần) điều đình trong khi đó Liêm Tướng nơi nội địa (Ngọ) sẵn sàng phòng sự bất trắc. Phá Quân ở Thìn là Phá Quân nghênh chiến Tử Tướng, nếu lại là người Thân Tí Thìn thì Tử Tướng hiển nhiên hành động bá đạo. Khu đất thuận lợi cho Sát Phá Tham là 2 trường hợp ở Thìn Thất sát ở Tí, Tham Lang ở Thân.

Bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương chủ về tư tưởng tinh thần. Riêng Thái Âm và Thái Dương là biểu tượng cặp mắt, khối óc là đôi đèn rọi chiếu sáng của Tử Vi (đã có bài nói riêng). Thiên cơ trội phần khéo léo ngoại giao. Thiên đồng kém phần quyết định nên hay canh cải nông nổi. Chỉ còn một Thiên Lương đầy đủ khoan hoà trước sự diễn biến hay dở. Thiên Lương Tí Ngọ là vị trí nêu cao danh vọng, sự khác biệt ở Ngọ khiến Thiên Lương mất công mệt sức rất nhiều (Mộc sinh Hoả) ngọn đèn chiếu sáng Thái Dương ở Tí không thiếu tư cách phải chờ thời gian mới đầy đủ chói sáng. Một vị trí ở Sửu Thiên Lương thành cao nhân đắc ý với trời cao biển rộng. Đứng cặp với Thiên cơ ở Thìn Tuất Thái Dương ở Mão Dậu, Thiên Đồng ở Dần Thân là độ lượng rộng rãi của một thân hữu giúp bạn đắc ý trong khuôn khổ nào mà thôi. Vậy Tí phải là khu đất phì nhiêu rất hạp cho Thiên Lương.

Cự môn thường mang tiếng là sao ám thể khó tính. Những uẩn khúc của Cự môn đã phơi bày ở 2 căn cứ Tí Ngọ được danh hiệu là Thạch Trung ẩn ngọc. Cự Môn ở Ngọ thường tương tự trường hợp Thiên lương ở Ngọ vì ngọn đèn Thái dương phải cần thời gian mới rạng tỏ (Thiên lương ở Ngọ thì Thái Dương ở Tí, Cự

Môn ở Ngọ thì Thái Dương ở Tuất) nhưng không kém phần tư cách (Thái Dương ở cung Dương). Cự Môn ở Tí, Thái Dương phải ở cung Thìn mới tỏ rõ nỗi lòng của Cự Môn chứa chấp với những cứu cánh thích hợp vững chắc nhật là Khoa Lộc, thứ đến Thiên Tài Tuần Triệt nếu có sát tinh cứng cổ.

Mười hai địa bàn khu đất phì nhiêu cho các sắc dân phải chăng là khoảng Tí Ngọ Dần Thân (Ngọ=Thái Dương, Tí=Thái âm. Dần=Thiếu dương, Thân=Thiếu âm). Tí Ngọ chứa đựng những cao cách. Tử vi Tí Ngọ, Thiên Lương Tí Ngọ, Phá quân Tí Ngọ, Cự Môn Tí Ngọ.

Dần Thân tô điểm những Tử Phủ Dần Thân, Vũ Tướng Dần Thân, Đồng Lương Dần Thân, Cự Nhật Dần Thân. Hai cung Thìn Tuất là 2 độ đường chuyển dần từ Tí Ngọ Dần Thân đến Sửu Mùi Mão Dậu Tỵ Hợi với những cách trình bày Tử Tướng Liêm Phủ Cơ Lương ở mức tương đối đẹp mắt.

Ngoài 6 cung Tí Ngọ Dần Thân Thìn Tuất, 6 cung còn lại chỉ là những diễn trường phức tạp sân khấu Sửu Mùi hết hồi Tham Vũ đến cảnh Tử Phá Đồng Cự, Tỵ Hợi diễn xong Tử Sát nối tiếp Liêm Tham Vũ Phá. Thái Dương Thiên Lương hạ màn ở Mão Dậu thì Tử Tham Liêm Phá nối đuôi.

Tóm lại 6 lục địa dương cung là 6 khu đất phì nhiêu còn 6 âm cung là nơi thường diễn tả những cảnh tang thương bất ổn. Đây chỉ là một khía cạnh đường lối dịch lý là luôn luôn có 2 mặt cho mọi sự việc: có dương phải có âm, có tốt phải có xấu tương phản.

BỘ NHẬT NGUYỆT ĐÒI HỎI SỰ THẬN TRỌNG

Bộ Tử Phủ trong 14 chính tinh được xem trọng như là tốt đẹp quí giá nhất. Công bằng mà nói đó là bộ mặt tượng hình cho cao sang hiền hậu, nhưng bất lực phải nhờ đến phụ tá tài danh mới nên việc. Phân tách 6 cung cho cả 12 cung (2 cung 2 cách giống nhau): Tử Vi Tí Ngọ và Dần Thân tối cần Tả Hữu. Ở Tỵ Hợi, luôn luôn có Thất Sát đứng kèm, ở Thìn Tuất không thể xa rời Thiên Tướng. Còn Mão Dậu Sửu Mùi là cảnh triều đình Lê Chiêu Thống hay Trần Nghệ Tôn không thể thống gì là chính dinh oai nghiêm. Ngoài ra Vũ Tướng, Sát Phá Liêm Tham và Đồng Lương

Cơ Cự chỉ là văn ban võ bá 2 hàng, một khi đắc cách phải không nên sự nghiệp.

Riêng Nhật Nguyệt là bộ âm dương của số, biểu tượng cho Thiên Địa cần sự phân tích thận trọng từng vị trí phải làm sao cho hợp lý, không thể bao gồm căn cứ từ Dần đến Thân là thuộc địa của Thái Dương, từ Thân đến Dần là nơi sáng tỏ của Thái âm.

1- Thái Dương ở Ngọ, Thái âm Thân. Thái dương ở đây kể như là tuyệt đối với người dương Hoả mệnh nếu được thêm là tuổi Dần Ngọ Tuất. Thái âm kể như là thất bại cho cả 2 hạng âm và dương, bị Thiên Cơ lợi dụng.

2- Thái Dương ở Tỵ thất cách đối với người Dương, chỉ là nhất thời tạm bợ. Thái âm ở Dậu đắc cách hoàn hảo cho tuổi âm mệnh Thuỷ.

3- Thái Dương ở Thìn phò trợ đắc lực cho người dương Thổ. Thái âm ở Tuất không tương xứng gì cho cả 2 tuổi âm và dương.

4- Thái Dương ở Mão nhờ Thiên Lương một phần lớn tương sinh vẫn không lợi bao nhiêu cho người dương so với người âm trường hợp Mệnh ở Mùi vô chính diệu được Thái âm ở Hợi quá sáng tỏ đồng chiếu.

5- Thái Dương ở Dần người dương được hưởng tương lai hậu vận bởi Cự Môn bao phủ lúc ló rạng. Thái âm ở Tí, kể là hay thêm Thiên Đồng phụ lực, nhưng vẫn là nghịch cảnh của người tuổi âm mà người tuổi dương cũng không mấy thuận lý.

6- Sửu là mộ địa tận trung, cũng như cung Mùi, cả hai là căn cứ thuộc âm. Thái Dương đứng ở đây bị sút kém ở 2 nơi là vì luật âm dương, mà Thái âm cũng không tốt đẹp vì luật ngũ hành. Hai cung Sửu Mùi là chỗ tập trung để chuyên chế từ Thái âm sang Thiếu Dương (Sửu) và từ Thái Dương sang Thiếu âm (Mùi) thành tranh tối tranh sáng. Vậy cần phải có phép thần thông tách rời Thái Dương lui sang Ngọ, Thái âm chuyển sang Thân cũng như Thái âm về Tí và Thái Dương bước sang Dần.

7- Thái Dương ở Tí là nghịch cảnh sa lầy ghê sợ cho người tuổi dương. Nghịch cảnh của Thái Dương ở Ngọ nhưng tương lai không phải là không thuận bước cho người dương, Thái âm ở Dần cùng trường hợp ở Thân, người dương Mộc rất thuận lợi.

8- Thái Dương ở Hợi là sa lầy ghê sợ cho người tuổi dương, Thái âm không mấy tốt đẹp hơn Thái Dương chỉ là hợp tình Thái âm ở Mão với người tuổi âm.

9- Thái dương lâm Tuất là cảnh u tối, người tuổi dương hợp cách và hy vọng có tương lai. Thái âm ở Thìn là đáng ngại.

10- Thái Dương ở Dậu là sôi hỏng bỏng cũng không, nhờ Thiên Lương phò trợ lại bị cung khắc mất. Thái âm ở Tỵ có bề hợp cảnh.

11- Cự Nhật ở Thân là bước đường đời của tuổi dương gặp nhiều trở lực, Đồng âm ở Ngọ là vị trí cân phân, vẫn là hình bóng của trường hợp Đồng âm ở Tí cho cả 2 tuổi.

12- Nhật Nguyệt ở 12 vị trí sự thiết yếu bao giờ Nhật cũng phải ở dương cung mà Nguyệt phải ở âm địa. Nhật đắc cách là tuổi Hoả, Nguyệt phải là tuổi Thuỷ. Sáng sủa hay lạc hãm chỉ là phụ, trường hợp mập mờ "lại cái" không bao giờ hợp cách, cho nên Nhật Nguyệt tối cần bộ tam minh là Đào Hồng Hỉ. Nhật Nguyệt rất được kể là quang minh lộng lẫy. Ngoài Đào Hồng Hỷ, Nhật Nguyệt rất nên gặp 1 trong 3 bộ Xương Khúc Long Phượng Quang Quý và Hoá Khoa có công dụng như tam minh, nhất là Long Phượng nâng cao phẩm giá Nhật Nguyệt lên hàng danh dự anh minh chính đính.

Nhật Nguyệt được những bộ trên tô điểm sáng rực rỡ bao nhiêu, trái lại rất cần xa lánh tứ hung Kình Đà Hình Kỵ. Chúng bao vây che lấp Nhật Nguyệt mất cả ánh sáng, mổ xẻ cắt cứa hành hạ theo nghề nghiệp vốn sẵn là thiện nghệ.

Bộ Nhật Nguyệt có 2 trường hợp cần phân tách chu đáo ở 2 vị trí Sửu Mùi nơi tập trung để chuyển hướng rất cần Tuần Triệt, Khoa Tài đóng vai trò trọng tài phân phối âm dương đường ai nấy đi. Đó là 4 cái chìa khoá để điều chỉnh bộ âm dương rất kiến hiệu.

Vậy đặc biệt của Nhật Nguyệt khác với chính tinh do lý chính bất như chiếu (chiếu đẹp hơn chính). Ngọn đèn bật sáng lên xung quanh thấy rõ hơn là chân đèn, như vô chính diệu ở Mùi được Nhật Mão Nguyệt ở Hợi chiếu lên (Nhật Nguyệt chiếu hư không). Nếu thêm Hoá Kỵ thì Hoá kỵ phải ở Mùi. Đây là cảnh trí khánh vân (mây ngũ sắc biểu hiện thái bình thịnh trị) tuyệt hoa.

Ba nhà đại văn hào :

a/ - Nguyễn Khuyến tuổi Ất Mùi sanh ngày 6 tháng 4 giờ Mão

b/ - Huỳnh Thúc Kháng tuổi Bính Tí sanh ngày 13 tháng 10 giờ Thìn

c/ - Nguyễn Đình Chiểu tuổi Nhâm Ngọ sanh ngày 13 tháng 5 giờ Dậu

Cả 3 cụ có số chịu ảnh hưởng bộ Nhật Nguyệt rất nhiều, cùng vị trí nghịch lý âm dương nên cuộc đời chan chứa một mối ưu tư bất mãn hầu tương tợ. Ba cụ nổi danh trên văn đàn do văn tinh Đồng Lương Khôi Việt Xương Khúc. Riêng 2 cụ Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu vướng Hình Riêu Hà Sát nên mục tật tối tăm vĩnh viễn. Cụ Huỳnh Thúc Kháng được Hồng Loan khai thông chỉnh đốn: Nhật Nguyệt trở nên xuất sắc hơn người.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Dien Trach>                 |<Quan Loc>                   |<No Boc>                     |<Thien Di>             <Than>|
|                             |       (D)Thien Co           |       (D)Tu Vi              |                             |
|                             |                             |       (V)Pha Quan           |                             |
| +Lam Quan      -Phuc Binh   | +Hoa Loc       -Hoa Tinh    | +Van Xuong     -Benh Phu    | +Thien Viet    -Co Than     |
| +Phong Cao     -Dieu Khach  | +Luu Nien      -Truc Phu    | +Van Khuc      -Dau Quan    | +Hong Loan     -Dia Khong   |
| +Thien Ma                   | +Quan Doi      -Dai Hao     | +Huu Bat       -Thai Tue    | +Hy Than       -Kiep Sat    |
|                             | +Thien Tru                  | +Ta Phu        -ThienThuong | +Thien Phuc    -Thien Khong |
|                             |                             | +Hoa Cai                    | +Thieu Duong                |
|                             |                             | +Hoa Khoa                   | +Trang Sinh                 |
|                             |                             | +Moc Duc                    | +Duong Phu                  |
|  95                         |  85                         |  75                         |  65                         |
+----------[Tuan]-------------+--------------------------[Triet]----------------------------+-----------------------------+
|<Phuc Duc>                   |Hoi |                   Ti |Suu                   |Dan |<Tat ach>                    |
|       (V)Thai Duong         |----+----------------------+----------------------+----|       (B)Thien Phu          |
|                             |    |                                             |    |                             |
| +De Vuong      -Da la       |    |          Ho ten: Nguyen Khuyen              |    | +Duong         -Tang Mon    |
| +Phuc Duc      -Qua Tu      |    |          Sanh  : 6 Thang 4                  |    | +Phi Liem      -Thien Su    |
| +Thien Duc     -Quan Phu    |    |          Nam   : at Mui                     |    | +Thai Phu                   |
| +Thien Quan    -Thien Rieu  |    |          Gio   : Mao                        |    | +Thien Tai                  |
| +Thien Y       -Thien La    |    |                                             |    |                             |
|                             |    |          Tuoi  : Am Nam                     |    |                             |
|                             |    |          Menh  : Sa Trung Kim               |    |                             |
|                             |    |          Cuc   : Tho Ngu Cuc                |    |                             |
| 105                         |Tuat|                                             |Mao |  55                         |
+-----------------------------+----|                 am duong nghich ly          |----+-----------------------------+
|<Phu Mau>                    |Dau |                 Cuc Sinh Menh               |Thin|<Tai Bach>                   |
|       (H)That Sat           |    |    Sao chu menh  : Vu Khuc                  |    |       (M)Thai am            |
|       (D)Vu Khuc            |    |    Sao chu than  : Thien Tuong              |    |                             |
| +Loc Ton       -Bach Ho     |    |                                             |    | +Dia Giai      -Hoa Ky      |
| +Bac Si        -Suy         |    |                                             |    | +Thai          -Luu Ha      |
| +Giai Than                  |    |                                             |    | +Thieu am      -Dia Vong    |
| +Phuong Cac                 |    |                                             |    | +Tau Thu                    |
| +Thien Quy                  |    |                                             |    |                             |
| +Thien Tho                  |    |                                             |    |                             |
|                             |----+----------------------+----------------------+----|                             |
| 115                         |Than|                  Mui |Ngo                   |Ty  |  45                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Menh>                       |<Huynh De>                   |<Phu The>                    |<Tu Tuc>                     |
|       (M)Thien Dong         |       (D)Thien Tuong        |       (V)Cu Mon             |       (H)Liem Trinh         |
|       (V)Thien Luong        |                             |                             |       (H)Tham Lang          |
| +Bat Toa       -Kinh Duong  | +Thanh Long    -Linh Tinh   | +Thien Khoi    -Thien Hinh  | +An Quang      -Quan Phu    |
| +Hoa Quyen     -Benh        |                -Pha Toai    | +Dao Hoa       -Tieu Hao    | +Long Tri      -Thien Khoc  |
| +Long Duc      -Dia Kiep    |                -Thien Hu    | +Mo            -Tu Phu      | +Quoc an       -Tuyet       |
| +Luc Si                     |                -Tu          | +Nguyet Duc                 | +Thien Giai                 |
| +Thien Hi                   |                -Tue Pha     | +Tam Thai                   | +Tuong Quan                 |
|   5                         |  15                         |  25                         |  35                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Phu The>                    |<Huynh De>                   |<Menh>                       |<Phu Mau>                    |
|       (H)Cu Mon             |       (V)Thien Tuong        |       (D)Thien Luong        |       (M)That Sat           |
|                             |       (V)Liem Trinh         |                             |                             |
| +Loc Ton       -Kiep Sat    | +Van Xuong     -Hoa Tinh    | +Long Duc      -Dau Quan    | +Van Khuc      -Bach Ho     |
| +An Quang      -Pha Toai    | +Hoa Khoa      -Linh Tinh   | +Quan Doi      -Dia Khong   | +Lam Quan      -Tieu Hao    |
| +Bac Si        -Tu Phu      | +Luc Si        -Kinh Duong  | +Thanh Long    -Luu Ha      | +Luu Nien                   |
| +Nguyet Duc                 | +Moc Duc       -Hoa Ky      | +Thien Tai                  |                             |
| +Thien Giai                 | +Phong Cao     -Thien Hinh  |                             |                             |
| +Thien Quan                 |                -Thien Hu    |                             |                             |
| +Trang Sinh                 |                -Thien Khoc  |                             |                             |
|                             |                -Tue Pha     |                             |                             |
| 104                         | 114                         |   4                         |  14                         |
+----------[Triet]------------+-----------------------------+-----------------------------+---------[Tuan]--------------+
|<Tu Tuc>                     |Mui |                 Than|Dau                    |Tuat|<Phuc Duc>                   |
|       (V)Tham Lang          |----+----------------------+----------------------+----|       (H)Thien Dong         |
|                             |    |                                             |    |                             |
| +Duong         -Da La       |    |          Ho ten: Huynh Thuc Khang           |    | +Thien Viet                 |
| +Dia Giai      -Quan Phu    |    |          Sanh  : 13 Thang 10                |    | +Dao Hoa                    |
| +Hoa Cai       -Quan Phu    |    |          Nam   : Binh Ti                    |    | +De Vuong                   |
| +Long Tri      -Thien La    |    |          Gio   : Thin                       |    | +Hoa Loc                    |
|                             |    |                                             |    | +Phuc Duc                   |
|                             |    |          Tuoi  : Duong Nam                  |    | +Thien Duc                  |
|                             |    |          Menh  : Gian Ha Thuy               |    | +Thien Hi                   |
|                             |    |          Cuc   : Kim Tu Cuc                 |    | +Thien Quy                  |
|                             |    |                                             |    | +Tuong Quan                 |
|  94                         |Ngo |                                             |Hoi |  24                         |
+-----------------------------+----|                 am duong nghich ly          |----+-----------------------------+
|<Tai Bach>             <Than>|Ty  |                 Cuc Sinh Menh               |Ti  |<Dien Trach>                 |
|       (H)Thai am            |    |    Sao chu menh  : Tham Lang                |    |       (M)Vu Khuc            |
|                             |    |    Sao chu than  : -Linh Tinh               |    |                             |
| +Hong Loan     -Dia Kiep    |    |                                             |    | +Giai Than     -Qua Tu      |
| +Thai          -Phuc Binh   |    |                                             |    | +Phuong Cac    -Thien Rieu  |
| +Thien Tho                  |    |                                             |    | +Thai Phu      -Dieu Khach  |
| +Thieu am                   |    |                                             |    | +Thien Y       -Suy         |
|                             |    |                                             |    | +Tau Thu       -Dia Vong    |
|                             |----+----------------------+----------------------+----| +Duong Phu                  |
|  84                         |Thin|                  Mao |Dan                   |Suu |  34                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |<No Boc>                     |<Quan Loc>                   |
|       (M)Tu Vi              |       (D)Thien Co           |       (M)Pha Quan           |       (H)Thai Duong         |
|       (M)Thien Phu          |                             |                             |                             |
| +Thien Ma      -Co Than     | +Huu Bat       -Benh Phu    | +Hy Than       -Thai Tue    | +Thien Khoi    -Benh        |
|                -Dai Hao     | +Ta Phu        -Thien Khong | +Thien Phuc    -Tu          | +Phi Liem      -Truc Phu    |
|                -Tang Mon    | +Bat Toa                    | +Thien Tru     -ThienThuong |                             |
|                -Tuyet       | +Hoa Quyen                  |                             |                             |
|                -Thien Su    | +Mo                         |                             |                             |
|                             | +Quoc an                    |                             |                             |
|                             | +Tam Thai                   |                             |                             |
|                             | +Thieu Duong                |                             |                             |
|  74                         |  64                         |  54                         |  44                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Đã mang danh tu mi đứng trong trời đất thà chấp nhận Thái Dương lâm Tuất Tí còn hơn ở cảnh nhất thời Mão Tỵ chỉ là phù vân không xứng phận nam tử, những ai phấn son tô điểm sơn hà dẫu có yên vui với Thái âm ở Tuất Tí nên đành ưng chịu ở Mão Tỵ là nơi hợp cách đào tơ liễu yếu dầu gặp nhiều nỗi trái ngang.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tai Bach>                   |<Tu Tuc>                     |<Phu The>                    |<Huynh De>                   |
|       (V)Thien Co           |           (M)Tu Vi          |                             |           (H)Pha Quan       |
|                             |                             |                             |                             |
| +Thien Viet    -Truc Phu    | +Huu Bat       -Thai Tue    | +Duong         -Benh Phu    | +Ta Phu        -Co Than     |
| +Phi Liem      -Pha Toai    | +Bat Toa                    | +Quoc an       -Thien Khong | +Hoa Khoa      -Dai Hao     |
| +Thien Y       -Thien Rieu  | +Hoa Quyen                  | +Thieu Duong                | +Tam Thai      -Dia Kiep    |
|                -Tuyet       | +Hy Than                    |                             | +Thien Ma      -Tang Mon    |
|                             | +Thai                       |                             | +Trang Sinh                 |
|                             | +Thien Phuc                 |                             |                             |
|  85                         |  95                         |  105                        |  115                        |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+----------[Tuan]-------------+
|<Tat ach>                    |Mui |                    Than|Dau                     |Tuat|<Menh>                       |
|       (H)That Sat           |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| +Giai Than     -Qua Tu      |    |             Ho ten: Nguyen Dinh Chieu           |    | +Hong Loan     -Phuc Binh   |
| +Mo            -Thien Su    |    |             Sanh  : 13 Thang 5                  |    | +Luu Nien                   |
| +Phuong Cac    -Dieu Khach  |    |             Nam   : Nham Ngo                    |    | +Moc Duc                    |
| +Tau Thu       -Thien La    |    |             Gio   : Dau                         |    | +Thien Tho                  |
| +Duong Phu                  |    |                                                 |    | +Thieu am                   |
|                             |    |             Tuoi  : Duong Nam                   |    | +Thien Tru                  |
|                             |    |             Menh  : Duong Lieu Moc              |    |                             |
|                             |    |             Cuc   : Tho Ngu Cuc                 |    |                             |
|  75                         |Ngo |                                                 |Hoi |   5                         |
+-----------------------------+----|                     am duong nghich ly          |----+-----------------------------+
|<Thien Di>             <Than>|Ty  |                     Menh Khac Cuc               |Ti  |<Phu Mau>                    |
|       (V)Thai Duong         |    |     Sao chu menh  : Pha Quan                    |    |           (V)Thien Phu      |
|       (V)Thien Luong        |    |     Sao chu than  : -Hoa Tinh                   |    |           (M)Liem Trinh     |
| +Thien Khoi                 |    |                                                 |    | +Hoa Cai       -Hoa Tinh    |
| +Dao Hoa       -Tu          |    |                                                 |    | +Long Tri      -Da La       |
| +Hoa Loc                    |    |                                                 |    | +Quan Doi      -Quan Phu    |
| +Phuc Duc                   |    |                                                 |    | +Thien Quan    -Quan Phu    |
| +Thai Phu                   |    |                                                 |    |                -Dia Vong    |
| +Thien Duc                  |    |                                                 |    |                             |
| +Thien Hi                   |    |                                                 |    |                             |
| +Tuong Quan                 |    |                                                 |    |                             |
| +Thien Tai                  |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|  65                         |Thin|                    Mao |Dan                     |Suu |  15                         |
+----------[Triet]------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<No Boc>                     |<Quan Loc>                   |<Dien Trach>                 |<Phuc Duc>                   |
|       (M)Thien Tuong        |           (H)Thien Dong     |               (H)Tham Lang  |           (M)Thai am        |
|       (V)Vu Khuc            |           (H)Cu Mon         |                             |                             |
| +Thien Quy     -Bach Ho     | +Van Xuong     -Linh Tinh   | +An Quang      -Kinh Duong  | +Loc Ton       -Dau Quan    |
|                -Benh        | +Van Khuc      -Thien Hinh  | +De Vuong      -Thien Hu    | +Bac Si        -Kiep Sat    |
|                -Dia Khong   | +Long Duc      -Suy         | +Luc Si        -Thien Khoc  | +Dia Giai      -Luu Ha      |
|                -Hoa Ky      | +Thanh Long                 | +Thien Giai    -Tue Pha     | +Lam Quan      -Tu Phu      |
|                -Tieu Hao    |                             |                             | +Nguyet Duc                 |
|                -ThienThuong |                             |                             | +Phong Cao                  |
|  55                         |  45                         |  35                         |  25                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Nơi đây cho thấy định mệnh là bất khả kháng, khiến cái Thân phải có một phần trách nhiệm xử thế cuộc đời.

MƯỜI BỐN CHÍNH TINH ĐÂU LÀ NGỌC CHÂU QUÍ GIÁ

Theo luật âm dương 14 chính tinh đứng chia làm 2 nhóm. Một nhóm do Tử vi đứng đầu là dương. Nhóm âm Thiên Phủ dẫn dắt, cho thấy cả hai nhóm chính tinh đặt bộ Tử Phủ Vũ Tướng lên ngôi vị đàn anh cao cả, tôn Tử vi lên bậc chúa tinh có vị Thừa Tướng trung hậu Thiên Phủ kề cận. Hai nhóm sắp xếp thành 2 phái: Tử Phủ Vũ Tướng Sát Phá Liêm Tham và Cơ Nguyệt Đồng Lương Cự Nhật. Hai phái cải thiện tuỳ theo tính cách từ Sát Phá Liêm Tham sang Tử Phủ Vũ Tướng đến Cự Nhật tới Cơ Nguyệt Đồng Lương, tức là phái dương nắm phần lãnh đạo đại diện cho thực thể, phái âm là phản ánh về tư tưởng tinh thần.

Đã vị lãnh đạo tối cao đương nhiên là phải có đức độ uy nghi. Tử vi được hãnh diện ở 4 vị trí Tí Ngọ Dần Thân là 4 chỗ có

đủ quần thần văn võ (Thiên Phủ, Vũ Khúc, Thiên Tướng ở chỗ đắc địa) trung thành đắc lực. Xét việc đời không phải dễ dàng chỉ nhìn bề ngoài vội vàng phê phán, phải hợp cảnh (vị trí của tuổi) mới rõ đâu là chân chánh khác với lộng hành, như người tuổi nào bộ Tử Phủ Vũ Tướng này phải đóng ở trong tam hợp Thái Tuế mới trúng cách, ngoài ra chưa chắc đã dự phần đáng trọng. Vị trí Thìn đắc cách có Thiên Tướng phò giá Tử Vi chinh phạt kẻ chống đối Phá Quân ở Tuất. Trường hợp tuổi Dần Ngọ Tuất Mệnh có Phá Quân ở Tuất, chắc chắn phần chánh nghĩa không phải ở Tử Tướng ở Thìn. Sự tồn vong phải chờ thời gian mới rõ trắng đen.

Tử vi ở Tỵ Hợi xuất du hộ giá có Thất Sát là tôi thần tính tình cương trực nóng nảy nên không bao giờ đồng mặt với Thiên Phủ, nên dễ hành động lầm lẫn với các bạn Liêm Phá, rồi sau mới chỉnh đốn lại được bằng sức của Tham Vũ. Đây là trường hợp bộ Tử Phủ bị xé lẻ, bộ Sát Phá Tham lộng hành. Còn nói chi khi Tử vi bị Phá Quân bạt mỗi nơi không còn thể thống là cảnh tàn tạ của Tử Phủ. Vậy Tử vi Thiên Phủ chỉ là hình tượng hiền hậu ôn nhu có phần nào yếu nhược. Còn lại Vũ Tướng thì Vũ Khúc lại có tính cô độc tham lam dễ bị lợi dụng, trường hợp Vũ Phá ở Tỵ Hợi, Vũ Sát ở Mão Dậu bộ Sát Phá Tham thị kiềm chế không còn tình nghĩa gì với Đế tinh.

Đặc biệt là Thiên Tướng rất xứng danh một vị tướng nhà trời, không một trường hợp nào Thiên Tướng đứng chung với Sát Phá Tham và thường xuyên chống Phá Quân bất kể vị trí nào (Thiên tướng xung Phá Quân) chỉ biết có Tử vi, nếu trường hợp bị xa cách thì luôn luôn giao tiếp với Thiên Phủ, vị thừa tướng ôn nhu trung tín. Chỉ có ở vị trí Tí Ngọ chịu đựng với Liêm Trinh để tôn uy danh một Liêm Tướng trong lúc Tử vi luận bàn với Thiên Phủ (Tử Phủ Dần Thân).

Bộ Sát Phá Liêm Tham là bộ thực hành như một cái máy, quay là chạy nên sự tốt xấu với một mức độ rất cao. Trong 4 sao có 3 sao thuộc nhóm âm (Thiên Phủ) là Sát Phá Tham, còn lại 1 Liêm Trinh thuộc vòng dương (Tử vi), cho nên mỗi khi bộ Tử Phủ đứng có Liêm Trinh phò tá thì Liêm phải là đắc địa để thêm uy danh thẳng thắn liêm khiết như: Tử vi ở Tí Ngọ thì Liêm Phủ phải ở Thìn Tuất, Tử Tướng ở Thìn Tuất thì Liêm trinh ở Dần Thân, Tử Phủ ở Dần Thân thì Liêm Tướng ở Tí Ngọ. Trái lại bộ Sát Phá Tham một khi có thêm Liêm nhập cuộc, thì sao nào đứng chung với Liêm đều hung hãn quá mức như: Liêm Tham, Liêm Phá, Liêm Sát. Hai chữ Liêm Trinh đủ nghĩa tư cách chính trực nghiêm nghị theo con đường thẳng thắn, vì yếu thế nên không cảm hoá nổi bộ 3 này. Thất sát lại khác dũng mãnh cương quyết can đảm hành việc thì dứt khoát không dây dưa bên vị trí của Sát lúc nào cũng chống chọi Thiên Phủ ôn nhu.

Trong 4 sao thì 2 Liêm Sát đã ngả theo hành vi với Tử Phủ, còn lại Phá quân vốn tính tình hiếu thắng bất khuất (vì chữ Quân) và Tham Lang quá tham vọng, nên có những cuộc trở cờ uy hiếp Đế tinh (Tử Phá Sửu Mùi và Tử Tham Mão Dậu). Phá Quân phải nhìn nhận là xuất sắc có tài thao lược dũng mãnh hơn người, nên trong địa bàn vai trò quan trọng của Thiên Tướng phải thường trực ngăn chặn Phá Quân để giữ gìn uy thế cho Tử Vi. Phá Quân có một vị trí cao đẹp quá hãnh diện ở Tí Ngọ tư cách sáng ngời sánh vai Tử Phủ, nếu lại là tuổi Giáp Dần Ngọ Tuất hay Canh Thân Tí Thìn thì không thể không tên tuổi mai hậu. Tham Lang có tham vọng quá lớn, thêm phần tự đắc dễ lầm lẫn nhờ đứng cặp với Vũ Khúc mau hối cải.

Phái Cơ Nguyệt Đồng Lương Cự Nhật có bộ Nhật Nguyệt là tinh anh sáng ngời trình bày phô trương cả khí phách đời người.

Không phải thấy Thái Dương đóng từ Dần đến Mùi là hợp lý và Thái âm từ Thân đến Sửu là đẹp, phải phân tích dương cho trúng dương cách mà âm là rõ ràng âm điệu (đã có bài nói riêng về bộ đôi này). Cự Môn chủ tinh là lý luận thuyết phục muốn nổi danh phải có Thái Dương hoà hợp. Xuất sắc ở vị trí Tí cung được Thái Dương ở Thìn tam hợp chiếu sáng nổi bật những gì là Cự môn tiềm tàng quí giá ở trong, thực có khác với Cơ Cự mưu trí thủ đoạn. Thiên cơ là then máy của tạo hoá rất khôn ngoan mưu lược quyền biến tuỳ thời, có thể liên lạc với Cự môn, có khi lại đi đôi với Thiên Lương vẫn thành công giữ được tình cảm. Thiên lương như chữ đã đặt bản tính tốt nhân hậu của thế nhân. Trong 12 vị trí địa bàn ngay cả nơi u tối (Dậu không tương hợp) vẫn có tư cách khác người không xa khoan hoà bác ái. Nhờ có Nhật Nguyệt thường xuyên luân phiên chiếu tỏ, đắc cách làm thầy muôn thuở bằng như ham cảnh thì gieo tình với cỏ cây sông núi. Thiên Đồng đứng ở trong quĩ đạo của Tử vi nên khoan hoà nhân hậu sẵn có, ưa canh cải nhiều khi thua thiệt như hợp tác với Cự Môn ở Sửu Mùi dụng ý dung hoà cải hoá. Nói chung toàn thể 6 sao phái âm đều nhận chân một nếp sống tinh thần làm chủ yếu nên phần nhân hậu khoan hòa tuỳ theo tính cách mỗi sao và hoàn cành mỗi vị trí không nhiều thì ít từ thiện.

Trong 14 chính tinh, Tử vi quả là thần tượng có đủ uy nghi phước đức, nhưng không qua khỏi được cảnh Tử Phá Tham không tự lực hàn gắn nổi bước đường phiêu bạt. Thiên Phủ có tài an bang tế thế vẫn phải khoanh tay trong cảnh phong ba sóng dậy, chỉ còn trông cậy vào một Thiên Tướng ra tay vãn hồi bảo trợ. Phải chăng Tử Phủ chỉ là ngôi vị sinh ra để thụ hưởng. Vai trò của Thiên Tường rất đáng trọng, không một giây phút nào Thiên Tướng không ra ngăn chống Phá Quân, từ những cách Vũ Tướng ở Dần Thân đến Liêm Tướng Tí Ngọ, rồi cùng Đế chiến đấu nơi Thìn

Tuất, cho đến lúc đơn thương độc mã ở Tỵ Hợi Mão Dậu Sửu Mùi một thân gánh vác không bao giờ chểnh mảng dẳn mặt Phá Quân. Bộ Sát Phá Tham nên nhìn nhận Phá Quân có đảm lực tinh thần bất khuất. Hiên ngang một đấng trượng phu ở Tí Ngọ, một cõi sơn hà sánh vai hoà giải với Tử Phủ ở Dần Thân, không hổ với chiến bào khoác vào thân chữ “Quân” thiếu tư cách. Cuộc sống tinh thần tư tưởng siêu việt Thiên Lương là thượng phẩm, trí óc là cả khối Nhật Nguyệt. Vậy trong 14 chính tinh đâu là ngọc châu quí giá ? Sự lựa chọn bảo không ngoài Thiên Tướng và Thiên Lương.

Hai lá số cùng tuổi Canh Tuất, sanh ngày 18 tháng 3 giờ Tý, Mệnh Thân ở Thìn khoác áo Tử Phủ Vũ Khúc thủ Mệnh hãnh diện với khuê bài tam hóa liên châu. Cuộc đời đưa đến tột bậc cao sang nhưng vạn niên sau khi nhắm mắt không hàn gắn nổi vết thương lòng. Quyền Lộc ở đây có phải là bùa mê thuốc lú.

```
+------------------------------+------------------------------+------------------------------+------------------------------+
|<Phu Mau>                     |<Phuc Duc>                    |<Dien Trach>                  |<Quan Loc>                    |
|       (M)Thai Duong          |       (M)Pha Quan            |       (D)Thien Co            |       (M)Tu Vi               |
|                              |                              |                              |       (M)Thien Phu           |
| +Hong Loan      -Dai Hao     | +Thien Khoi     -Bach Ho     | +Phuc Duc       -Da La       | +Huu Bat        -Dau Quan    |
| +Hoa Loc                     | +Ta Phu         -Phuc Binh   | +Quan Doi       -Qua Tu      | +Loc Ton        -Thien Khoc  |
| +Long Duc                    | +Moc Duc                     | +Thien Duc      -Quan Phu    | +Bac Si         -Dieu Khach  |
| +Trang Sinh                  | +Thai Phu                    |                              | +Lam Quan                    |
|                              | +Thien Phuc                  |                              | +Thien Ma                    |
|  14                          |  24                          |  34                          |  44                          |
+------------------------------+------------------------[Triet]-----------------------------+------------------------------+
|<Menh>                  <Than>|Hoi |                    Ti   |Suu                       |Dan |<No Boc>                      |
|       (M)Vu Khuc             |----+-------------------------+--------------------------+----|       (M)Thai am             |
|                              |    |                                                   |    |                              |
| +Van Khuc       -Benh Phu    |    |             Ho ten: Canh Tuat 1                   |    | +De Vuong       -Kinh Duong  |
| +Duong          -Thien Hu    |    |             Sanh  : 18 Thang 3                    |    | +Dia Giai       -Truc Phu    |
| +Hoa Quyen      -Tue Pha     |    |             Nam   : Canh Tuat                     |    | +Hoa Khoa       -ThienThuong |
| +Quoc an        -Thien La    |    |             Gio   : Ti                            |    | +Luc Si                      |
|                              |    |             Tuoi  : Duong Nam                     |    |                              |
|                              |    |             Menh  : Thoa Xuyen Kim                |    |                              |
|   4                          |Tuat|             Cuc   : Kim Tu cuc                    |Mao |  54                          |
+------------------------------+----|                     am duong thuan ly             |----+------------------------------+
|<Huynh De>                    |Dau |                     Menh Cuc Binh Hoa             |Thin|<Thien Di>                    |
|       (D)Thien Dong          |    |       Sao chu menh  : +Loc Ton                    |    |       (V)Tham Lang           |
|                              |    |       Sao chu than  : +Van Xuong                  |    |                              |
| +Bat Toa        -Hoa Ky      |    |                                                   |    | +Van Xuong      -Linh Tinh   |
| +Dao Hoa        -Thien Rieu  |    |                                                   |    | +Hoa Cai        -Thai Tue    |
| +Hy Than        -Luu Ha      |    |                                                   |    | +Thanh Long     -Suy         |
| +Nguyet Duc     -Tu Phu      |    |                                                   |    | +Thien Giai     -Dia Vong    |
| +Thai                        |    |                                                   |    |                              |
| +Thien Y                     |    |                                                   |    |                              |
|                              |----+-------------------------+--------------------------+----|                              |
| 114                          |Than|                    Mui  |Ngo                       |Ty  |  64                          |
+----------[Tuan]--------------+------------------------------+------------------------------+------------------------------+
|<Phu The>                     |<Tu Tuc>                      |<Tai Bach>                    |<Tat ach>                     |
|       (M)That Sat            |       (D)Thien Luong         |       (V)Thien Tuong         |       (D)Cu Mon              |
|                              |                              |       (V)Liem Trinh          |                              |
| +Thien Viet     -Quan Phu    | +Mo             -Hoa Tinh    | +Giai Than      -Tang Mon    | +Luu Nien       -Benh        |
| +An Quang       -Tuyet       | +Thieu am       -Pha Toai    | +Phuong Cac     -Tu          | +Tam Thai       -Co Than     |
| +Long Tri                    | +Tau Thu                     | +Thien Quy                   | +Thien Hi       -Dia Kiep    |
| +Phi Liem                    | +Duong Phu                   | +Tuong Quan                  | +Thien Quan     -Dia Khong   |
| +Phong Cao                   |                              |                              | +Thieu Duong    -Kiep Sat    |
| +Thien Tho                   |                              |                              |                 -Thien Hinh  |
| +Thien Tai                   |                              |                              |                 -Thien Khong |
| +Thien Tru                   |                              |                              |                 -Tieu Hao    |
|                              |                              |                              |                 -Thien Su    |
| 104                          |  94                          |  84                          |  74                          |
+------------------------------+------------------------------+------------------------------+------------------------------+
```

Còn tuổi Canh Tuất sanh ngày 1 tháng 11 giờ Tý mệnh ở Tý chấp nhận kiếp nhân sinh ở thế Tang Môn với Thiên Lương chủ não. Thân sống trôi nổi khắp đó đây cho đến ngày về cõi là lúc lưu danh vạn thế sự , tam hóa liên châu tô điểm Nô cung, môn đệ thành danh siêu phẩm triết nhân á thánh.

Với 2 bản số này, Tử Phủ với Thiên Lương cùng ở tư thế trái ý bất mãn, khác nhau chỉ một ly đi muôn vạn dặm. Tuế Phá lầm lỗi vụng suy bị bả vinh hoa quyến rũ. Tang Môn nặng lo nhờ tinh thần sáng suốt không nản trước khó khăn ...

Vậy đâu là ngọc châu quý giá ?

```
+------------------------------+------------------------------+------------------------------+------------------------------+
|<No Boc>                      |<Thien Di>                    |<Tat ach>                     |<Tai Bach>                    |
|       (H)Pha Quan            |       (M)Thai Duong          |       (D)Thien Phu           |       (V)Thien Co            |
|       (H)Vu Khuc             |                              |                              |       (V)Thai am             |
| +Hong Loan      -Dai Hao     | +Thien Khoi     -Bach Ho     | +Phuc Duc       -Da La       | +Loc Ton        -Benh        |
| +Dia Giai       -ThienThuong | +De Vuong       -Phuc Binh   | +Thien Duc      -Qua Tu      | +Bac Si         -Thien Khoc  |
| +Hoa Quyen                   | +Hoa Loc                     |                 -Quan Phu    | +Hoa Khoa       -Dieu Khach  |
| +Lam Quan                    | +Thai Phu                    |                 -Thien Hinh  | +Thien Ma                    |
| +Long Duc                    | +Thien Giai                  |                 -Thien Su    |                              |
| +Thien Quy                   | +Thien Phuc                  |                 -Suy         |                              |
|  56                          |  66                          |  76                          |  86                          |
+------------------------------+---------------------------[Triet]---------------------------+------------------------------+
|<Quan Loc>                    |Hoi |                      Ti |Suu                      |Dan |<Tu Tuc>                      |
|       (H)Thien Dong          |----+-------------------------+-------------------------+----|       (B)Tu Vi               |
|                              |    |                                                   |    |       (H)Tham Lang           |
| +Van Khuc       -Benh Phu    |    |             Ho ten: Canh Tuat 2                   |    | +An Quang       -Kinh Duong  |
| +Quan Doi       -Hoa Ky      |    |             Sanh  : 1 Thang 11                    |    | +Luc Si         -Truc Phu    |
| +Quoc an        -Thien Hu    |    |             Nam   : Canh Tuat                     |    |                 -Tu          |
|                 -Tue Pha     |    |             Gio   : Ti                            |    |                              |
|                 -Thien La    |    |             Tuoi  : Duong nam                     |    |                              |
|                              |    |             Menh  : Thoa Xuyen Kim                |    |                              |
|  46                          |Tuat|             Cuc   : Hoa luc cuc                   |Mao |  96                          |
+------------------------------+----|                     am duong thuan ly             |----+------------------------------+
|<Dien Trach>                  |Dau |                     Cuc Khac Menh                 |Thin|<Phu The>                     |
|                              |    |    Sao chu menh   : +Loc Ton                      |    |       (H)Cu Mon              |
|                              |    |    Sao chu than   : +Van Xuong                    |    |                              |
| +Dao Hoa        -Luu Ha      |    |                                                   |    | +Van Xuong      -Linh Tinh   |
| +Hy Than        -Tu Phu      |    |                                                   |    | +Hoa Cai        -Thai Tue    |
| +Moc Duc                     |    |                                                   |    | +Mo             -Dia Vong    |
| +Nguyet Duc                  |    |                                                   |    | +Thanh Long                  |
|                              |    |                                                   |    | +Thien Tho                   |
|                              |----+-------------------------+-------------------------+----| +Thien Tai                   |
|  36                          |Than|                     Mui |Ngo                      |Ty  |  106                         |
+----------[Tuan]--------------+------------------------------+------------------------------+------------------------------+
|<Phuc Duc>                    |<Phu Mau>                     |<Menh>                  <Than>|<Huynh De>                    |
|                              |       (D)That Sat            |       (V)Thien Luong         |       (D)Thien Tuong         |
|                              |       (D)Liem Trinh          |                              |                              |
| +Thien Viet     -Quan Phu    | +Duong          -Hoa Tinh    | +Huu Bat        -Dau Quan    | +Luu Nien       -Co Than     |
| +Ta Phu                      | +Thieu am       -Pha Toai    | +Bat Toa        -Tang Mon    | +Thien Hi       -Dia Kiep    |
| +Long Tri                    | +Tau Thu                     | +Giai Than                   | +Thien Quan     -Dia Khong   |
| +Phi Liem                    | +Duong Phu                   | +Phuong Cac                  | +Thien Y        -Kiep Sat    |
| +Phong Cao                   |                              | +Thai                        | +Thieu Duong    -Thien Rieu  |
| +Tam Thai                    |                              | +Tuong Quan                  |                 -Thien Khong |
| +Trang Sinh                  |                              |                              |                 -Tieu Hao    |
| +Thien Tru                   |                              |                              |                 -Tuyet       |
|  26                          |  16                          |   6                          |  116                         |
+------------------------------+------------------------------+------------------------------+------------------------------+
```

TUẦN TRIỆT

CÓ LỢI ÍCH GÌ CHO MỆNH CÓ CHÍNH DIỆU

"Tuần, Triệt đương đầu thiếu niên tân khổ" là một trong những câu người mới học số hay học thuộc lòng như "Mệnh vô chính diệu phi bần tắc yểu". Nó giản dị dễ nhớ mỗi khi đọc lên là thấy ngay nghĩa giảng rất ít thấy sai trật. Bây giờ đặt câu hỏi: Tuần Triệt ở Mệnh có chính tinh có ích lợi gì ? Có vẻ trái lý, nhưng cứ đặt căn bệnh lên bàn mổ phân tích xem có gì đáng ý.

Như thường thấy mệnh vô chính diệu ai cũng nói cần có nhiều Không (Tuần Triệt cũng là một thứ Không) mới tốt, nhưng vì lẽ ngũ hành rất phức tạp nên người học số thường bị lầm không phân biệt đâu là đắc Không với ngộ Không và kiến Không.

Nhân tiện xin nhắc qua Mệnh vô chính diệu là Mệnh không chính tinh ví như nhà cây không cột cái, nhà đúc không sườn sắt làm nòng cốt. Vậy Mệnh vô chính diệu muốn được đắc cách phải có gì làm xương sống, nghĩa là phải có sát tinh đắc địa, hợp hành

với Mệnh để mệnh dựa vào mà đứng lên. Sát tinh chỉ có hai hành Hoả và Kim, 2 hành Thổ và Mộc coi như không có một sát tinh nào, còn hành Thuỷ có Hoá Kỵ và Lưu Hà. Hoá Kỵ phải cặp bồ với Thanh Long là trường hợp rất hãn hữu.

Còn trong nghịch cảnh phải có Tuần Triệt để chế hoá những gì không hay cho Mệnh như Mộc Mệnh có Thiên Hình: nếu không Tuần còn gì là Mệnh, cũng như Kim Mệnh gặp Không Kiếp, dầu đắc địa đi nữa cũng khốn khổ đảo điên, phải có Triệt bẻ gãy Không Kiếp mới mong tránh được tai hoạ.

Cũng xin bàn qua về 3 trường hợp đắc, ngộ và kiến Không:

1 /- Chỉ có người Hoả Mệnh được nêu cao qua thành tích đắc Không như mệnh có một Không đắc địa thủ và 2 Không ở cung tam hợp không trung tinh đắc cách.

2/- Mệnh có sát tinh khắc hành Mệnh như Mộc mệnh có Thiên Hình thủ, 2 cung tam hợp có Không Kiếp chiếu, tức là ngộ Không.

3/- Mệnh có một Không thủ, 2 cung tam hợp có 2 Không mà có trung tinh đắc cách gọi là Kiến không.

Có người cho rằng Tuần Triệt không có hành gì cả, chỉ là 2 lá bùa mầu nhiệm để biến hoá bộ mặt các sao ra nhiều cảnh trí khác nhau, muôn hình vạn trạng để cho Tử vi thêm phong phú, khúc triết và mạch lạc hơn. Có ý cho Tuần Triệt đóng ở giữa 2 cung có ý nghĩa không phải là sao, là 2 phần bộ Tử vi công việc chỉ điều chỉnh những gì ở 2 cung mà mức độ cường nhược, đậm lợt phải khác nhau.

Nói đến huyền bí Á Đông, không có gì thoát ra khỏi lý lẽ âm dương và ngũ hành như Triệt an theo hàng Can (Giáp, Ất, Bính Đinh...) thuộc dương, còn Tuần an theo hàng chi (Quý Dậu, Quý Hợi, Quí Sửu) là âm, cả 2 đều tuỳ theo Mệnh viên (dương hay âm) mới phân định được ảnh hưởng nhiều hay ít cho 1 cung nào ở 2 bên Tuần Triệt đóng, như Triệt ở Thân Dậu cho cả 2 tuổi Giáp và Kỷ. Giáp là dương ảnh hưởng ở Thân, Kỷ là âm ảnh hưởng đậm ở Dậu. Tuần cứ hết một con giáp đến địa chi cuối như Dậu Hợi Sửu Mão Tỵ Mùi thì an Tuần ở cung sau, có nghĩa là cái gạch để nối con giáp trên với con giáp dưới.

Cho Triệt là Kim, Tuần là Hoả thấy có phần trúng, nghiệm rằng người Kim mệnh bất cứ cung gì đóng ở Kim cung mà gặp Triệt, thiệt thòi của cung ấy có bị gẫy đổ, nhưng có tiếng dội, và người hoả mệnh gặp Tuần ở Hoả cung cũng vậy, phải có ngày ló rạng.

Mệnh có chính tinh nhất là chính tinh hợp hành Mệnh không bao giờ nên có Thiên Không hay Không Kiếp chen vô trong tam hợp. Là người trong xã hội hữu công vô lao, có công bị cướp công, có của bị cướp của, rất ít ai tử tế với mình, đói thì lần đến cầu

van, no là kiếm đường rút lui, lại còn hẳn học. Trường hợp chính tinh khắc hành Mệnh, lại được cung nghinh sinh sao như người Mộc ở Thìn Tuất có Vũ Khúc (cung sinh sao, sao khắc mệnh). Tưởng đâu người nặng nề vác bao bố bạc, ai dè chỉ là bao vỏ ốc, người ta ăn hết ruột thuê mướn mình khệ nệ vác đi đổ. Hai trường hợp này Tuần Triệt nhập cuộc được coi như vị bác sĩ giải phẫu tô điểm lại sắc đẹp cho bộ mặt xấu xí của khách hàng. Cũng nên phân biệt Tuần Triệt khác nhau để biết mức độ hoa mỹ của bộ mặt mới của người được giải phẫu.

Đã nói Tuần chỉ là gạch nối liền 2 con Giáp cũng như 2 bên bờ sông có cây cầu bắc qua để nối con đường bên này sông với bên kia sông, thì khi xe sửa soạn lên cầu để đi qua xe phải giảm tốc độ. Tuần là cái thắng kềm bớt bộ máy huyền vi của số nhất là chuyển từ vận hội này sang vận hội khác, có Mệnh viên vẫn giữ gìn chỉ tô vẽ lại phần nào khuôn mặt, từ dữ dằn Sát Phá Tham làm dịu hiền đôi chút biến thành bạch diện thư sinh. Với người Cơ Nguyệt Đồng Lương gặp Tuần không phải là đổi thành khí phách hào hùng Sát Phá Tham, chỉ làm cho người này chậm rãi, phấn đấu khó khăn thêm. Triệt lại khác là bao vây triệt hạ, ngăn cách từ cái xấu đến cái tốt, có nghĩa là đã không cho xâm nhập ngoài vào còn phá đổ cái gì ở trong cung phong toả. Tai hại nhất là khuôn khổ cứng rắn như Sát Phá Tham và bất khuất như Tử Tướng, không còn gì là phong độ oanh liệt của người dọc ngang trời đất bất kể trên đầu có ai. Mỗi cử động chủ trương đều hầu chực sẵn khó khăn, nhưng cũng để bù lại, để tránh những gì nguy hiểm sắp đến (tiểu hạn mà thôi).

Đây chỉ là phần của sao, còn phần cung mới là quan trọng (tư cách). Cung là vị trí là miếng đất Mệnh, Thân ngự trị. Tuần Triệt không thể thay đổi tính cách như Thái Tuế bị Triệt không thể thành Tuế Phá, Thiếu âm bị Tuần không hẳn trở nên Thiếu Dương được. Những tính cách của sao bị Tuần Triệt cũng phải tuỳ thuộc vị trí mà thay đổi tư cách.

Mệnh Thái Tuế Liêm Phá bị Triệt là người kẻ cả, không thể nhắm mắt dùng mánh khoé sắc mắc hành động, khác với Mệnh Tuế Phá Liêm Phá bị Triệt là người tự mình hạn chế thủ đoạn để làm việc và trường hợp đáng để cổ võ hoan nghênh vì người tam hợp Tuế Phá thường thấy thất vọng triền miên, dễ làm việc thất nhân tâm. Ở đây tự xét mình mà trở thành người đáng phục. Cũng như người Thái Tuế Tham Vũ là người có mộng ước quá lớn, mỗi khi bắt tay vào việc thấy nhiều cản trở khiến phải lòng dòng. Với người Tuế Phá Tham Vũ bị Tuần lại khác, cũng thấy nhiều cản trở, lòng dục của mình bị hạn chế lại miễn là mình làm được việc. Người Thiếu Dương Tham vũ bị Tuần là người ham ôm một hoài bão, thấy không thể thực hiện nổi trọn vẹn đành phải thuận theo

đường lợi ích chung. Người Thiếu âm Tham Vũ bị Tuần lại khác, biết mình chỉ là quân bài hy sinh tốt hơn là sống theo kiểu tuỳ gia phong kiệm, tiếng cả nhà không an phận.

Tóm tắt: Tuần Triệt đương đầu thiếu niên tân khổ không phải là gì ra đời, nếu có Tuần Triệt ngay Mệnh là đều khổ ải cả tuổi thiếu thời. Việc này còn tuỳ ở vận hạn. Nhưng điều chắc là mọi việc khởi đầu nan, không khác gì chìa khoá mở máy bị lờn (demaruer).

Người ta chỉ mở một lần là xe máy nổ, xe của mình phải kéo giật đến 3, 4 lần mới được. Nhưng tính lợi hại không phải toàn thể là hại, có những trường hợp giúp ích cho người có số trong tam hợp Tuế Phá, Thiếu Dương Thiếu Âm, phải nói là Tuần Triệt như trên đã nói. Những người này là những thiêu thân, chẳng may bị đặt để vào vị trí không cho phép hài lòng, tự hồi chánh, trở nên những thành phần lương đống hữu ích cho quốc gia xã hội.

Tưởng Tuần Triệt trong các cách này rất ích lợi cho Mệnh viên có chính tinh, nâng tư cách, phơi bầy hạnh kiểm cá nhân lên hàng danh dự không riêng gì người tam hợp Thái Tuế.

TÁC DỤNG CỦA NHỊ HỢP TAM HỢP VÀ XUNG CHIẾU

Trung thực mà nói từ trước đến giờ không thấy sách vở và ai đả động đến công dụng của nhị tam hợp lợi hại ra sao? Chỉ thấy nói mỗi khi xem một cung số như Mệnh chẳng hạn thì phối hợp cả 5 cung: Mệnh, 2 cung tam hợp là Quan và Tài, xung chiếu là Di, cung nhị hợp và trình bày 2 bảng kể như:

Tam hợp
Dần Ngọ Tuất
Hợi Mão Mùi
Thân Tý Thìn
Tỵ Dậu Sửu

Nhị hợp
Tý với Sửu
Dần với Hợi
Mão với Tuất
Thìn với Dậu
Tỵ với Thân
Ngọ với Mùi

Thiết tưởng Tử vi đâu có sơ sài giản dị đến thế. Mỗi khi đã dùng và lập thành hình cái bộ phận gì phải hiểu nắm được cái tác dụng và đường lối áp dụng nó thế nào mới được. Vậy nay ta phải

tìm kiếm thử phân tích, nếu có thể được, đặt thành nguyên tắc hệ thống hoá để sử dụng. Trước khi nói đến nhị hợp cần phải hiểu cái tam hợp trước, vì tam hợp là căn bản của thế đứng chân vạc của mỗi cung địa chỉ liên đới thành một sức mạnh có một tôn chỉ một phù hiệu chung đứng trong ngũ hành:

Thân Tí Thìn, tuy mỗi địa chi có một hành riêng (Thân=Kim, Tí=Thuỷ, Thìn=Thổ) hợp nhất lại có một hành chung là Thuỷ.

Dần Ngọ Tuất là Hoả.

Tỵ Dậu Sửu là Kim.

Hợi Mão Mùi là Mộc.

Bốn trường hợp này đều có cái Thổ là Thìn Tuất Sửu Mùi (Tứ Mộ) làm nòng cốt nền tảng để cho Dần Thân Tỵ Hợi (Tứ sinh) phát nguồn bồi đắp cho Tí Ngọ Mão Dậu (Tứ chính) được đầy đủ sung túc trở thành một hành chính vững mạnh của tam hợp, vì lẽ đó nên không có hành Thổ.

Biết rằng Thổ có 4 chia ra 2 dương Thổ là Thìn Tuất và 2 âm Thổ là Sửu Mùi.Còn mỗi hành kia chỉ có 2, một âm và một dương như:

Thân là dương Kim và Dậu là âm Kim.

Hợi là âm Thuỷ và Tí là dương Thuỷ.

Dần là dương Mộc và Mão là âm Mộc.

Tỵ là âm Hỏa và Ngọ là dương Hỏa.

Ý nghĩa Thổ là nguyên thuỷ nơi sản xuất và tập trung cho 4 hành kia một khi đã mạnh chế hoá nhau, thắng hay bại rồi cũng rụi tàn về nguyên cõi (Thổ).

Nhị hợp cũng phải biết cung ở đó trong thế tam hợp nào đối với chính cung. Tình trạng nhị hợp là luôn luôn đối với chính cung chỉ có sinh không có khắc, tức là chỉ có sinh nhập hay sinh xuất như:

Xem cung Thìn thì Thân Tí Thìn là tam hợp Thuỷ, nhị hợp là Dậu (Tỵ Dậu Sửu là Kim) được Dậu sinh nhập cho Thìn, mọi sự may rủi bột phát. Trái lại xem qua cung Dậu (Tỵ Dậu Sửu là Kim) nhị hợp là Thìn (Thân Tí Thìn là Thuỷ) Dậu phải sinh xuất cho Thìn, mọi sự may rủi phải sút kém, không trông cậy được gì ở nhị hợp.

Còn xung là thế khắc như Dần Ngọ Tuất xung Thân Tí Thìn và Tỵ Dậu Sửu xung Hợi Mão Mùi, có nghĩa là luôn luôn khắc nhau không bao giờ có sinh, một là khắc xuất hai là khắc nhập.

Chính cung khắc xuất đối xung thì mọi tài nguyên của xung mới tóm thâu được ví như người thắng cuộc. Trường hợp đối xung khắc nhập chính cung thì làm sao chính cung thu được lợi lộc của xung chiếu, bị coi là kẻ chiến bại làm gì còn hống hách với người thắng trận (nên nhớ cái hay cái đẹp ở xung là nguồn lợi của đối phương chứ không phải của chính cung, vì xung ở trong tam hợp

khác và khắc) không bao giờ ở thế đồng hành hay sinh cho chính cung.

Tử vi là một khoa lý học Á Đông lấy gốc rễ là âm dương ngũ hành là phương tiện tìm ra mọi thành quả, thì sinh khắc chế hoá là phần phụ thêm bớt ảnh hưởng ở thế tương sinh, khác hẳn xung chiếu là thế tương khắc là tình cảnh khó khăn mệt sức dầu là thắng lợi (khắc xuất).

Trường hợp Lộc tồn là ví dụ điển hình minh bạch nhất. Không phải là thấy có Lộc Tồn là người có được hoàn toàn hưởng thụ phú quí do định mệnh đã an bài ở vị trí nhất định tuỳ theo hàng thiên can của tuổi cũng như bộ ba tam hóa Khoa Quyền Lộc tô điểm thêm cho số bông đẹp trái ngon.

Lộc tồn đã phân phối đầy đủ cho 12 tuổi đều nhau có vị trí hẳn hoi ấn định như:

Tuổi Dần Ngọ Tuất được dành Lộc Tồn theo hàng thiên can Giáp (1).

Tuổi Thân Tí Thìn được hưởng Lộc Tồn thuộc hàng thiên can Canh (2).

Tuổi Hợi Mão Mùi được hưởng Lộc Tồn thuộc hàng thiên can Ất (1).

Tuổi Tỵ Dậu Sửu được hưởng Lộc Tồn thuộc hàng thiên can "Tân"

(1) Trừ 2 tuổi Canh Thìn và Tân Tỵ chỉ hưởng tương đối vì Lộc Tồn ngộ "Tuần"

Mười hai tuổi đã được chia đều rành rẽ lẽ đương nhiên Lộc Tồn đó đặt ở trong phạm vi của tam hợp tuổi mới hoàn toàn thụ hưởng cho đương số, như hoa thơm quả chín trong vườn đất mình đã có công trồng tưới bón. Còn như may mà mệnh đóng trúng cung có Lộc Tồn như tuổi Canh Dần Ngọ Tuất đóng ở cung Thân Tí Thìn, tuổi Giáp Thân Tí Thìn đóng ở cung Dần Ngọ Tuất, tuổi Bính Mậu đóng ở Tỵ, Tuổi Đinh Kỷ đóng ở Ngọ, Nhâm đóng ở Hợi, Quý đóng ở Tí. Lộc Tồn đó là của đối phương mình cướp giật lấy hay là thọ hưởng trong nghịch cảnh có nghĩa là không bền, chuốc lấy tiếng phê bình thị phi hờn oán mà rồi ra còn mang họa vào thân là trường hợp Lộc Tồn có Lưu Hà, Kiếp Sát canh chừng.

Vậy cái quan trọng chính yếu của Tử vi là tam hợp. Nắm được tam hợp rồi phăng ra nhị hợp và xung chiếu và hiểu rõ được vị trí Mệnh nằm trong vòng Thái Tuế, thiết tưởng số như đã mở toang ra cho thấy đến 7,8/10 đời cá nhân.

Tóm lại, có thể biết một khi Mệnh viên ở thế nhị hợp sinh xuất là chắc chắn cá nhân đó tính tình hào phóng bao dung. Còn người ở địa vị sinh nhập là người cần kiệm, sự việc bất đắc dĩ phải giao tế rộng rãi chỉ là đúng mức ân tình nghĩa luỵ mà thôi.

Thu gọn chỉ cần biết mệnh đóng ở tam hợp nào của vòng Thái tuế, dầu là dương nam hay âm nữ hay dương nữ âm nam, cái nguyên tắc chính này vẫn không xê dịch thay đổi.

Tam hợp của mỗi lá số là thế cờ của mỗi cá nhân, may mắn là trường hợp Thân Tí Thìn, đóng ngay Thân Tí Thìn và Tỵ Dậu Sửu ở trúng Tỵ Dậu Sửu, là kiếp nhân sinh đã đặt sẵn vai trò gì can hệ không nhiều thì ít trong một giai đoạn nào với đầy ý nghĩa. Khác với người Dần Ngọ Tuất trong Dần Ngọ Tuất, Hợi Mão Mùi trong Hợi Mão Mùi cũng như 2 vai trò Thân Tí Thìn và Tỵ Dậu Sửu được lợi điểm là khắc xuất xung chiếu.

Xung chiếu là vai trò vô danh chẳng may ở vị trí bị khắc nhập nhưng nếu là tam hợp Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ dẫu có bị thua thiệt đau thương, trên danh nghĩa không bao giờ phai mờ công quả.

Điển hình là số Thái Tổ nhà Lê tuổi Ất Sửu ngày 6 tháng 8 giờ Tí

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tai  Bach>                  |<Tu Tuc>                     |<Phu The>                    |<Huynh De>                   |
|      (H)Thien Luong         |      (M)That Sat            |                             |      (V)Liem Trinh          |
|                             |                             |                             |                             |
| +Hoa Quyen     -Phuc Binh   | +Dao Hoa       -Dai Hao     | +Moc Duc       -Benh Phu    | +Thien Viet    -Thien Rieu  |
| +Lam Quan      -Quan Phu    | +Luu Nien      -Dau Quan    |                -Thien Hu    | +Hy Than                    |
| +Long Tri      -Thien Khoc  | +Nguyet Duc    -Tu Phu      |                -Tue Pha     | +Long Duc                   |
|                             | +Quan Doi                   |                             | +Thien Hi                   |
|                             | +Thai Phu                   |                             | +Thien Phuc                 |
|                             | +Thien Tru                  |                             | +Thien Y                    |
|                             |                             |                             | +Trang Sinh                 |
|                             |                             |                             | +Duong Phu                  |
|  42                         |  32                         |  22                         |  12                         |
+-----------------------------+---------------------[Triet]-------------------------------+-----------------------------+
|<Tat ach>                    |Hoi |                   Ti   |Suu                    |Dan  |<Menh>                <Than>|
|      (V)Tu Vi               |----+------------------------+-----------------------+---- |                             |
|      (V)Thien Tuong         |    |                                                |     |                             |
| +Van Khuc      -Da la       |    |           Ho ten: Le Thai To                   |     | +Duong         -Bach Ho     |
| +De Vuong      -Quan Phu    |    |           Sanh  : 6 Thang 8                    |     | +Giai Than                  |
| +Hoa Khoa      -Thien Hinh  |    |           Nam   : at Suu                       |     | +Phi Liem                   |
| +Tam Thai      -Thien Su    |    |           Gio   : Ti                           |     | +Phuong Cac                 |
| +Thien Quan    -Thien La    |    |                                                |     |                             |
| +Thieu am                   |    |           Tuoi  : Am Nam                       |     |                             |
|                             |    |           Menh  : Hai Trung Kim                |     |                             |
|                             |    |           Cuc   : Thuy Nhi Cuc                 |     |                             |
|  52                         |Tuat|                                                |Mao  |   2                         |
+-----------------------------+----+                  am duong thuan ly             |-----+-----------------------------+
|<Thien Di>                   |Dau |                  Menh Sinh Cuc                 |Thin |<Phu Mau>                    |
|      (M)Thien Co            |    |    Sao chu menh  : Cu Mon                      |     |      (D)Pha Quan            |
|      (M)Cu Mon              |    |    Sao chu than  : Thien Tuong                 |     |                             |
| +Huu Bat       -Hoa Tinh    |    |                                                |     | +Van Xuong     -Linh Tinh   |
| +Loc Ton       -Tang Mon    |    |                                                |     | +Bat Toa       -Qua Tu      |
| +Bac Si        -Suy         |    |                                                |     | +Phuc Duc      -Luu Ha      |
| +Hoa Loc                    |    |                                                |     | +Thai          -Dia Vong    |
| +Thien Giai                 |    |                                                |     | +Thien Duc                  |
|                             |    |                                                |     | +Thien Tho                  |
|                             |    |                                                |     | +Tau Thu                    |
|                             |    |                                                |     | +Thien Tai                  |
|                             |----+------------------------+-----------------------+---- |                             |
|  62                         |Than|                  Mui   |Ngo                    |Ty   | 112                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+---------[Tuan]--------------+
|<No Boc>                     |<Quan Loc>                   |<Dien Trach>                 |<Phuc Duc>                   |
|      (D)Tham Lang           |      (D)Thai Duong          |      (M)Thien Phu           |      (D)Thien Dong          |
|                             |      (D)Thai am             |      (V)Vu Khuc             |                             |
| +An Quang      -Kinh Duong  | +Hoa Cai       -Hoa Ky      | +Thien Khoi    -Truc Phu    | +Ta Phu        -Dia Kiep    |
| +Hong Loan     -Benh        | +Thanh Long    -Pha Toai    | +Mo            -Tieu Hao    | +Quoc an       -Dia Khong   |
| +Dia Giai      -Co Than     |                -Thai Tue    | +Thien Quy                  | +Thien Ma      -Tuyet       |
| +Luc Si        -Kiep Sat    |                -Tu          |                             | +Tuong Quan    -Dieu Khach  |
| +Phong Cao     -Thien Khong |                             |                             |                             |
| +Thieu Duong   -ThienThuong |                             |                             |                             |
|  72                         |  82                         |  92                         | 102                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Mệnh Thân đồng cung ở Dậu, phải đây là người có sứ mạng từ tư tưởng quyết định bản thân đến định mệnh đưa đẩy đồng quan điểm (Tuổi Sửu Mệnh Thân đồng cung ở Dậu) và khi đã vén tay áo làm việc thì hăm hở mắm môi (Bạch Hổ). Đối với xung chiếu là Di có Cơ Cự đắc địa ở Mão thêm Lộc Tồn Hoá Lộc là tư cách của kẻ tham lam cay nghiệt (tư cách bóc lột của thực dân nhà Minh), vững mạnh vô cùng. Thái Tổ nhà Lê vẫn thắng ở thế Dậu (Tỵ Dậu Sửu khắc Hợi Mão Mùi), khắc xuất Mão. Mệnh ở Dậu

sinh xuất cho Ách ở Thìn, tự cách là người hào hiệp thu phục nhân tâm, nhưng sinh suất cho Ách là ách gây oan nghiệt của giết hại công thần oan ức thì Tử Tướng ngộ Hình thoát sao khỏi yểu vong. Đây là con đường rẽ của số, biết thì tránh được chông gai, dầu đắc Khoa giáp Quyền Lộc là bộ tam hoá liên minh đẹp nhất để giải tai nạn ở cung Thìn.

Phải chăng Mệnh sinh xuất cho Ách là mình phải lãnh nhận hậu quả (xin xem bảng kê năm xung trang dưới)

Những thành quả phát sinh do năm xung đối với tuổi:

a/- Tuổi Tứ Sinh thường thấy ngang trái bội nghĩa.

b/- Tuổi tứ Chính thường thấy lo ngại uy tín.

c/- Tuổi tứ Mộ thường thấy bệnh hoạn bê trễ.

CĂN CỨ VÀO YẾU ĐIỂM NÀO ĐỂ QUYẾT ĐỊNH GIỜ SINH

Bằng 4 yếu tố năm tháng ngày giờ lập nên lá số không đủ cặn kẽ cho một sự thể riêng biệt của cá nhân. Thấy số lượng quá ít chỉ trên nửa triệu lá số khác nhau nên sự trùng điệp thường đánh một dấu hỏi lớn cho người muốn biết lá số. Cứ trung bình trên khoảng đất ½ triệu cây số vuông, có 50 triệu dân tức là với 700 cây số bề dài thời tiết phong thổ không thể khác biệt nhau cho lắm có thể kết quả trung bình 100 người có lá số giống nhau, tối thiểu cũng phải từ 10 đến 20 số. Không lẽ một quốc gia như thế có đến 15 ông thủ tướng (vì số giống nhau).

Cái kẽ hở đó là hành động riêng biệt của mỗi người khác nhau nên hoạ phước phải tăng giảm theo số lượng nhiều hay ít. Nhưng khi lên bổng đắc chí hay xuống thấp buồn thảm thời gian phải giống nhau vì cùng thời gian hưng bại (đại tiểu vận).

Số đã trùng điệp như thế, có e ngại 4 yếu tố năm tháng ngày giờ lại trật sai nữa thật rất khó cho người có số muốn hiểu biết cuộc đời. Năm tháng là 2 khoảng có thể chính xác. Riêng ngày chỉ sợ thời gian giữa Hợi và Tí vì Hợi thuộc ngày hôm trước, Tí là khởi điểm ngày hôm sau. Còn giờ là một đề tài phức tạp. Xưa kia tổ tiên ta trước vấn đề nan giải trong lúc các bà mẹ sinh con không phân biệt được giờ trên hay dưới. Các cụ thường bốc đũa lên đếm nếu số chẵn là âm, số lẻ là dương (luật cơ ngẫu) để quyết định giờ nào vào lúc đó. Thật là nan giải.

Bây giờ có đồng hồ, người lấy số cứ mặc nhiên tính 2 tiếng đồng hồ là một giờ của số, cứ thế mà đi không chút ngập ngừng. Xin thưa không phải dễ dàng như thế. Giờ đồng hồ do một bộ máy cân đều nhau 24 giờ thời gian. Còn giờ của số là thời đạo theo thời tiết như Xuân và Thu thời gian ngày và đêm gần như bằng nhau, còn Hạ và Đông có lúc ngày dài hơn đêm, lại có khi đêm dài hơn ngày. Cái gì đêm phải trả về cho âm, cái gì ngày phải tính theo dương. Luật âm dương luôn luôn đặt trước mọi vấn đề nan giải của lý học, như mùa hạ từ giờ Dần đến giờ Mùi có thể dài đến hơn 13 giờ. Từ Thân đến Sửu chỉ còn trên 10 tiếng mà thôi. Trái lại mùa Đông khoảng thời gian về đêm từ Thân đến Sửu phải dài hơn thời gian của dương từ Dần đến Mùi, tức là giờ phải theo 24 tiết khí xê dịch trong vòng 15 ngày, mà cũng không phải có ngày giờ nhất định theo tiết đó bắt đầu, còn theo khí trời thay đổi đột ngột sớm hay chậm một hai ngày. Vấn đề rắc rối như vậy phải làm sao giải quyết ? Cho nên giờ sinh là một điều kiện rất khó và cũng là phần quan trọng trong lá số. Số sai giờ là số của người đâu phải của mình mình cứ khư khư chấp nhận mà thấy đời sống không như số đã xắp xếp, chẳng thà không có số còn hơn, đỡ bận tâm vì số.

Vậy phải làm sao với đề tài lẫn lộn khó giải quyết giờ sinh như thế. Thưa rằng nếu có lầm lẫn chỉ có thể giờ trên với giờ dưới, không thể xa cách đến 3 -4 giờ vì thời tiết thay đổi chỉ trong một giờ sai biệt có nghĩa là chỉ giữa 2 giờ dính liền nhau như Dần với Mão hay Mão với Thìn, không thể lầm lẫn Mão với Ngọ hoặc Tí.

Đây là một nguyên lý có tính cách định luật chứng minh dựa vào sự việc: tính nết và liên hệ với đại gia đình (cha mẹ anh em) và tiểu gia đình (chồng vợ) (1). Điều kiện tiên quyết căn bản là Mệnh đặt ở cung dương hay âm, cung âm và dương có tính cách khác hẳn nhau, sao thêm vào chỉ là phụ thuộc trừ phần nào. Biết rằng những cung dương có tính cách được sinh nhập (nhị hợp) thì người ngồi đó phải là người chặt chẽ cẩn thận, trái lại cung âm là người phóng khoáng rộng rãi (sinh xuất).

Hai điều sau chỉ là phụ khoản bổ túc cho điều một tỏ bầy tình trạng giữa người có số với gia đình. Theo luật âm dương thì giờ dương là trưởng, giờ âm là thứ. Nhưng còn nhiều chi tiết ngoắt nghéo như dương nam, dương nữ, âm nam âm nữ, cung dương cung âm và Không Kiếp chi phối nhưng vẫn vẽ lên hình bóng dầu không chính xác là tượng trưng, như người âm nam sanh giờ dương ở cung dương là trưởng nam chính xác, nhưng người âm nam sanh giờ dương ở cung âm là người thứ thay trưởng lo toan mọi việc gia đình cũng là trưởng hình thức. Vậy có thể tóm tắt sắp xếp các chi tiết như sau:

a/- Dương nam sanh giờ dương là con trưởng.

b/- Âm nam sanh giờ dương là con trưởng hình thức (cung dương).

c/- Âm nam sanh giờ dương ở cung âm+Không Kiếp (con thứ thay trưởng lo toan mọi việc gia đình).

d/- Âm nam sanh giờ âm ở cung dương+Không Kiếp (trưởng bất lực nhờ con thứ thay chân lo liệu).

e/- Âm nam sanh giờ âm ở cung âm (thứ nam bao bọc cả gia đình).

g/- Dương nữ sanh giờ dương là trưởng nữ trong một ngành.

h/- Âm nữ sanh giờ âm ở âm cung là trưởng nữ bao sân.

i/- Dương nữ sanh giờ âm ở cung âm là thứ nữ.

Những trường hợp trên đây là điển hình , còn tuỳ theo thay đổi cung (âm dương) và bộ sao Không Kiếp (thay đổi miễn cưỡng).

Điều ba chỉ sự liên hệ giữa chồng vợ (Mệnh và Phối). Trong 12 cung có 6 cung dương và 6 cung âm. Khi Mệnh ở dương cung thì cung phối cũng ở dương cung, trái lại Mệnh ở âm thì Phối cũng phải ở âm. Giữa 2 cung Mệnh và Phối luôn luôn có sự chế hoá như Thân Tí Thìn phải trên tay Dần Ngọ Tuất hay Hợi Mão Mùi thì Phối dễ dàng lấn Mệnh. Còn Mệnh ở Tỵ Dậu Sửu hay Thân Tí Thìn thì Mệnh không bao giờ để Phối áp đảo. Trường hợp Phối có Khoa Quyền Lộc ở Dần Ngọ Tuất hay Hợi Mão Mùi là vợi chồng nhân nhượng nể thương nhau. Người âm nam ở dương cung người dương nữ ở âm cung, là nghịch địa âm dương sự bất ổn phát sanh ngay từ Mệnh, lại thêm Không Kiếp dấu ở Thân Tí Thìn hay Tỵ Dậu Sửu, màn cảnh hý trường diễn tả nhất Phối nhì trời, rất khéo léo lột hết tính thần. Còn một trường hợp khẳng định cho cả 2 phái nam và nữ khi Phối có Thiên tướng thì trai nể vợ, gái tìm cách lấn chồng.

Quang Trung đại đế tuổi Nhâm Thân sanh ngày 5 tháng 5 giờ Tuất. Người dương nam sanh giờ dương đáng lý là trưởng nam vì Địa kiếp ở cung Dậu sinh nhập cho Thân ở Thìn đành làm em út (sau Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ). Tư cách người dương đóng cung dương, mọi việc thu xếp cẩn thận chu đáo, sanh giờ dương thay mặt trưởng làm hết mọi việc lập sự nghiệp cho nhà Tây Sơn, ấy thế mà Phối có Thiên Tướng tấm thân vạn thắng phải hạ cố trước Ngọc Hân công chúa.

(1) Thêm yếu tố Mệnh đóng ở sinh, chính hay Mộ (bài số 28)

TRONG TỬ VI VÒNG TRÀNG SINH CÓ Ý NGHĨA GÌ

Ngôi nhà cổ Tử vi rất là huyền bí, có thể nói lâu nay đóng kín, những người ý muốn đột nhập vào để quan thưởng những gì hay đẹp, tất phải lần mò tìm những nút bấm như nhị tam hợp xung chiếu để hòng mở toang cửa nhìn thẳng vào. Xưa nay mới chỉ dòm qua những kẽ hở tạm thấy sau luồng cửa có 3 lần màn phong ngăn chặn (2 tấm dài một tấm ngắn).

Tấm ngắn treo sát xà nhà thòng xuống để dấu ánh sáng mặt trời trên cao rọi sáng (thập niên can), một tấm dài từ mặt đất đứng lên để che kẽ hở ở dưới đất (thập nhị địa chi). Còn một tấm căng ở giữa nối liền 2 tấm treo và đứng giáp nhau có ý làm tấm màn kép cho cả 2 tấm kia. Xem ra thật kỹ càng chu đáo.

Ba bức màn này có nghĩa là 3 vòng Lộc tồn (theo Thiên can) Thái Tuế (theo địa chi) và Tràng sinh (theo nạp âm cung an mệnh) mà dịch thành cục diện của số.

Lộc tồn nghĩ lại khác gì hưu bổng hay quỹ tiết kiệm của một cá nhân dành dụm qua từng kiếp người để cuộc sống hiện tại có vốn mà kinh doanh thụ hưởng cho 4 trường hợp đủ 12 tuổi: Giáp Dần Ngọ Tuất, Ất Hợi Mão Mùi, Canh Thân Tí Thìn, Tân Tỵ Dậu Sửu.

Thái Tuế ấn định đời sống tư cách hạnh kiểm từng cá nhân, vị trí tam hợp Thái tuế là chỗ ngồi cao trọng trao cho ai nhận xét ra có thành tâm thiện ý lãnh trách nhiệm những công việc có tính cách lợi ích không vị kỷ để rồi thành công đồng hưởng.

Phân tách một tuổi theo Can và Chi như thế tưởng cũng đã là kỹ lưỡng, thêm vòng Tràng sinh để biết cục diện biến đổi thật quá hoàn hảo. Có đi vào đường huyền bí mới biết công cho ai mải miết khám phá. Sống đời nay nại ra kiếp trước chuyển vận, rồi từ nhập thế cuộc cho đến nhắm mắt tay xuôi, biết đâu bánh xe còn chuyển bao nhiêu vòng nữa.

Nhìn kỹ vòng Tràng sinh quả là một vòng xích nối liền không phân chỗ nào đầu nơi đâu cuối, lôi kéo vòng xe chạy. Phân tích thường tình một thế nhân ra đời phải bắt đầu bằng thai nghén trong bụng mẹ. Vòng Tràng Sinh lại do Tràng Sinh mà đi để rồi tới thuyết gắn nối thêm 2 giai đoạn Thai Dưỡng là 2 mắt xích dính Tuyệt với Sinh thành một vòng kín chuyển dịch đến không biết bao giờ hết. Cái hết này có lẽ là ngày tận thế tắt hết cả ngưng đọng trong hư vô.

- Đoạn đời từ Sinh đến Dưỡng là con đường từ: trẻ thơ (Sinh) dậy thì (Dục) ganh đua (Đới) hãnh diện (Quan) oanh liệt

(Vượng) tàn nhược (Suy), ốm đau (Bệnh) mãn kiếp (Tử) chôn lấp (Mộ) quên đứt (Tuyệt) tái sinh (Thai) nuôi đắp (Dưỡng), là biến diện tuần tự từng quãng đời nối đuôi ăn khớp với nhau thì hẳn không còn tam hợp cách ?

Thưa rằng tam hợp Tràng sinh là phần tinh thần như sau:

- Sinh Vượng Mộ: Đường hoàng mồ yên.
- Dục Suy Tuyệt: Vội ham tàn tích.
- Đới Bệnh Thai: Thịnh suy hoàng lương.
- Quan Tử Dưỡng: Giấy rách giữ lề.

Bốn tam hợp này xưa nay chỉ nhìn Sinh Vượng Mộ là cách tốt đẹp nhất của người giữ gìn được nhân nghĩa, đến lúc qua đời vẫn được mồ yên mả đẹp mến trọng. Dục Suy Tuyệt là cách ăn xổi ở thì vội ham lục tuy, lúc tàn tạ không ai nhắc đến. Đới Mệnh Thai là giấc mộng vàng từ áo mão cân đai đến ốm đau bệnh hoạn chỉ là thịnh suy luân kiếp. Quan Tử Dưỡng là đời đã được hãnh diện dầu đến chết cũng phải tu dưỡng tâm linh như tờ giấy trắng có rách nát cũng gấp giữ cho còn nếp.

Vòng Tràng sinh có tính cách là một vòng kín lớn nối liền chuyển biến từng giai đoạn rõ ràng, khi xếp thành tam hợp cũng vẫn giữ được ý nghĩa cả 12 đoạn khúc của vòng, thay đổi là tuỳ Mệnh Thân đóng ở vị trí nào vẫn cho đời là một bài học triết lý răn dạy để xử thế. Người có số đang diễn hành trong cảnh nào tự mà dấn thân tìm đường để sống. Đó là cái đặc điểm của số mới gọi là Vòng Tràng sinh từ thực tại nối tiền kiếp đến hậu thân mãi mãi.

Biết rằng tam hợp là căn bản chính của lý số học, thực chất là dương và âm. Thân Tí Thìn là thế chính của dương và Tỵ Dậu Sửu là căn bản của âm. Còn Dần Ngọ Tuất và Hợi Mão Mùi là 2 thế phụ tức là Thiếu dương và Thiếu âm. So với 2 thế chính luôn luôn ở thế bị khắc nhập.

Vậy Sinh Vượng Mộ và Dục Suy Tuyệt là 2 thế chính. Còn Đới Bệnh Thai, Quan Tử Dưỡng là 2 thế phụ, tức là Sinh Vượng Mộ Đới Bệnh Thai là cùng phái. Bên kia Dục Suy Tuyệt Quan Tử Dưỡng đứng chung.

Nhìn vào lá số thấy Mệnh và Thân đều cùng chung đặt nằm vào một phía như Mệnh ở dương cung thì Thân luôn luôn ở dương. Không bao giờ có thể đóng ở âm được mặc dầu Phúc hay Quan hay Di hay Tài hay Thê Phu. Vòng Tràng sinh cũng theo thế âm dương mà định nghĩa:

1- Đường hoàng cư xử được người mến quí, lẽ thịnh suy chỉ là luân chuyển (Sinh Vượng Mộ Đới Bệnh Thai)

2- Ăn sổi ở thì không ai tưởng nhớ, giấy rách phải cố giữ lấy lề (Dục Suy Tuyệt Quan Tử Dưỡng)

Thân cũng như Mệnh nếu an ở bên nào cũng chỉ ở trong chung hoàn cảnh đó không thể nhảy qua bên kia được. Mỗi chữ

trong vòng Tràng Sinh là một đoạn đường đời, Mệnh ở Sinh hay Vượng đi đến Bệnh hay Tử đương số phải hiểu lẽ thịnh đã qua nay gắng chịu cảnh bĩ cực. Bản chất là đường hoàng thấu đáo mồ yên mả đẹp là quý, lý gì lợi gì cũng không tránh được thời tàn tạ.

Người tuổi Giáp Dần sanh tháng 3 giờ Dần, Mệnh an ở Dần, Thân cư Quan ở Ngọ (Tam hợp Thái Tuế) mệnh có Lộc Tồn ngay ở Dần (Lộc Tồn tuổi Giáp chỉ để riêng cho hàng chi Dần Ngọ Tuất) với Bác sĩ ở Mệnh và Tướng Quân ở Thân (Ngọ cung). Tuổi Giáp Mệnh an ở Dần là hỏa cục, Tràng Sinh ngay ở Dần cho người dương nam và Đế vượng cho Thân ở Ngọ. Ba vòng Thái Tuế, Lộc Tồn, Tràng Sinh đã vẽ hẳn minh bạch phẩm hạnh cá nhân cách là hạng nào, dầu cho Phá Quân thủ mạng (tối hãm) cũng được giá trị của một Thái Tuế huống chi còn là Lộc Tồn, Bác sỹ và Tràng sinh (nhân hậu). Tóm lại lá số này là của người xứng đáng danh hiệu làm người.

Sau đại vận 6-15 ở Mệnh đến 16-25 ở Phụ Mẫu cung Mão gặp hạn Thiên Không do Đào Hoa chi phối thúc đẩy (vòng Thái Tuế) Kình, Lực (vòng Lộc Tồn) Mộc dục (vòng Tràng Sinh) phụ giúp.

Hỏi rằng người này có nên tàn phá tuổi thiếu niên, vội tìm thụ hưởng và có thể nào tránh được hạn Thiên Không (Thái Tuế) Kình, Lực (Lộc Tồn) Mộc Dục (Tràng Sinh) ?

Hẳn là không, vạn lần không. Không nên phá tuổi mới chớm nở và cũng không thể tránh nổi đại vận hắc ám Thiên Không này. Chỉ còn cách tri thiên mệnh mà đi (còn nhỏ dại chưa hiểu cuộc đời, trách nhiệm phải là những bậc phụ huynh và ân sư giáo huấn). Gác bỏ mọi phù vân lần bước theo tứ đức (Thiên đức, Nguyệt đức, Phúc đức, Long đức) vì Thiên Không bao giờ cũng đứng kèm tứ đức trong tam hợp và xung chiếu.

Do là giai đoạn Dục Suy Tuyệt của Tràng sinh người hiểu biết phải nối tiếp theo Quan Tử Dưỡng (vội ham thì tàn tích giấy rách phải xếp có lề) để chữa chạy cho con em trong vực thẳm.

Còn nhiều giai đoạn như 46-55 quá ư rực rỡ công nghiệp có thể nói là phi thường xuất chúng do Quan Phù (Thái Tuế) Tướng Quân (Lộc Tồn) vòng Đế vượng (Tràng Sinh) đồng tình tô điểm không bút nào tả hết bản hùng ca.

Người ở vị trí Thái Tuế dẫu có ở trong tam hợp Dục Suy Tuyệt (vòng Tràng Sinh) không thể không tỉnh ngộ giấy rách phải giữ lấy lề, xử thế phóng tay để rồi không còn ai tưởng nhớ, có chăng chỉ là thân bại danh liệt.

Tóm lại căn bản ưu tiên của Tử Vi là vòng Thái Tuế. Còn vòng Tràng sinh là giáo lý nhắc nhở thế nhân chuỗi dài thời gian cuả một kiếp theo khuôn vuông tròn mà xử thế dầu ở hoàn cảnh nào thịnh hay suy.

Ba vòng của Tử vi có thể định nghĩa mỗi vòng như sau:
Thái tuế: Hạnh kiểm tư cách.
Lộc Tồn: Hoàng lương một kiếp.
Tràng sinh: Đường dài xử thế.

CHÍNH KHÔNG BẰNG CHIẾU
CHIẾU KHÔNG BẰNG GIÁP

Lý số tử vi có 3 phương thức chính. Tam nhị hợp và xung chiếu. Tam hợp gồm có chính và chiếu như Mệnh an ở Ngọ thì Ngọ là chính Dần và Tuất là chiếu. Cái gì ở trong 3 cung Dần Ngọ Tuất là sở hữu do liên minh tam hợp gom góp. Giáp chỉ là xóm giềng cư xử tốt thì giúp đỡ nhau, bằng như mích lòng thì tự lực cánh sinh. Giáp mà có ảnh hưởng mạnh là khi Mệnh đứng được thuận lý.

Giáp là một bộ đôi sao đứng ở bên sát vách một cung nào. Như câu đã nói: chính không bằng chiếu, chiếu không bằng giáp, hẳn giáp đã có một ích lợi nên mới được để cao tột phẩm như thế. Vậy thử phân tích các trường hợp của Giáp để xem cái giá trị đến mức độ nào.

Trên hết là các bộ chính tinh. Tử vi Thiên Phủ là một bộ đôi đứng đầu 2 chòm sao âm dương. Cách giáp Tử Phủ hẳn là lý tưởng! Thật thế, chỉ là lý tưởng, và là lý tưởng của cuộc bất ổn tang thương. Không bao giờ có cách giáp Tử Phủ ở các cung khác ngoài 2 cung Dần Thân, mà Mệnh ở Dần hay Thân giáp Tử Phủ thì luôn luôn Mệnh viên ở giữa hoặc là Cơ Âm hay vô chính diệu tướng không tốt đẹp gì. Còn các chính tinh khác đều đứng thành một bộ ở thế chân vạc tam hợp để củng cố uy thế của phe phái như Sát Phá Tham, Phủ Tướng. Riêng Cơ Nguyệt Đồng Lương cũng chỉ có một trường hợp Thất Sát ở Dần Thân giáp Đồng Lương ở Sửu Mão hoặc Mùi Dậu là tượng ảnh thế Xuân Thu êm đẹp (Tử Phủ Vũ Tướng và Sát Phá Tham đề huề).

Phần đặc biệt lý lẽ chính không bằng chiếu, chiếu không bằng giáp, chỉ tính cách quang minh của bộ Nhật Nguyệt là cặp đèn rọi sáng suốt, là bộ óc tinh anh chính xác của dịch lý nói chung không riêng gì số học Tử vi.

Thái dương ở Ngọ là cảnh tượng tuyệt đích quan minh được Mệnh đóng ở đó phải nói là kiêu hùng. Một khi có Thái dương ở

Ngọ Mệnh đóng ở Dần đương nhiên là vô chính diệu, hay Mệnh ở Tí phải là Thiên Lương. Bộ Nhật Nguyệt này (Nhật ở Ngọ Nguyệt ở Thân) chiếu soi tỏ Mệnh vô chính diệu ở Dần hay Thiên Lương ở Tí một cách thấu đáo rõ ràng lòng minh bạch không bờ bến của vô chính diệu và tâm hồn nhân hậu thiên phú của dương nhân hãnh diện trong hoàn cảnh, phải chăng chính không bằng chiếu là ở đây.

Chiếu không bằng giáp cũng chỉ có 2 trường hợp là Thiên Phủ ở Mùi đắc Thái Dương ở Ngọ Thái âm ở Thân và Tham Vũ ở Sửu được Cự Nhật ở Dần, Đồng Âm ở Tí mau tỉnh ngộ không theo hùa Liêm Phá ở Dậu, làm điều bất chính, mới có câu: "Tham vũ đồng hành Sửu cung vãn cảnh, biến di thần phục" được lòng người quí trọng do bộ Nhật Nguyệt giáp biên hiểu rõ đâu là đường quang lẽ phải mà đi.

Nói đến song giáp thường thường lưu ý đến các bộ trung tinh mà là những bộ trung tinh có tính cách quan trọng do năm tháng và giờ sinh quyết định, ý nghĩa gần như chính tinh được ngày sinh tạo thành. Ba bộ Long Phượng (năm) Tả Hữu (tháng) và Xương Khúc (giờ) có liên hệ mật thiết đến 4 mộ cung (2 dương xuất phát là Thìn Tuất, 2 âm tập trung là Sửu Mùi) bắt đầu đi từ Thìn Tuất để rồi gặp nhau ở Sửu Mùi, thì chỉ có Mệnh ở Sửu Mùi mới có giáp. Trường hợp ảnh hưởng là khi 2 sao đó cùng vừa tới sát nách Mệnh, còn như qua mặt Mệnh rồi mới đứng kể như là quá trớn bỏ qua Mệnh có ý nghĩa gần như không thực có. Nhưng dầu sao có vẫn hơn không.

Trong 3 cách giáp Long Phượng Tả Hữu Xương Khúc, duy cách giáp Long Phượng chỉ gỡ gạc phần nào cho Mệnh mà thôi vì Thái Tuế (Mệnh ở Mùi) là tam hợp Thiếu Dương, Mệnh ở Sửu là tam hợp Thiếu âm).

Bộ Khôi Việt có tính cách đàn anh lãnh đạo nhưng phần chánh nghiêng về Phước Thiện nên được danh hiệu là Thiên Ất quí nhân (đã có bài nói riêng) như bộ Thiên Quan Thiên Phúc đều do hàng Can quyết định ngôi vị để ban phước lành. Giáp Khôi Việt chỉ có ở 2 cung Thìn Tuất mà phải là tuổi Bính Đinh Nhâm Qúy.

Khốc Hư tính theo năm xuất phát từ Ngọ cung kẻ đi xuôi (Hư) người đi ngược (Khốc) được liệt danh là bại tinh nên thường ở đất nghịch. Khốc đắc ý ở các cung âm, còn Hư hoàn toàn thất ý trên cả vòng luân chuyển thường trực cặp kè Tuế Phá. Giáp Khốc Hư thì có 4 tuổi Sửu Mùi và Tỵ Hợi ở 2 cung Tí và Ngọ.

Thai Toạ và Quang Quí 2 bộ phụ tinh trong quĩ đạo Tả Hữu Xương Khúc chỉ đắc lực ở hoàn cảnh chính, chiếu đã thấy giảm thiểu thực dụng, giáp thiết tưởng không còn mấy đáng kể.

Giáp sát tinh có nhiều tính cách phức tạp, Không Kiếp Kình Đà Hoả Linh có khuôn mặt trình diễn mà vị trí đóng cũng không

giống nhau. Không Kiếp chỉ có 2 cung Tỵ Hợi là có giáp. Hoả Linh là sao giảm thiểu sức khoẻ nhất là đối với người tuổi Kim Canh Tân Thân Dậu, dầu đắc địa cũng phải đề phòng tật ách bệnh phổi dễ bị hư hao. Giáp Kình Đà cần phải phân tích kỹ càng vì một khi giáp Kình Đà là Mệnh đã thọ hưởng Lộc tồn. Kình đắc địa ở tứ mộ cung Thìn Tuất Sửu Mùi, Đà miếu địa ở tứ sinh Dần Thân Tỵ Hợi. Điều cần nhớ kỹ vị trí Lộc Tồn luôn luôn có tiền Kình hậu Đà, nghĩa là Kình Đà phải thay đổi vị trí tuỳ theo hướng của Lộc Tồn đi thuận hay đi nghịch, Kình dẫn đầu Đà hậu cứ. Mệnh có Lộc Tồn đi thuận hay nghịch. Kình Đà đắc địa thì hưởng Lộc Tồn phải coi chừng đến giáp, trái lại hãm địa là phải khó khăn chưa kể đến tuổi Mệnh có phải là tam hợp Lộc Tồn thuận lý âm dương.

Đối với lục sát tinh, giáp không những làm khó khăn tai hại cho bản thân, còn khuấy đảo cả phụ mẫu huynh đệ của đương số. Sát tinh cùng tính cách hung hãn nên tránh có mặt ở các cung liên hệ đến người thân của mệnh như phụ mẫu huynh đệ phu thê tử tức phải chịu ảnh hưởng như:

1/ Không Kiếp thì vất vả bất hoà.
2/ Kình Đà thì hình thương xa cách.
3/ Linh Hoả thì giảm thọ sức khỏe suy yếu.

Cụ Sào Nam tuổi Đinh Mão sanh ngày 11 tháng 5 giờ Sửu thành danh một đại văn hào cách mạng nhờ bộ Riêu Xương Khúc ở Mệnh, nhất là Mã hợp cảnh bền gan cùng tuế nguyệt. Thân cụ đắc Thiên Lương Long Phượng giáp Thai Toạ Quang Quí trúng cách nên cụ ở hoàn cảnh nào cũng bình tĩnh uy nghiêm điềm đạm lo toan việc nghĩa. Tả Hữu của cụ ở trường hợp lỡ bước (Tả ở Thân Hữu ở Ngọ) nên cụ không mấy đa đạng tham bàn thêm mọi sự thế.

Điêu Thuyền xưa kia là 1 vũ nữ sống trong thời Tam Quốc tuổi Nhâm Tuất sanh ngày 23 tháng 8 giờ Dần. Mệnh ở Mùi Tả Hữu chiếu giáp Xương Khúc thuận lý thành một tài nữ có nghệ thuật đổ quán xiêu thành đình nghiêng nước đổ, cứu được Hiến Đế khỏi bị truất ngôi, khiến nổi Lã Bố hạ Đổng Trác. Thân ở Hợi giáp Kình Đà đắc địa nên hưởng Lộc Tồn một cách dễ dàng, mặc dầu Lộc Tồn tuổi Nhâm không phải là vĩnh viễn, Lưu Hà khiến Kiếp Sát canh chừng được Hóa Khoa giải cứu. Nữ nhân đắc Khoa phải nhìn nhận là tối quý.

Riêng bộ Nhật Nguyệt thấy trúng cách chính không bằng chiếu, chiếu không bằng giáp.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Menh>                       |<Phu Mau>                    |<Phuc Duc>             <Than>|<Dien Trach>                 |
|      (H)Cu Mon              |       (V)Thien Tuong        |      (D)Thien Luong         |      (M)That Sat            |
|                             |       (V)Liem Trinh         |                             |                             |
| +Van Khuc      -Kinh Duong  | +Huu Bat                    | +Giai Than     -Da La       | +Ta Phu        -Hoa Tinh    |
| +Luc Si        -Co Than     | +Loc Ton                    | +Hoa Cai       -Quan Phu    | +Bat Toa       -Benh        |
| +Thien Ma      -Hoa Ky      | +An Quang                   | +Long Tri      -Quan Phu    | +Nguyet Duc    -Kiep Sat    |
| +Thien Y       -Pha Toai    | +Bac Si                     | +Phuong Cac    -Tu          | +Thien Quy     -Phuc Binh   |
| +Thien Tru     -Tang Mon    | +Mo                         | +Thai Phu                   | +Thien Tai     -Luu Ha      |
|                -Thien Rieu  | +Tam Thai                   |                             |                -Tu Phu      |
|                -Tuyet       | +Thien Hi                   |                             |                             |
|                             | +Thieu am                   |                             |                             |
|  6                          | 116                         | 106                         |  96                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Huynh De>                   |Mui |                    Than|Dau                     |Tuat|<Quan Loc>                   |
|      (V)Tham Lang           |----+-----------------------+------------------------+----|      (H)Thien Dong          |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| +Thai          -Thien Khong |    |           Ho ten: Sao Nam                       |    | +Thien Viet    -Dai Hao     |
| +Thanh Long    -Thien La    |    |           Sanh  : 11 Thang 5                    |    | +Van Xuong     -Thien Hu    |
| +Thieu Duong                |    |           Nam   : Dinh Mao                      |    | +Hoa Quyen     -Tue Pha     |
|                             |    |           Gio   : Suu                           |    | +Luu Nien      -Suy         |
|                             |    |           Tuoi  : Am Nam                        |    |                             |
|                             |    |           Menh  : Lo Trung Hoa                  |    |                             |
|                             |    |           Cuc   : Hoa Luc Cuc                   |    |                             |
|  16                         |Ngo |                                                 |Hoi |  86                         |
+-----------------------------+----|                  am duong thuan ly              |----+-----------------------------+
|<Phu The>                    |Ty  |                  Menh Cuc Binh Hoa              |Ti  |<No Boc>                     |
|      (H)Thai am             |    |       Sao chu menh  : +Van Khuc                 |    |      (M)Vu Khuc             |
|                             |    |       Sao chu than  : Thien Dong                |    |                             |
| +Duong         -Thai Tue    |    |                                                 |    | +De Vuong      -Benh Phu    |
| +Hoa Loc       -Thien Khoc  |    |                                                 |    | +Long Duc      -Dia Khong   |
| +Phong Cao     -Tieu Hao    |    |                                                 |    | +Thien Tho     -ThienThuong |
|                             |    |                                                 |    |                -Dia Vong    |
|                             |----+-----------------------+------------------------+----|                             |
|  26                         |Thin|                    Mao |Dan                     |Suu |  76                         |
+----------[Triet]------------+-----------------------------+-----------------------------+---------[Tuan]--------------+
|<Tu Tuc>                     |<Tai Bach>                   |<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |
|      (M)Tu Vi               |      (D)Thien Co            |      (M)Pha Quan            |      (H)Thai Duong          |
|      (M)Thien Phu           |                             |                             |                             |
| +Quoc an       -Truc Phu    | +Hoa Khoa      -Qua Tu      | +Dao Hoa       -Dau Quan    | +Thien Khoi    -Linh Tinh   |
| +Thien Quan                 | +Moc Duc       -Thien Hinh  | +Hong Loan     -Dia Kiep    | +Dia Giai      -Bach Ho     |
| +Trang Sinh                 | +Tau Thu       -Dieu Khach  | +Phi Liem      -Thien Su    | +Hy Than                    |
| +Tuong Quan                 |                             | +Phuc Duc                   | +Lam Quan                   |
|                             |                             | +Quan Doi                   | +Thien Phuc                 |
|                             |                             | +Thien Duc                  | +Duong Phu                  |
|                             |                             | +Thien Giai                 |                             |
|  36                         |  46                         |  56                         |  66                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Phu The>                    |<Huynh De>                   |<Menh>                       |<Phu Mau>                    |
|      (H)Thai am             |      (H)Tham Lang           |      (H)Thien Dong          |      (M)Thien Tuong         |
|                             |                             |      (H)Cu Mon              |      (V)Vu Khuc             |
| +Thien Viet    -Linh Tinh   | +Van Khuc      -Bach Ho     | +Moc Duc       -Qua Tu      | +Van Xuong     -Hoa Ky      |
| +An Quang      -Dau Quan    | +Quan Doi                   | +Phuc Duc                   | +Thai Phu      -Thien Rieu  |
| +Bat Toa                    | +Thien Phuc                 | +Quoc an                    | +Thien Ma      -Thien Khoc  |
| +Hong Loan                  | +Tau Thu                    | +Thien Duc                  | +Thien Y       -Tieu Hao    |
| +Lam Quan                   |                             | +Tuong Quan                 | +Trang Sinh    -Dieu Khach  |
| +Long Duc                   |                             |                             |                             |
| +Phi Liem                   |                             |                             |                             |
| +Thien Tai                  |                             |                             |                             |
|  22                         |  12                         |   2                         | 112                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tu Tuc>                     |Dau |                    Than|Mui                     |Ngo |<Phuc Duc>                   |
|      (V)Thien Phu           |----+-----------------------+------------------------+----|      (H)Thai Duong          |
|      (M)Liem Trinh          |    |                                                 |    |      (H)Thien Luong         |
| +De Vuong      -Thien Hinh  |    |           Ho ten: Dieu thuyen                   |    | +Duong         -Truc Phu    |
| +Hy Than       -Thien Hu    |    |           Sanh  : 23 Thang 8                    |    | +Hoa Loc       -Dia Khong   |
| +Phong Cao     -Tue Pha     |    |           Nam   : Nham Tuat                     |    | +Luu Nien                   |
| +Duong Phu     -Thien La    |    |           Gio   : Dan                           |    | +Tam Thai                   |
|                             |    |                                                 |    | +Thanh Long                 |
|                             |    |           Tuoi  : Duong Nu                      |    | +Thien Quy                  |
|                             |    |           Menh  : Dai Hai Thuy                  |    | +Thien Tho                  |
|                             |    |           Cuc   : Thuy Nhi Cuc                  |    | +Thien Tru                  |
|  32                         |Tuat|                                                 |Ty  | 102                         |
+-----------------------------+----|                  am duong nghich ly             |----+-----------------------------+
|<Tai Bach>                   |Hoi |                  Menh Cuc Binh Hoa              |Thin|<Dien Trach>                 |
|                             |    |       Sao chu menh  : +Loc Ton                  |    |      (H)That Sat            |
|                             |    |       Sao chu than  : +Van Xuong                |    |                             |
| +Thien Khoi    -Benh Phu    |    |                                                 |    | +Hoa Cai       -Da La       |
| +Huu Bat       -Tu Phu      |    |                                                 |    | +Luc Si        -Thai Tue    |
| +Dao Hoa       -Suy         |    |                                                 |    | +Thai          -Dia Vong    |
| +Nguyet Duc                 |    |                                                 |    | +Thien Quan                 |
| +Thien Giai                 |    |                                                 |    |                             |
|                             |----+-----------------------+------------------------+----|                             |
|  42                         |Ti  |                    Suu |Dan                     |Mao |  92                         |
+----------[Triet]------------+------------------------[Tuan]-------------------------+-----------------------------+
|<Tat ach>                    |<Thien Di>                   |<No Boc>                     |<Quan Loc>             <Than>|
|      (H)Pha Quan            |                             |      (B)Tu Vi               |      (H)Thien Co            |
|                             |                             |                             |                             |
| +Dia Giai      -Benh        | +Thieu am      -Dia Kiep    | +Giai Than     -Kinh Duong  | +Ta Phu        -Hoa Tinh    |
| +Long Tri      -Dai Hao     |                -Pha Toai    | +Hoa Quyen     -Quan Phu    | +Loc Ton       -Co Than     |
|                -Quan Phu    |                -Phuc Binh   | +Mo            -Tang Mon    | +Bac Si        -Kiep Sat    |
|                -Thien Su    |                -Tu          | +Phuong Cac    -ThienThuong | +Hoa Khoa      -Thien Khong |
|                             |                             |                             | +Thien Hi      -Luu Ha      |
|                             |                             |                             | +Thieu Duong   -Tuyet       |
|  52                         |  62                         |  72                         |  82                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

ĐÂU LÀ MỘT CÁI SỐ ĐẸP

Một hồi thấy đua nhau nói đến lá số có 4 Tí hay 4 Sửu, 4 Dần, 4 Ngọ... như có ý cho là một lá số phi thường tốt đẹp. Thật ra chả hiểu cái tốt đẹp nó ở chỗ nào, thiển nghĩ có lẽ cho là một cây làm chẳng thành rừng, 4 cái hợp lại thành một đoàn như góp gió thành bão có một sức làm nên những việc đáng nể.

Theo lý học đông phương phải hợp căn bản là âm dương, ngũ hành. Nếu giảng như trên thật là không nguyên tắc. Thỉnh thoảng có một vài trường hợp may mà đẹp như 3 tuổi Thân Tí Thìn có 4 Thân, 4 Tí, 4 Thìn thì Mệnh Thân được an vị tại tam hợp Thái Tuế:

Tuổi Tí là tháng 11 giờ Tí thì Mệnh lập ngay ở Tí (Thái Tuế).

Tuổi Thân tháng Thân là tháng 7 giờ Thân thì Mệnh ở Tí (Quan Phù).

Tuổi Thìn tháng Thìn là tháng 3 giờ Thìn thì Mệnh cũng ở Tí (Bạch hổ).

3 Tuổi Tỵ Dậu Sửu có 4 Tỵ, 4 Dậu, 4 Sửu thì luôn luôn có Mệnh ở thế thua thiệt bạc đãi (Trực phù, Thiếu âm và Long Đức).

3 tuổi Dần Ngọ Tuất có 4 Dần, 4 Ngọ, 4 Tuất thì Mệnh bị đặt ở thế bất mãn (Tuế Phá, Tang Môn, Điếu Khách).

3 tuổi Hợi Mão Mùi có 4 Hợi, 4 Mão, 4 Mùi thì Mệnh được đặt ở thế trội, khôn khéo xử thế đời chỉ là giấc mộng sắc sắc không không (Thiếu Dương, Tử phủ, Phúc đức, Thiên Không).

Biết rằng người đời ở tam hợp Thái Tuế là ngôi vị đã dành sẵn có bộ Long Phượng Hổ Cái thì cái trách nhiệm của người đó phái thế nào cho xứng đáng. Những người ở trong vị trí Tuế Phá Tang Môn Điếu khách, số đặt cho một hy vọng là thường xuyên có Thiên Mã (nghị lực) và Thiên Mã này có giúp ích cho đương số được tới mức độ nào hay không lại là phần tuổi của mình đem so với hành nào nơi Thiên Mã đóng. Những người ở vị trí Thiếu Dương, Tử Phủ, Phúc Đức là ở chỗ ngã ba đường, biết đi thì gặp Tứ Đức, lầm lỗi thì thấy Thiên Không. Những người ở vị trí Thiếu âm, Long Đức, Trực phù tuy là bị đời bạc đãi, tỉnh ngộ ra vẫn thấy tươi thắm vì Hồng Loan tô điểm hay đền bù bằng Lộc tồn nhỏ giọt.

Về phương diện ngũ hành thì năm tháng ngày giờ mới chỉ là 4 còn thiếu một. Nếu muốn cho đủ cả 5 thì phải tính thêm một yếu tố hoặc bằng "khắc sanh" hay tháng của mẹ thụ thai, nghĩa là người bắt đầu thành thai trong bụng mẹ theo giờ thời đạo mà tính theo khắc.

Thấy rất khó mà canh trúng nổi khắc, ngay giờ còn lấy sai bê bối, vậy chỉ còn cách cách lấy tháng thụ thai của bà mẹ chứ ngày cũng khó biết. Cứ trung bình tháng thụ thai là tháng trước 9 tháng ra đời với năm tháng ngày giờ đã sắp xếp theo định mệnh thêm vào cho đủ 5 yếu tố. Kinh nghiệm riêng đã thấy có phần trúng vì nó là đại lược của đời mình.

a/- Hành của tháng thụ thai sanh cho hành năm, hành năm sanh cho hành tháng, hành tháng sanh cho hành ngày, hành ngày sanh cho hành giờ, thí dụ:

Tháng thụ thai là tháng Kỷ Dậu=Thổ.

Năm sanh là năm Canh Tuất=Kim.

Tháng sanh là tháng Bính Ngọ=Thuỷ.

Ngày sanh là ngày Tân Mão=Mộc.

Giờ sanh là giờ Mậu Tí=Hoả.

Thổ sanh Kim.

Kim sanh Thuỷ.

Thuỷ sanh Mộc.

Mộc sanh Hoả.

Tất cả theo hệ thống tương sinh từ trên xuống dưới là trường hợp gặp nhiều may mắn xuôi chiều.

b/- Hành khắc từ trên xuống dưới như hành của tháng thụ thai khắc hành năm sanh, năm khắc tháng, tháng khắc ngày, ngày khắc giờ là trường hợp cuộc đời gặp nhiều gián đoạn.

c/- Hành bị khắc ngược như tháng thụ thai bị năm khắc, năm bị tháng khắc, tháng bị ngày khắc, ngày bị giờ khắc, là cuộc đời gặp nhiều trái ý.

d/- Đủ ngũ hành nhưng không sanh hay khắc nối nhau theo một chiều hệ thống từ trên xuống dưới, chỗ thì sinh chỗ thì khắc như tháng thụ thai sanh cho năm, năm lại khắc tháng, tháng sinh cho ngày, ngày khắc giờ, cuộc đời thăng trầm đáng buồn phiền.

Bốn trường hợp nêu trên có đủ ngũ hành. Những cá nhân này không phải là hạng thiếu tư cách và đáng trọng dầu ở hoàn cảnh nào.

Còn những tình trạng thừa hành này thiếu hành kia như 3 Kim 2 Thuỷ hay 2 Mộc Hoả 1 Thổ hay 4 Thổ 1 Kim thì nhận xét theo tánh nghĩa ngũ thường như:

Mộc=Thiện tâm (nhân).

Thổ=Thành thực (tín).

Kim=Minh bạch (nghĩa).

Thuỷ=nghiêm chỉnh (trí).

1- Người 3 Kim 2 Thuỷ là người thừa minh bạch và nghiêm chỉnh (nghĩa và trí).

2- Người 2 Mộc, 2 Hoả, 1 Thổ là người dư thiện tâm và tỏ tường (nhân lễ).

3- Người 4 Thổ 1 Kim là người quá ư thành thực (tín).

Phần sao hẳn ai cũng công nhận Tử Vi là đáng quí tượng trưng cho ngôi vị thụ hưởng xứng đáng với những tính cách nhân hậu phúc đức như 12 ngôi vị nhận thấy:

Tử vi ở Ngọ=Đế ngự ngai vàng thịnh trị có Liêm Phủ ở Tuất và Vũ Tướng ở Dần là văn võ triều thần khánh hội (có tánh cách điều hoà vì Ngọ bị Tí khắc nhập)

Tử vi ở Tỵ=Đế Tuần du có Thất Sát hộ giá phải dùng Liêm Phá ở Dậu càn quét và Tham Vũ ở Sửu kiến thiết.

Tử vi ở Thìn=Đế xuất chinh có Thiên Tướng phò chiến đắc Liêm Trinh ở Thân và Vũ Phủ ở Tí quản trị đất nước hữu hiệu.

Tử vi ở Mão=Đế yếm thế vì Tham Lang uy hiếp (tất cả bộ Sát Phá Tham) hãm phản vật.

Tử vi ở Dần=Đế được Thừa tướng bình thư (Thiên Phủ) được Liêm Tướng ở Ngọ và Vũ Khúc ở Tuất điều khiển việc nước hùng mạnh.

Tử vi ở Sửu=Đế bị vây hãm (Phá Quân phản) tất cả bộ Sát Phá Tham hãm trấn giữ.

Tử vi ở Tí=Đế ngự đại triều, rất hùng mạnh nhờ Liêm Phủ ở Thìn Tuất và Vũ Tướng ở Thân, uy hiếp mọi đối phương (Thân Tí Thìn khắc xuất Dần Ngọ Tuất).

Tử vi ở Hợi=Đế xuất chinh phải khó khăn vì Liêm Phá ở Mão không mấy mạnh.

Tử vi ở Tuất=Đế chiến đấu nhờ Liêm Trinh ở Dần và Vũ Phủ ở Ngọ xuất sắc đất nước phồn thịnh

Tử vi ở Dậu=Đế yếu thế (Tham Lang ở đây không đủ tư thế chuyên quyền) chỉ là dối trên gạt dưới.

Tử vi ở Mùi=Đế bị vây hãm bởi Phá Quân phản, chỉ trông cậy vào Thiên Tướng ở Sửu khắc phục.

Tử vi ở Thân=Đế được quân sư trình thư, thế nước được sáng rạng nhờ Liêm Tướng ở Tí, Vũ khúc ở Thìn và Thái dương ở Tỵ sinh nhập.

Trong 12 vị trí điều làm cho ta thấy là tư cách của Thiên Tướng rất cao đẹp, dầu ở tình thế nào cũng vẫn là người khẳng khái, bất chấp cả sát tinh thâm nhập, vì ở vào vị trí nào Thiên Tướng luôn luôn chống lại Phá Quân (tư cách nghĩa hiệp). Còn Thất Sát thường xuyên dằn mặt Thiên Phủ (cũng như Thiên Tướng xung chiếu Phá Quân) đòi hỏi, trái nghịch với Thiên phủ là người khoan thai, ôn hoà, xét hành động bằng mọi lý do rồi mới kết luận. Tuy vậy cũng có trường hợp Thất Sát phục tài Thiên Phủ là vị trí Thất Sát ngưỡng đẩu (ý nghĩa mà thôi, vị trí vẫn xung chiếu).

Còn ngôi vị thứ 3 không giống Thiên Tướng thường xuyên xung chiếu Phá Quân hay Thất Sát luôn luôn nghịch chống Thiên

Phủ (bất kể ở đâu Thiên Tướng cũng xung Phá Quân và Thất Sát xung Thiên Phủ) có một tư cách sống bằng lý tưởng riêng biệt nhân nghĩa phúc hậu cũng không kém Tử vi. Nếu đắc chí làm thầy muôn thuở, bằng không cũng thành tao nhân mặc khách với non cao rừng rậm, biển cả sông dài. Phú với người này là cơm áo sao cho có miễn để sống. Quí là não óc cao cả bầu trời cùng Nhật Nguyệt soi tỏ (tuỳ theo đắc địa hay hãm địa với cả bộ Nhật Nguyệt). Đó là sao Thiên Lương ở trong 12 chỗ đứng địa bàn, chỗ nào cũng có nhật hay nguyệt bồi đắp như:

a/- Khổng Khâu có Thiên Lương ở Tí, Thái Dương ở Ngọ bị Triệt (tuổi Canh) Thái âm ở Thân ngộ Kỵ.

b/- Khổng Minh đắc Thái Dương, Thiên Lương ở Mão.

Một người vì ân tình nghĩa luỵ của Lưu Bị mà buộc lòng làm quân sư, một người không đắc thời cũng thành vạn thế sư.

Có phải Thiên Lương là lương tâm của trời đất.

Cái đẹp dứt khoát của số vẫn là vị trí nào ở trong tam hợp Thái Tuế mà Mệnh Thân đã được an bài.

BẢN THỂ THỰC CHẤT CỦA THÁI TUẾ

Trên 30 năm học hỏi với nhiều đợt từ biệt Tử vi, đến nay mỗi lần cầm trên tay một lá số, việc đầu tiên là tính coi xem Mệnh Thân ở trong một vị trí nào của Thái Tuế. Thành thực mà nói lòng riêng những kính mến những ai đâu là người được đặt trong vị trí tam hợp tuổi.

Một Mệnh hay một Thân, chứ đứng nói cả Mệnh lẫn Thân hay Mệnh Thân đồng cung Thái Tuế, đó là chuyện quá sức mong chờ hãn hữu. Nhớ lại ngày mới học Tử vi, theo chỉ dẫn của vị ân sư tài tử thì sợ Thái Tuế hơn cọp dữ. Nào là tù tội, nào là miệng tiếng thị phi, tranh chấp tang thương. Nay thì cảm phục không chút trù trừ do dự và thật lòng tin tưởng những công cuộc của người Thái Tuế đã làm như theo có sứ mạng.

Hai mươi năm gần đây, lần chắp nối lại tơ duyên với Tử Vi lần cuối, tự đặt câu hỏi tại sao lại 3 vòng: Thái Tuế, Lộc Tồn, Tràng Sinh. Sao không 2 vòng, 4 hay 5 vòng. Rồi tìm ngay nguyên nhân nào sinh ra vòng Lộc Tồn, Thái Tuế, và Tràng sinh. Thấy ngay đáp ứng do Thiên can, Địa chi và Nạp âm của tuổi.

Tưởng Thánh nhân phân tách đời thế nhân không phải là sơ sài, thật là đầy đủ.

Thái Tuế được đặt theo địa chi của tuổi của số, có nghĩa là người đó có được đặt ngay vào vị trí sở hữu chủ là chính mình hay không? Nếu mình nằm ngay Thái Tuế, tất nhiên mình có bổn phận có trách nhiệm nơi miếng đất mình sanh tồn. Mình dẫu có lòng dạ hững hờ như kiều dân đến ăn bám ở nhờ chỉ nghĩ đến tư lợi, hay thì ở dở thì bước. Nằm trong tam hợp Thái Tuế là ở trong thế liên minh hữu nghị thuộc địa quyền công dân không phải là mất, vẫn được đối đãi ngang hàng cùng người sinh quán, vẫn tự do làm bổn phận mỗi khi đất mẹ cần đến. Một là phải suy tính kỹ càng (Quan Phù), hai là khi đã vén tay áo là hăm hở cho đến cùng (Bạch hổ).

Người trong tam hợp Thái Tuế là người có miếng đất cắm dùi có bổn phận trách nhiệm cho miếng đất mình sinh sống, không lẽ mình phá hoại căn nhà mình đã được cha truyền con nối có đầy rẫy kỷ niệm hào hùng hay bi đát, tổ tiên đã gây dựng lên tốn hao biết bao mồ hôi cơm gạo, để mình thụ hưởng mà mình quên bổn phận bảo tồn và tô điểm thêm lên cho khởi sắc. Phải chăng Thái Tuế là chỗ ngồi tinh thần cao đẹp nhất của tuổi số.

Người trong tam hợp Thái Tuế, tối thiểu là có tư cách, từ người làm mướn đến tột đỉnh cao sang tuỳ theo thứ lớp, địa vị người đó đứng trong xã hội. Ví dụ tam hợp Thái Tuế là khu đất chắc nịch, nhà nào được xây dựng lên được yên lòng, không sợ lún sâu như chỗ sình lầy đổ rác phủ qua một lớp đất mỏng, người xấu số không biết cứ lập lên 3, 4 tầng lầu. Rồi ngày qua tháng lại chỉ một cơn mưa dầm, nhà sẽ đổi ngay bộ mặt thành nứt nẻ nghiêng vẹo. Thử hỏi ai là người gan dạ tin ở sự vững chắc của căn nhà mà dám dọn đồ đến trú ngụ.

Người được một Mệnh hay Thân ở tam hợp Thái Tuế, kể như đã có một thành quả nào rồi, nhưng chưa hẳn mãn ý. Như Mệnh ở tam hợp Tuế Phá mà Thân ở tam hợp Thái Tuế là người tuy thiếu thời gặp bước lưu ly nhưng tấc dạ sắt son không thể ùa theo vô nghĩa. Tự mình vẫn vạch lấy con đường lý tưởng mình đi. Thương cho ai mệnh Thái Tuế mà Thân bị lọt vào tam hợp Tuế Phá, cuộc đời của mình không thiếu sót bổn phận. Vậy mà vãn niên thấy như bị ép buộc, không cho phép mình được thi thố theo sở ước, mà còn bị bạc đãi nữa là khác (có 2 trường hợp: người dương nam mệnh ở Thái Tuế thì ngoài 50 tuổi hết hạn Thái Tuế, tiếp ngay đến hạn Thiên Không. Trái với người âm nam trên 30 tuổi phải gặp Thiên Không như người được huấn nhẫn trước rồi ngoài 40 mới được Thái Tuế bù lại. Tưởng đó là một cuộc thử thách cho người, có chí nhẫn nại và nghịch lý âm dương). Nào phải là người miệng nói đạo nghĩa là thực hiện lại theo ma giáo, vì định mệnh đã tạo cho người đó là Thái Tuế (Mệnh) thì không thể có đầu óc làm

quấy. Sở dĩ không đạt được trọn vẹn ý muốn vì một lẽ gì khiến mình buộc lòng phải theo, mình không thể thổ lộ, cam chịu sự bạc bẽo đành nhận lãnh không đổ trách nhiệm cho người khác (Thân Tuế Phá).

Từ 14 chính tinh đến trung tinh và sát tinh chỉ là đồ trang hoàng, bài trí làm cho căn nhà có vẻ phong phú đài các hay nghèo khó xác xơ, nói toạc ra là chỉ lớp áo phủ ngoài một pho tượng vàng hay đất làm cho người ngoài dễ lầm lạc ngộ nhận.

Như 2 sao Tử Phủ ở Dần Thân hay Phá Quân ở Thìn Tuất chẳng hạn. Người nào được khoác áo Tử Phủ hẳn cho là người đó ở hạng quân tử, đứng đắn, kẻ cả đàn anh, còn Phá Quân ở Thìn Tuất hẳn là quân bất nhân, lừa thầy phản bạn.

Thưa rằng nghĩa nó là thế không phải là không đúng. Nhưng nếu không xét từ cội rễ là một chuyện bé cái lầm. Nếu là Tử Phủ ở Dần với người tuổi Dần Ngọ Tuất, Mệnh ở ngay Dần Ngọ Tuất thì xin khoanh tay kính chào. Đó là người xứng đáng được trọng vọng dầu có bị Không Kiếp trà trộn, chỉ thêm lòng bác ái ngại cho ai không được đời biết đến hay bị đố kỵ mà yếm thế, hạng người này không phải ăn ở hai lòng. Tại Thân cho tuổi Thân, Tí, Thìn. Ngoài ra, xin dâng danh hiệu là Nhạc Bất Quần, nguỵ quân tử nếu được thêm 2 ông phụ tá Không Kiếp trợ lực, thật không biết kính dâng ông cái thẻ bài gì để ông đeo cho xứng đáng tư cách chúa trùm của ông.

Còn Phá Quân ở Tuất, nếu là người tuổi Dần Ngọ Tuất chỉ là người mang tiếng phản bội không trung thành, đáng được minh oan. Thật ra chỉ vì một cái thế kẹt gì đó mà oan tình, ngoài ra lòng thành thực chỉ có cao xanh hoạ chăng thấu rõ. Trái lại Phá Quân ở Tuất mà lại tuổi Thân Tí Thìn thì xin miễn nói vì tiếng đặt cho sao và vị trí đóng nó đã đầy ý nghĩa rõ ràng không cần bàn thêm.

Một người Tả Hữu Không Kiếp cũng vậy. Trường hợp ở vị trí tam hợp tuổi có Tả Hữu Không Kiếp là người đa tài mà không đắc dụng. Ngược lại người có Tả Hữu Không Kiếp ở vị trí tam hợp Tuế Phá là người không thể đặt niềm tin, một khi họ chủ trương một công việc gì có thể coi là công ích vị tha, luôn luôn người đó nghĩ đến bản thân trước có thừa thãi mới là lợi chung.

Vậy cung và sao là 2 bộ phận của Mệnh viên, cũng là hình thể chắc hay ốp, khoẻ mạnh hay ốm yếu. Sao là phấn son tô điểm, là quần áo sang trọng hay xềnh xoàng vá rách. Một thân hình khoẻ mạnh lồng trong bộ quần áo rách vá, vẫn thấy người đó đi đứng chững chạc của nội trạng lực sỹ hào hùng, khác xa hẳn mã người chệch choạng lẩy bẩy với bộ gấm vóc mà mặt mũi hốc hác, chân tay khẳng khiu.

Tìm tòi thực chất của Thái Tuế là vạch vòi, với mốc căn nguyên bản số của người, như các cụ xưa kia, mỗi người khi dựng vợ gã chồng cho con cháu, là xem xét dòng giống của đầu rễ cội gốc nào, gia phong ra sao, nay thấy là chuyện không phải không có ý nghĩa sâu xa.

Vòng Thái Tuế có thể nói là phần căn bản của số chỉ 12 chỗ đứng mà thấu đáo hết cốt cách của người, thêm phần sao để biến dạng phần nào. Rồi cùng thời gian đưa dẫn thế nhân từ nơi sáng vào chỗ tối, hay từ chỗ tối dìu đến nơi sáng, tức là vận hành cũng không ngoài vòng Thái Tuế điều khiển.

Nhớ lại cũng một ngày đầu xuân năm ngoái, được tiếp một cụ tuổi Giáp Dần (62 tuổi). Cụ sợ mất thì giờ của tôi, cụ chỉ xin 15 phút để nói chuyện Tử vi.

Xin thưa rằng tôi có tật ít khi xem số của ai để số trước mặt, chỉ xin cho biết năm tháng ngày giờ sinh và vẽ ngay số bằng hình kỷ hà học theo tam hợp, để người có số dễ hiểu đời mình thế nào. Thấy Mệnh cụ đóng ở Tuất có Phá Quân. Tôi hỏi ngay có phải cụ chỉ thắc mắc ở chỗ Phá Quân Tuất này không? Hỏi rồi, tôi tự trả lời ngay: cụ chỉ bị đời hiểu lầm là Phá Quân, thật ra Cụ một lòng sắt son với bạn hữu. Cụ Tuổi Dần, Mệnh ở Tuất là trong tam hợp Thái Tuế. Người của tam hợp Thái Tuế không có tư cách của Phá Quân thường tình, dầu rằng tuổi Giáp Dần là Thuỷ Mệnh mà Phá Quân lại là thuỷ tinh.

Ông cụ đứng ngay lên, nắm tay tôi, xin phép một ngày trở lại coi. Cụ quá ư cảm động.

Viết lên bài này để kỷ niệm ngày tái tiếp cụ cũng ngày đầu Xuân năm nay (Ất Mão) với đầy ý nghĩa. Cụ đã cho biết tất cả những gì đã đem đến cho cụ trên 30 năm nay vì Phá Quân ở Tuất cung của người tuổi Dần Ngọ Tuất.

SỰ NGANG NGỬA GIỮA BỐN TAM HỢP CỤC

Tam hợp cục là bề thế lực lượng của một khối 3 chi chung lưng góp sức gồm lại bồi đắp cho nhau để sanh tồn. Với 12 chi thì có 4 tam hợp là Thuỷ nhị cục (Thân Tí Thìn) Mộc tam cục (Hợi Mão Mùi) Kim Tứ cục (Tỵ Dậu Sửu) và Hoả lục cục (Dần Ngọ Tuất). Thấy trong mỗi cục đều có Thổ (Thìn Tuất Sửu Mùi) nằm ở trong là nguồn tập hợp diễn chuyển của 4 thế chính là Tí (Thuỷ) Ngọ

(Hoả) Mão (Mộc) Dậu (Kim) với 4 nguồn sinh lực là Dần sinh Ngọ, Thân sinh Tí, Tỵ sinh Dậu, Hợi sinh Mão.

Đứng trong địa bàn 12 cung chia nhau theo phương hướng thành thế chân vạc rõ ràng chống nhau (Dậu đối diện với Mão, Tí ngó thẳng Ngọ). Theo sự khắc chế thì chỉ có Kim khắc Mộc và Thuỷ khắc Hoả là hai thế trên tay luôn luôn dễ dàng đàn áp đối phương. Nếu thế thì Dần Ngọ Tuất (Hoả) và Hợi Mão Mùi (Mộc) sinh ra để rồi lần hồi còi cọc tự tiêu diệt không còn nở mặt nở mày mà sinh sống ra sao?

Đây là cả một đề tài cần phân tách căn nguyên, 12 chi đã phân chia âm dương đều nhau với ngũ hành:

Tí (dương)	Hợi (âm)	=Thuỷ
Dần (dương)	Mão (âm)	=Mộc
Ngọ (dương)	Tỵ (âm)	=Hỏa
Thân (dương)	Dậu (âm)	=Kim
Thìn, Tuất (dương)	Sửu, Mùi (âm)	=Thổ

4 chi Tí (Thuỷ) Ngọ (Hoả) Mão (Mộc) Dậu (Kim) đứng theo phương hướng ngay chính Bắc Nam Đông Tây với đủ màu sắc riêng biệt xám đỏ xanh trắng biểu hiện cho 4 mùa thời tiết xuân (xanh) hạ (đỏ) thu (trắng) đông (xám) cho nên Tí Ngọ Mão Dậu được liệt danh là tứ chính. Dần Thân Tỵ Hợi mới là sơ khai của tứ chính nguồn sinh lực bắt đầu nẩy nở nên khi gặp tứ chính thì tải bồi một cách đắc lực như Hợi gặp Mão, Dần gặp Ngọ, Tỵ (Mậu Thổ) gặp Dậu, Thân gặp Tí nên được coi là tứ sinh. Thìn Tuất Sửu Mùi là nơi xuất phát và cũng là nơi tập trung tức là sân khấu diễn biến của kim mộc thuỷ hoả là Mộ cung, có nghĩa là mọi vật đều do đất mà ra đến khi tàn tạ lại trở về với đất.

Một khi đã đứng thành cục, lẽ sanh tồn luôn luôn phải có sanh và khắc, như Kim Tỵ Dậu Sửu khắc Mộc Hợi Mão Mùi và Thuỷ Thân Tí Thìn khắc Hoả Dần Ngọ Tuất là hai thế đụng chạm dữ dội dứt khoát người thắng kẻ bại, trái với Hoả Dần Ngọ Tuất khắc Kim Tỵ Dậu Sửu thì Hoả sẽ vì Kim mà sa lầy ngấm tắt. Nếu Mộc gặp Kim, Kim gặp Hoả, Hoả gặp Thuỷ là những trường hợp phải cam chịu sự thua thiệt (khắc nhập). Còn Kim gặp Thuỷ hay Mộc gặp Hoả là cảnh sút kém (sinh xuất) không như Mộc gặp Thuỷ , Hoả gặp Mộc là được thuận lợi (sinh nhập).

Đứng trên địa bàn 12 cung 4 tam hợp chia nhau đứng xen kẽ thành thế ba chân vạc đối diện nhau, nếu là xung khắc như Thuỷ đối diện Hoả, Kim đối diện Mộc. Còn nối đuôi nhau là sinh hoá như Thuỷ đứng sau Kim, Kim sau Hoả (trong Hoả có Kỷ Thổ), Hoả sau Mộc, Mộc sau Thuỷ.

Tuy là đối chiếu vẫn là Kim khắc Mộc và Thuỷ khắc Hoả nhưng vị trí thuộc ảnh hưởng luật âm dương, thì Mộc và Hoả ở thế

lợi điểm quang sinh của Thái Dương, không như Kim và Thuỷ chìm đắm ở cảnh mập mờ đen tối của Thái âm. Một đằng lấy uy lực để khống chế, một đằng nhờ cậy sáng tỏ làm lợi điểm cao danh.

Ngọ cung là ngôi vị tuyệt đích cao đẳng nhưng vẫn e dè Tí cung xung phá. Mão địa là cả một cảnh bình minh xuân sắc vẫn ngại ngùng trước tiết thu phân lấn át. Hai khối này trội hơn đối phương về thanh thế.

Tỵ Dậu Sửu đàn áp dễ dàng Hợi Mão Mùi vì sắc bén lại kém hẳn về nhất trí thường xuyên có mâu thuẫn (Phá Toái) cho nên Phá Toái chỉ có ở 3 cung Tỵ Dậu Sửu làm ngòi chia rẽ phá hoại.

Kiểm điểm những sở trường, những yếu điểm của 4 tam hợp cho thấy Dần Ngọ Tuất chiếm vị trí đàn anh ưu thế hơn cả với nhiều thành tích ghi danh kim cổ. Chiếc chiếu khiêm nhượng cuối hàng là liên danh Hợi Mão Mùi với vẻ nho sinh trung hậu của mùa xuân êm dịu, tuyệt không khắc chế một ai, cam phận ôn hoà lương thiện. Giữa Tỵ Dậu Sửu và Thân Tí Thìn, Thân Tí Thìn được Tỵ Dậu Sửu bồi đắp mới ngang nhiên dằn mặt Dần Ngọ Tuất chiếm bảng á nguyên ngay sau Dần Ngọ Tuất.

Tính cách Phá Toái (đập nát) như trong 4 số sau đây không thể không quan tâm lưu ý:

1- Tuổi Canh Tuất sanh ngày 29-3 giờ Mão
2- Tuổi Kỷ Mùi sanh ngày 4-1 giờ Sửu
3- Tuổi Kỷ Mùi sanh ngày 8-4 giờ Thìn
4- Tuổi Quí Hợi sanh ngày 24-11 giờ Mão

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Quan Loc>                   |<No Boc>                     |<Thien Di>             <Than>|<Tat ach>                    |
|       (M)Tu Vi              |                             |                             |                             |
|       (V)That Sat           |                             |                             |                             |
| +Hong Loan     -Dai Hao     | +Thien Khoi    -Bach Ho     | +Van Xuong     -Linh Tinh   | +Huu Bat       -Benh        |
| +Lam Quan                   | +Ta Phu        -Phuc Binh   | +Van Khuc      -Da La       | +Loc Ton       -Dia Khong   |
| +Long Duc                   | +De Vuong      -ThienThuong| +Phuc Duc      -Qua Tu      | +Bac Si        -Thien Khoc  |
| +Phong Cao                  | +Thien Phuc                 | +Thien Duc     -Quan Phu    | +Thien Ma      -Thien Su    |
| +Thien Tho                  |                             |                -Suy         |                -Dieu Khach  |
|  46                         |  56                         |  66                         |  76                         |
+-----------------------------+---------------------[Triet]-+-----------------------------+-----------------------------+
|<Dien Trach>                 |Hoi |                   Ti   |Suu                     |Dan |<Tai Bach>                   |
|       (M)Thien Co           |----+------------------------+------------------------+----|       (H)Liem Trinh         |
|       (M)Thien Luong        |    |                                                 |    |       (H)Pha Quan           |
| +Bat Toa       -Hoa Tinh    |    |          Ho ten: canh tuat                      |    | +Dia Giai      -Kinh Duong  |
| +Quan Doi      -Benh Phu    |    |          Sanh  : 29 Thang 3                     |    | +Luc Si        -Truc Phu    |
| +Quoc an       -Thien Hu    |    |          Nam   : Canh Tuat                      |    | +Thai Phu      -Tu          |
| +Thien Quy     -Tue Pha     |    |          Gio   : Mao                            |    |                             |
|                -Thien La    |    |          Tuoi  : Duong Nam                      |    |                             |
|                             |    |          Menh  : Thoa Xuyen Kim                 |    |                             |
|  36                         |Tuat|          Cuc   : Hoa luc Cuc                    |Mao |  86                         |
+-----------------------------+----|                 am duong nghich ly              |----+-----------------------------+
|<Phuc Duc>                   |Dau |                 Cuc Khac Menh                   |Thin|<Tu Tuc>                     |
|       (H)Thien Tuong        |    |      Sao chu menh  : +Loc Ton                   |    |                             |
|                             |    |      Sao chu than  : +Van Xuong                 |    |                             |
| +Dao Hoa       -Thien Rieu  |    |                                                 |    | +An Quang      -Thai Tue    |
| +Hy Than       -Luu Ha      |    |                                                 |    | +Hoa Cai       -Dia Vong    |
| +Moc Duc       -Tu Phu      |    |                                                 |    | +Mo                         |
| +Nguyet Duc                 |    |                                                 |    | +Tam Thai                   |
| +Thien Y                    |    |                                                 |    | +Thanh Long                 |
|                             |----+------------------------+------------------------+----| +Thien Giai                 |
|  26                         |Than|                  Mui   |Ngo                     |Ty  |  96                         |
+----------[Tuan]-------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Phu Mau>                    |<Menh>                       |<Huynh De>                   |<Phu The>                    |
|       (V)Thai Duong         |       (M)Tham Lang          |       (V)Thien Dong         |       (D)Thien Phu          |
|       (V)Cu Mon             |       (M)Vu Khuc            |       (V)Thai am            |                             |
| +Thien Viet    -Dia Kiep    | +Duong         -Pha Toai    | +Giai Than     -Hoa Ky      | +Luu Nien      -Co Than     |
| +Hoa Loc       -Quan Phu    | +Hoa Quyen                  | +Hoa Khoa      -Tang Mon    | +Thien Hi      -Dau Quan    |
| +Long Tri                   | +Thieu am                   | +Phuong Cac                 | +Thien Quan    -Kiep Sat    |
| +Phi Liem                   | +Tau Thu                    | +Thai                       | +Thieu Duong   -Thien Hinh  |
| +Trang Sinh                 | +Duong Phu                  | +Tuong Quan                 | +Thien Tai     -Thien Khong |
| +Thien Tru                  |                             |                             |                -Tieu Hao    |
|                             |                             |                             |                -Tuyet       |
|  16                         |   6                         | 116                         | 106                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

a/ Tuổi Canh Tuất mệnh nằm phải ở Sửu thấy ngay Phá Toái ngang dọc nội tâm. Tiếc thay Tham Vũ, ngôi nhà xây cất đúng phẩm lượng cốt sắt (Kim mệnh có Vũ Khúc làm nòng cốt). Tam

hóa liên châu giáp nhật nguyệt là cả một phẩm cách xuất chúng. Phá Toái tung hoành liên kết với vị trí Thiếu âm khiến đời cứ một lầm hai lỡ, thiệt hại đáng phàn nàn. Thân ở Mùi trong tam hợp Thiếu Dương thiên phú cho sự thông minh hơn người. Phải chăng áo nâu tràng hạt do Thiên Đức Nguyệt Đức, Phúc đức điểu khiển nên khuôn xử trùng với tam hóa liên châu về đêm tự mãn làm thầy tinh thần còn hơn lăn lộn trong thế cuộc không thành cơm cháo gì. Tuần Triệt nơi đây với Tam đức, ngay cả Thiên Quan Thiên Phúc là các đấng cao dầy đức độ cứu nhân độ thế là việc đáng trọng, kể như là không có, nghĩa là Tuần Triệt không có sai phạm gì đến uy thế năng cản nổi Quan Phúc và Tứ Đức.

b/ Hai tuổi Kỷ Mùi Mệnh cùng ngồi ở Sửu. Biết rằng 4 tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi hễ Mệnh an ở Sửu thì thấy tức khắc Phá Toái đã ở trong gan ruột, mối bất ổn chờ cơ hội quấy phá. Với hai tuổi Mùi, Phá Toái thêm vây cánh Tuế Phá trợ lực, còn gì là Phủ Tướng, Tham Vũ Quyền Lộc. Một Tuần bằng kim cương đóng ngay ở Mệnh mài dũa Phá Toái thành chiếc trâm vàng tô điểm cho Tham Vũ, Thiên Phủ có giá trị (một trường hợp hung tinh ngộ chế) biết tiết chế tham vọng (ngụ cư trên đất người). Người Tham Vũ được hưởng phần danh dự dư âm rất tương xứng không thể hơn ai vì Thân cũng vướng cảnh địa Tang Môn Liêm Phá. Nếu không có Triệt ở Thân Tuần ở Mệnh, màn cảnh Tham Vũ Liêm Phá Quyền Lộc đắc cách Thiên Mã ở Tỵ (ngựa xích thố) cho người Hoả mệnh, làm gì không một cõi biên thuỳ ngang dọc tấm thân Từ Hải vẫy vùng. Người Thiên Phủ gỡ gạc được Thân ở vị trí Bạch Hổ (tam hợp Thái Tuế) tình cảnh Tử Tham không hợp (Tham Lang sinh nhập, Tử Vi sinh xuất) phải là Liêm Trinh nơi Mùi ở ngôi vị Thái Tuế (tam hợp của Thân) đắc Quyền Lộc ở Mão Hợi. Bộ Sát Phá Tham này tuy ở trường hợp hãm, nhưng đắc hoá biến thể Tham Vũ, còn một Phá Quân cũng phần nào khó chịu với Đà La kỵ cho tuổi Kỷ. Mệnh Phủ Tướng gặp hạn Sát Phá Tham kể như đắc lực hanh thông: Đà la đã có Thất Sát quản trị, nhưng đây là Thiên di phải xa nơi sinh quán.

c/ Tuổi Quí Hợi ngồi ở Dậu, Phá Toái nhập Mệnh, từ thuở ra đời với Tử Tham Hoá Kỵ giáp Khoa Quyền (tam hoá hận đời) Tử Tham chỉ là phần hình thức, Vũ Phá ở Tỵ mới là tinh thần thoát xác. Hành động bản thân vẫn là thuận đường chính nghĩa biết bao nguy hiểm (Kình Hình hãm) vẫn trơn tru lành mạnh (Khôi Việt Thiên Ất quí nhân). Số nầy có hình thức đặc biệt từ vị trí Mệnh với Thân đến tư cách sao hợp tuổi hành động cũng dứt khoát. Toái Quân lưỡng Phá người này quyết tâm dập nát tất cả những gì ngang trái. Thiên Tướng (tam hợp Thân) không giây phút nào xao nhãng thẳng tay ngăn chặn những gì không chính đáng.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Quan Loc>                   |<No Boc>                     |<Thien Di>                   |<Tat ach>                    |
|       (D)Thien Tuong        |       (M)Thien Luong        |       (D)That Sat           |                             |
|                             |                             |       (D)Liem Trinh         |                             |
| +Van Khuc      -Kinh Duong  | +Loc Ton       -Truc Phu    | +Bat Toa       -Da la       | +Thien Viet    -Hoa Tinh    |
| +Lam Quan      -Hoa Ky      | +Bac Si        -Luu Ha      | +Dia Giai      -Quan Phu    | +Hong Loan     -Co Than     |
| +Luc Si        -Dieu Khach  | +Hoa Khoa      -ThienThuong | +Hoa Cai       -Thai Tue    | +Thien Giai    -Dau Quan    |
| +Thien Ma                   | +Quan Doi                   | +Moc Duc                    | +Thieu Duong   -Kiep Sat    |
|                             |                             | +Tam Thai                   | +Trang Sinh    -Phuc Binh   |
|                             |                             | +Thai Phu                   | +Thien Tai     -Thien Khong |
|                             |                             |                             | +Thien Tru     -Thien Su    |
|                             |                             |                             |                             |
|                             |                             |                             |                             |
|  82                         |  72                         |  62                         |  52                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+----------[Triet]------------+
|<Dien Trach>                 |Hoi |                     Ti |Suu                     |Dan |<Tai Bach>                   |
|       (H)Cu Mon             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| +Ta Phu        -Qua Tu      |    |            Ho ten: Ky mui                       |    | +Van Xuong     -Dai Hao     |
| +De Vuong      -Thien La    |    |            Sanh  : 4 Thang 1                    |    | +Duong         -Tang Mon    |
| +Phuc Duc                   |    |            Nam   : Ky Mui                       |    | +Luu Nien      -Thien Hinh  |
| +Thanh Long                 |    |            Gio   : Suu                          |    | +Thien Quan                 |
| +Thien Duc                  |    |                                                 |    |                             |
|                             |    |            Tuoi  : Am Nam                       |    |                             |
|                             |    |            Menh  : Thien Thuong Hoa             |    |                             |
|                             |    |            Cuc   : Thuy Nhi Cuc                 |    |                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
|  92                         |Tuat|                                                 |Mao |  42                         |
+-----------------------------+----|                   am duong thuan ly             |----+-----------------------------+
|<Phuc Duc>             <Than>|Dau |                   Cuc Khac Menh                 |Thin|<Tu Tuc>                     |
|       (B)Tu Vi              |    |      Sao chu menh  : Vu Khuc                    |    |       (H)Thien Dong         |
|       (H)Tham Lang          |    |      Sao chu than  : Thien Tuong                |    |                             |
| +Giai Than     -Bach Ho     |    |                                                 |    | +Huu Bat       -Benh Phu    |
| +Hoa Quyen     -Tieu Hao    |    |                                                 |    | +Thai          -Dia Khong   |
| +Phong Cao     -Suy         |    |                                                 |    | +Thien Tho     -Dia Vong    |
| +Phuong Cac                 |    |                                                 |    | +Thieu am                   |
| +Thien Quy                  |    |                                                 |    |                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|  102                        |Than|                    Mui |Ngo                     |Ty  |  32                         |
+-----------------------------+-----------------------[Tuan]-------------------------------+-----------------------------+
|<Phu Mau>                    |<Menh>                       |<Huynh De>                   |<Phu The>                    |
|       (H)Thien Co           |       (B)Thien Phu          |       (H)Thai Duong         |       (H)Pha Quan           |
|       (H)Thai am            |                             |                             |       (H)Vu Khuc            |
| +Long Duc      -Benh        | +Thien Y       -Pha Toai    | +Thien Khoi    -Dia Kiep    | +An Quang      -Linh Tinh   |
| +Quoc an                    | +Tau Thu       -Thien Rieu  | +Dao Hoa       -Tu Phu      | +Hoa Loc       -Quan Phu    |
| +Thien Hi                   |                -Thien Hu    | +Mo                         | +Hy Than       -Thien Khoc  |
| +Thien Phuc                 |                -Tu          | +Nguyet Duc                 | +Long Tri      -Tuyet       |
| +Tuong Quan                 |                -Tue Pha     | +Phi Liem                   | +Duong Phu                  |
|                             |                             |                             |                             |
|                             |                             |                             |                             |
|                             |                             |                             |                             |
|  112                        |   2                         |  12                         |  22                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Quan Loc>                   |<No Boc>                     |<Thien Di>                   |<Tat ach>                    |
|       (M)Tu Vi              |                             |                             |                             |
|       (V)That Sat           |                             |                             |                             |
| +Lam Quan      -Hoa Tinh    | +Van Xuong     -Truc Phu    | +Huu Bat       -Da La       | +Thien Viet    -Co Than     |
| +Luc Si        -Kinh Duong  | +Loc Ton       -Luu Ha      | +Ta Phu        -Dia Khong   | +Van Khuc      -Dau Quan    |
| +Thien Ma      -Dieu Khach  | +Bac Si        -ThienThuong | +Hoa Cai       -Quan Phu    | +Hong Loan     -Hoa Ky      |
|                             | +Phong Cao                  | +Moc Duc       -Thai Tue    | +Thieu Duong   -Kiep Sat    |
|                             | +Quan Doi                   |                             | +Trang Sinh    -Phuc Binh   |
|                             |                             |                             | +Thien Tai     -Thien Khong |
|                             |                             |                             | +Thien Tru     -Thien Su    |
|                             |                             |                             |                             |
|                             |                             |                             |                             |
|  82                         |  72                         |  62                         |  52                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+----------[Triet]------------+
|<Dien Trach>                 |Hoi |                     Ti |Suu                     |Dan |<Tai Bach>             <Than>|
|       (M)Thien Co           |----+------------------------+------------------------+----|       (H)Liem Trinh         |
|       (M)Thien Luong        |    |                                                 |    |       (H)Pha Quan           |
| +De Vuong      -Qua Tu      |    |            Ho ten: Ky mui                       |    | +Duong         -Dai Hao     |
| +Hoa Khoa      -Thien Rieu  |    |            Sanh  : 8 Thang 4                    |    | +Luu Nien      -Tang Mon    |
| +Phuc Duc      -Thien La    |    |            Nam   : Ky Mui                       |    | +Thien Quan                 |
| +Thanh Long                 |    |            Gio   : Thin                         |    |                             |
| +Thien Duc                  |    |                                                 |    |                             |
| +Thien Tho                  |    |            Tuoi  : Am Nam                       |    |                             |
| +Thien Y                    |    |            Menh  : Thien Thuong Hoa             |    |                             |
|                             |    |            Cuc   : Thuy Nhi Cuc                 |    |                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
|  92                         |Tuat|                                                 |Mao |  42                         |
+-----------------------------+----|                   am duong thuan ly             |----+-----------------------------+
|<Phuc Duc>                   |Dau |                   Cuc Khac Menh                 |Thin|<Tu Tuc>                     |
|       (H)Thien Tuong        |    |      Sao chu menh  : Vu Khuc                    |    |                             |
|                             |    |      Sao chu than  : Thien Tuong                |    |                             |
| +Giai Than     -Bach Ho     |    |                                                 |    | +Dia Giai      -Benh Phu    |
| +Phuong Cac    -Dia Kiep    |    |                                                 |    | +Thai          -Dia Vong    |
|                -Tieu Hao    |    |                                                 |    | +Thai Phu                   |
|                -Suy         |    |                                                 |    | +Thieu am                   |
|                             |    |                                                 |    |                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|  102                        |Than|                    Mui |Ngo                     |Ty  |  32                         |
+-----------------------------+-----------------------[Tuan]-------------------------------+-----------------------------+
|<Phu Mau>                    |<Menh>                       |<Huynh De>                   |<Phu The>                    |
|       (V)Thai Duong         |       (M)Tham Lang          |       (V)Thien Dong         |       (D)Thien Phu          |
|       (V)Cu Mon             |       (M)Vu Khuc            |       (V)Thai am            |                             |
| +Long Duc      -Linh Tinh   | +Hoa Loc       -Pha Toai    | +Thien Khoi    -Thien Hinh  | +Hy Than       -Quan Phu    |
| +Quoc an       -Benh        | +Hoa Quyen     -Thien Hu    | +An Quang      -Tu Phu      | +Long Tri      -Thien Khoc  |
| +Tam Thai                   | +Tau Thu       -Tu          | +Bat Toa                    | +Thien Giai    -Tuyet       |
| +Thien Hi                   |                -Tue Pha     | +Dao Hoa                    | +Duong Phu                  |
| +Thien Phuc                 |                             | +Mo                         |                             |
| +Thien Quy                  |                             | +Nguyet Duc                 |                             |
| +Tuong Quan                 |                             | +Phi Liem                   |                             |
|                             |                             |                             |                             |
|  112                        |   2                         |  12                         |  22                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

```
+-------------------------+-------------------------+-------------------------+-------------------------+
|<Tai Bach>               |<Tu Tuc>                 |<Phu The>                |<Huynh De>               |
|      (H)Pha Quan        |      (M)Thai Duong      |      (D)Thien Phu       |      (V)Thien Co        |
|      (H)Vu Khuc         |                         |                         |      (V)Thai am         |
| +Thien Viet             | +Long Duc    -Hoa Tinh  | +Van Xuong   -Bach Ho   | +Hoa Khoa    -Dia Khong |
| +An Quang    -Benh      | +Phi Liem    -Suy       | +Van Khuc    -Thien Hinh| +Lam Quan    -Kiep Sat  |
| +Dia Giai    -Thien Hu  | +Thien Giai             | +De Vuong    -Thien Khoc| +Phuc Duc               |
| +Hoa Loc     -Tue Pha   | +Thien Quan             | +Hoa Cai                | +Quoc an                |
| +Hy Than                |                         | +Tau Thu                | +Thien Duc              |
| +Phong Cao              |                         |                         | +Tuong Quan             |
| +Thien Ma               |                         |                         | +Thien Tai              |
| +Thien Phuc             |                         |                         |                         |
| +Duong Phu              |                         |                         |                         |
|  43                     |  33                     |  23                     |  13                     |
+-------------------------+-------------------------+-------------------------+-------------------------+
|<Tat ach>                |Mao |                Thin|Ty                  |Ngo |<Menh>                   |
|      (H)Thien Dong      |----+--------------------+--------------------+----|      (B)Tu Vi           |
|                         |    |                                         |    |      (H)Tham Lang       |
| +Hong Loan   -Benh Phu  |    |          Ho ten: qui hoi                |    | +Quan Doi    -Hoa Ky    |
| +Nguyet Duc  -Dau Quan  |    |          Sanh  : 24 Thang 11            |    | +Thai Phu    -Pha Toai  |
|              -Tu        |    |          Nam   : Qui Hoi                |    | +Thien Quy   -Tieu Hao  |
|              -Tu Phu    |    |          Gio   : Mao                    |    |              -Dieu Khach|
|              -Thien Su  |    |                                         |    |                         |
|              -Thien La  |    |          Tuoi  : Am Nam                 |    |                         |
|                         |    |          Menh  : Dai Hai Thuy           |    |                         |
|                         |    |          Cuc   : Moc Tam Cuc            |    |                         |
|  53                     |Dan |                                         |Mui |   3                     |
+-------------------------+----|                 am duong thuan ly       |----+-------------------------+
|<Thien Di>         <Than>|Suu |                 Menh Sinh Cuc           |Than|<Phu Mau>                |
|                         |    |  Sao chu menh  : Cu Mon                 |    |      (H)Cu Mon          |
|                         |    |  Sao chu than  : Thien Co               |    |                         |
| +Thien Khoi  -Dai Hao   |    |                                         |    | +Hoa Quyen   -Truc Phu  |
| +Long Tri    -Quan Phu  |    |                                         |    | +Moc Duc     -Qua Tu    |
| +Luu Nien               |    |                                         |    | +Thanh Long  -Dia Vong  |
| +Mo                     |    |                                         |    | +Thien Hi               |
|                         |----+--------------------+--------------------+----|                         |
|  63                     |Ti  |                 Hoi|Tuat                |Dau |  113                    |
+-------------------------+-----------------[Tuan]-[Triet]-------------------+-------------------------+
|<No Boc>                 |<Quan Loc>               |<Dien Trach>             |<Phuc Duc>               |
|                         |      (D)That Sat        |      (V)Thien Luong     |      (D)Thien Tuong     |
|                         |      (D)Liem Trinh      |                         |                         |
| +Ta Phu      -Co Than   | +Bat Toa     -Linh Tinh | +Huu Bat    -Thien Khong| +Giai Than   -Kinh Duong|
| +Thien Tho   -Dia Kiep  | +Tam Thai    -Da La     | +Loc Ton                | +Luc Si      -Thai Tue  |
| +Thieu am    -Phuc Binh | +Thai        -Quan Phu  | +Bac Si                 | +Phuong Cac  -Thien Rieu|
|              -Luu Ha    |              -Tang Mon  | +Duong                  | +Thien Y                |
|              -Tuyet     |                         | +Dao Hoa                | +Trang Sinh             |
|             -ThienThuong|                         | +Thieu Duong            | +Thien Tru              |
|  73                     |  83                     |  93                     | 103                     |
+-------------------------+-------------------------+-------------------------+-------------------------+
```

Mệnh đứng trên địa bàn mở đường ngắm nhìn tam hợp cục thấy đâu là bản lãnh thân thế nhân sinh, rồi quyền lộc cùng thời gian khác gì thuỷ triều phù vân sáng tối.

GIÂY LIÊN LẠC BÀO VỚI NÔ

Thánh nhân đặt Mệnh và Thân nằm theo năm tháng ngày giờ sanh tính cặn kẽ từ liên hệ trong gia đình cho đến tình nghĩa đối đáp bên ngoài với xã hội. Người học số lại thường phân chia lấy cung này quan hệ cho là cung cường, cung kia không cần thiết gì cho lắm cho là nhược, nghĩa là không gây ảnh hưởng mạnh cho đời sống của người có số.

Vậy đâu là cường và đâu là nhược? Có người đã khẳng định ngoài Mệnh ra chỉ có Phúc, Quan, Tài là cường, còn lại là nhược hết. Thiết tưởng cường nhược gì, nếu được một cung nào đẹp, người có số hẳn cũng thấy hạnh phúc về phương diện đó, như cung Tật Ách tốt, hẳn người đó được một đời sống đầy đủ sức khỏe, ít ốm đau, tai nạn để tránh, tưởng cũng là rất quí.

Đứng cao trên hết là Phúc Đức, không hình bóng dáng, chỉ huy thêm bớt tất cả liên lạc dự thảo các cung còn lại khiến mỗi

người có 1 cuộc sống khác nhau, mặc dầu số giống nhau như in, từ hoàn cảnh gia đình có cha mẹ, vợ con, sản nghiệp nhưng về phương diện xã hội hẳn là người cùng mình ganh đua (Di) và bạn hữu (Nô).

Đời sống mỗi cá nhân có con đường liên lạc tiếp xúc với thế giới bên ngoài thì vấn đề anh em đứng đòn cân với bạn hữu là thế rất hay và thiết yếu. Vậy Bào Nô không thể coi thường nhất là trên trường chính trị, người tin cậy không ai khác là anh em và bạn hữu trung tín mới mong đắc lực. Phải chăng vì thế Bào và Nô mới đứng song hàng để kiềm giữ liên lạc với nhau.

Biết rằng đã đứng riêng một đòn cân thì hẳn là cùng chung một phái trong thế lưỡng nghi. Như Mệnh có Cơ Nguyệt Đồng Lương thì Phụ, Bào và Nô đều là Tử Phủ, Sát Phá Tham. Bào và Nô vốn là vấn đề nhân sự khác hẳn Tử và Điền, Phụ và Ách, rất tế nhị giữa người với người, dễ có những sự biến đổi sớm đầu tối đánh vui cười đó mà thâm tâm lại khác, nếu sự đối sử không khéo léo cũng như không trúng lúc thì sự phân tách cũng không thể sơ sài và cần cân nhắc mọi khía cạnh như số đã sắp xếp. Bào đứng sát sau lưng Mệnh để liên lạc ganh đua với Nô, cũng như Phụ đứng sát trên Mệnh, để đối phó với Ách.

Tử và Điền chỉ cần cân nhắc bên nào nặng nhẹ, cung nào khắc cung nào, và bộ sao nào đắc cách cho phía nào.

Phụ và Ách là vấn đề phiền phức dễ gây ra do bộ Sát Phá Tham và Cự Môn, Vũ Khúc, người hiếu tử không thể không ái náy, chính mình phải hy sinh thay cho cha mẹ hơn là thấy cảnh gay cấn bất an của bậc đã cho ta đời sống.

Còn Bào và Nô là cả một sự khó khăn, con đường giao tế tiếp xúc từ gia đình đến xã hội cũng như Mệnh phải đối phó với Di. Biết rằng Mệnh và Di là cả một cuộc vật lộn tranh đấu, người có số phải chính mình thu tập đủ các điều kiện để thắng đối phương. Điều kiện tiên quyết là mình phải tạo giành cho được chính nghĩa (vị trí tam hợp Thái Tuế) rồi mới tính đến sao là những yếu tố hậu thuẫn (âm dương, ngũ hành, vượng hay hãm địa) có khác gì một vị Thái Tổ dựng nên nghiệp vương cho một thế hệ. Từ lúc xuất thân ra khỏi lều cỏ đến lúc bước chân hãnh diện vào điện Thái Hòa phải đủ bao nhiêu điều kiện khó khăn.

Vậy Bào và Nô tuy là đứng sau Mệnh và Di, nhưng không thể không có điều kiện thiết yếu hơn là các đòn cân khác, có chăng chỉ là thứ yếu, dưới Mệnh. Đã nói là vấn đề nhân sự, không thể khi thường, phải tự xét mình và biết người. Ở đây Mệnh phải hoàn toàn là cột trụ để điều khiển cả Bào lẫn Nô như :

1- Mệnh ở Ngọ có Tử Vi, Bào ở Tỵ có Thiên Cơ (đắc địa) sinh nhập cho Phúc. Nô ở Hợi có Thái Âm (đắc địa) sinh xuất cho Tài, có nghĩa là Nô trung thành đắc lực hơn Bào mà vẫn bị Bào lấn át.

2- Mệnh ở Tỵ có Tử Sát, Bào ở Thìn có Cơ Lương, được Quan sinh nhập. Nô ở Tuất vô chính diệu đắc Cự Nhật ở Dần (tam hợp), được thế sinh xuất, tức là Bào và Nô đều đắc lực. Nô vẫn bị kém thế hơn, được nội tướng đối xử ngầm phủ dụ an ủi.

3- Mệnh ở Thìn có Tử Tướng, Bào ở Mão có Cự Cơ, sinh xuất cho Di, dễ bất bình với Mệnh đi lầm đường lạc lối. Nô ở Dậu vô chính diệu được Nhật Nguyệt ở Sửu (tam hợp) và Cự Cơ ở Bào (xung chiếu), sinh nhập cho Mệnh, lấn Bào, triệt để trung thành với Mệnh.

4- Mệnh ở Mão có Tử Tham, Bào ở Dần có Cơ Âm (hãm) được cung Tài sinh nhập (một gánh nặng cho Mệnh). Nô ở Thân vô chính diệu có Cự Nhật hãm (tam hợp), Cơ Âm ở Dần xung không ích gì hơn Bào.

5- Mệnh ở Dần có Tử Phủ, Bào ở Sửu có Thiên Cơ, sinh xuất cho Thê. Nô ở Mùi có Thiên Lương sinh xuất cho Quan. Bào và Nô đều thành thực giúp ích cho Mệnh, nhưng Bào điều khiển Nô.

6- Mệnh ở Sửu có Tử Phá, Bào có Thiên Cơ ở Tí (bình) được Mệnh sinh xuất. Nô ở Ngọ có Cự Môn được Di sinh xuất, bị Bào khắc chế, coi chừng Nô này dám làm nội tướng cho kẻ địch.

7- Mệnh ở Tí có Tử Vi. Bào ở Hợi có Thiên Cơ (hãm) sinh xuất cho Phúc Đức. Nô ở Tỵ có Thái Âm (hãm) sinh nhập cho Tài. Cả Bào và Nô đều là kẻ vô tài, hay nản lòng trách móc và ly tán.

8- Mệnh ở Hợi có Tử Sát. Bào ở Tuất có Cơ Lương được Quan sinh nhập. Nô ở Thìn vô chính diệu có Cự Nhật ở Thân hãm (tam hợp) khắc xuất Bào ở Tuất, lại được Thê ở Dậu sinh nhập, tức là Nô vô tài, dối trên lừa dưới.

9- Mệnh ở Tuất có Tử Tướng. Bào ở Dậu có Cự Cơ sinh xuất cho Di, ôm hận ngấm ngầm để phản bội. Nô ở Mão được Nhật Nguyệt ở Mùi chiếu (tam hợp) bị Bào khống chế để triệt để trung thành với Mệnh.

10- Mệnh ở Dậu có Tử Tham. Bào và Nô đều là chân tay đắc dụng.

11- Mệnh ở Thân có Tử Phủ. Bào ở Mùi Thiên Cơ (đắc địa) sinh xuất cho Thê. Nô có Thiên Lương ở Sửu sinh xuất cho Quan. Cả Bào và Nô đều là tôi lương đống. Nhưng Nô bất phục Bào.

12- Mệnh ở Mùi có Tử Phá. Bào có Cơ ở Ngọ (bình) được Mệnh sinh xuất. Nô ở Tí có Cự Môn (đắc địa) được Di sinh xuất coi thường Bào, mặc dầu được kẻ nghịch mua chuộc nhưng không thay lòng đổi dạ (được Thái Dương đắc địa ở Thìn chiếu).

Mười hai trường hợp ở trên không trường hợp nào giống trường hợp nào, mặc dầu bộ sao có giống nhau, nhưng vị trí khác (cung sinh khắc phải khác) ngôi vị đắc địa hay hãm địa cũng khác mà điều cần nhất là Mệnh luôn luôn làm chủ tình thế. Nếu sao thủ Mệnh đắc địa dễ điều khiển được Bào và Nô ví như một vị minh

quân đức hạnh, trái lại hãm địa là người vô tài nhu nhược, chóng chày gì cũng có những biến chuyển đưa đến bất lợi.

Tóm lại có thể đặt một ít chi tiết mong rằng được coi như nguyên tắc cần thiết để nhận định:

1- Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương Cự Nhật đắc địa dễ điều khiển được Bào và Nô (dĩ nhiên là Tử Phủ hay Sát Phá Tham) cũng đắc địa, mọi sự thành công nhưng hay bất hòa với Bào, còn Nô trung thành.

2- Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật đắc địa mà Bào và Nô hãm địa, đám quân thần kể như xác xơ lại hay oán trách.

3- Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật hãm địa khó mà điều động được Bào và Nô (Tử Phủ và Sát Phá Tham) đắc địa, dầu có được việc nhưng hay lấn quyền.

4- Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật hãm. Bào và Nô (Tử Phủ, Sát Phá Tham) cũng hãm, việc thành công kể như vô vọng, người chân tay phân tán phản bội.

5- Mệnh Tử Phủ, Sát Phá Tham đắc địa được Bào và Nô (dĩ nhiên là Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật) đắc địa. Tôi trung thành vẫn có những thành quả chủ nhân không mấy hài lòng, vì Cơ Nguyệt Đồng Lương không mấy khi đắc lực bằng Sát Phá Tham.

6- Mệnh Tử Phủ, Sát Phá Tham đắc địa gặp Bào và Nô hãm, tức là bầy tôi bất lực ăn bám.

7- Mệnh Tử Phủ, Sát Phá Tham hãm được Bào và Nô đắc địa, công việc tiến hành vẫn được việc.

8- Mệnh Tử Phủ, Sát Phá Tham hãm gặp Bào và Nô cũng hãm, ôi thôi bạn bè phần đông vô tài và phân tán.

PHỤ MẪU LIÊN QUAN GÌ TỚI TẬT ÁCH

Các đấng tiên hiền xưa đã có câu: "cha mẹ hiền lành để phúc cho con và cha ăn mặn thì con khát nước". Thiết tưởng đó là luật nhân quả sâu xa của một truyền thống riêng cho từng gia đình, có lẽ vì thế cung Phụ Mẫu trong Tử Vi mới đứng cân phân với Tật Ách của lá số.

Biết rằng luật âm dương mật thiết cho Tử Vi như hình với bóng và vì có lý âm dương mới cho phép ta phân biệt và tìm phăng ra đầu mối nhợ mọi sự thiết yếu của số, thì mọi lý lẽ của

mỗi cung số đều nên nhận xét là ở một thế tứ tượng trong lưỡng nghi nào.

Mười hai cung trong lá số dĩ nhiên căn bản là Mệnh. Cái sườn nhà có vững chắc thì nhà mới đỡ rung rinh lúc gặp mưa dông bão táp. Cái nhà có đứng vững ở không gian là do tay thợ lành nghề biết kiến tạo, nhưng một phần quan trọng cũng phải do nơi vị trí căn nhà đó dựng lên trước kia là gì? Đầm ao sình lầy hay là đất thịt cứng chắc tức là cha mẹ sinh dưỡng truyền thống cho bản mệnh luôn luôn kình chống tật ách.

Như Mệnh Cơ Nguyệt Đồng Lương, Cự Nhật thì Phụ Mẫu phải là Sát Phá Tham, Tử Phủ Vũ Tướng, cung Tật Ách đương nhiên là đồng phái với Phụ Mẫu là Sát Phá Liêm Tham hay Tử Phủ Vũ Tướng, một thế đứng của tứ tượng.

1- Mệnh ở Ngọ, Phụ Mẫu ở Mùi có Tử Phá, Tật Ách là Thiên Tướng (Sửu) sinh xuất cho Di để uy hiếp Mệnh.

2- Mệnh ở Tỵ, Phụ Mẫu ở Ngọ có Tử Vi, Tật Ách là Tham Lang (Tí) được cung Tài sinh nhập tức là Mệnh Phải tốn hao tiền tài.

3- Mệnh ở Thìn, Phụ Mẫu ở Tỵ có Tử Sát, Tật Ách là Thiên Phủ (Hợi) sinh xuất cho Thê ở Dần phải hứng chịu nhiều rắc rối.

4- Mệnh ở Mão, Phụ Mẫu ở Thìn có Tử Tướng, Tật Ách là Phá Quân (Tuất), được Mệnh sinh xuất là chính mình trồng cấy hậu quả.

5- Mệnh ở Dần, Phụ Mẫu ở Mão có Tử Tham, Tật Ách vô chính diệu (Dậu) phúc đức lãnh nhân quả của tiền nhân.

6- Mệnh ở Sửu, Phụ Mẫu ở Dần có Tử Phủ, Tật Ách là Thất Sát (Thân), Quan Lộc (công việc) tạo lấy nhân quả.

7- Mệnh ở Tí, Phụ Mẫu ở Sửu có Tử Phá, Tật Ách là Thiên Tướng (Mùi), sinh xuất cho Di để chống lại Mệnh.

8- Mệnh ở Hợi, Phụ Mẫu ở Tí có Tử Vi, Tật Ách là Tham Lang (Ngọ) gây hao tài cho Mệnh.

9- Mệnh ở Tuất, Phụ Mẫu ở Hợi có Tử Sát, Tật Ách là Thiên Phủ (Tỵ) đem phiền phức cho Thê.

10- Mệnh ở Dậu, Phụ Mẫu ở Tuất có Tử Tướng, Tật Ách là Phá Quân (Thìn), là Mệnh chịu lấy kết quả đã làm.

11- Mệnh ở Thân, Phụ Mẫu ở Dậu có Tử Tham, Tật Ách vô chính diệu (Mão) phúc đức lãnh hậu quả của tiền nhân.

12- Mệnh ở Mùi, Phụ Mẫu ở Thân có Tử Phủ, Tật Ách có Thất Sát (Dần) công việc hành động tạo lấy nhân quả.

Mười hai trường hợp trên, lấy Tử Vi đặt vào cung Phụ Mẫu có ý muốn chứng tỏ vị chúa tinh tuy được gọi là vị tối cao phúc hậu, nhưng hễ đã dính đứng chung với bộ Sát Phá Tham thì cũng không chứng nọ tật kia, như Tử Sát là có sự bất hòa giữa cha mẹ. Tử Phá có sự lìa khắc. Tử Tham phải phân ly thì cung Tật Ách tất

được Phủ, Tướng, mọi sự nhẹ nhàng cho đương số, có bịnh tật chỉ là nội thương và dễ gặp thầy thuốc. Trái lại Phụ mẫu là Phủ Tướng, con phải hứng chịu mọi tai ách hay bạo bịnh, tùy trường hợp nào trong 12 cách ở trên để biết nhân quả. Cơ Nguyệt Đồng Lương và Cự Nhật cũng vậy. Hễ cung Phụ Mẫu đã liên hệ ít nhiều đến Cự Môn (chính cung hay tam hợp) cũng lắm chuyện chẳng lành không kém Sát Phá Tham là bao. Còn như được Đồng Lương (ám tinh và Diệu tinh)(chỗ này có lẽ sách in sai, ám tinh là tên gọi cho Cự Môn?) là 2 vị Phúc tinh thủ đắc cho Phụ Mẫu thì Tật Ách chạy không khỏi Cự Môn sinh nhiều điều phải đề phòng bất trắc.

Tại sao những đấng Phụ Mẫu được coi là có bộ mặt phúc hậu nhất như Tử Vi độc thủ, Tử Tướng, Tử phủ, Đồng Lương lại gây ra những hậu quả không tốt đẹp cho con cái, tức là cung Tật Ách phải chịu Sát Phá Tham, Cự Nhật hành hạ ?

Thưa rằng : Tử Phủ Vũ Tướng và Cơ Nguyệt Đồng Lương là 2 bộ hiền lành đâu có lực lượng chống lại Sát Phá Tham và Cự Nhật, là 2 sức mạnh có uy vũ sắc bén, sát khí hung cường, chỉ còn con đường phước thiện, cố làm điều lành để mua chuộc cho con cháu tránh nẻo chông gai tùy theo mức độ đã tạo nổi.

Việc này không phải là không có ý nghĩa như Mệnh đóng ở Tuế Phá, Tang Môn, Điếu Khách là người thường xuyên không được hài lòng với công việc mình làm mà vẫn thi gan cùng tuế nguyệt bằng nghị lực Thiên Mã (trong Tử Vi chỉ có 3 hạng người này mới có Thiên Mã). Phần số của họ là coi những tai ương tật ách như cơm bữa, không có gì phải lo ngại, vì Ách cung không bao giờ vắng bóng Thiên Không (chính cung hay tam hợp). Còn những trường hợp Ách có Tuần hay Triệt hay vô chính diệu hoặc cung Phụ Mẫu khắc xuất Tật Ách đều có ý nghĩa Tử Phủ, Đồng Lương lấy đức chinh phục tai ách để giảm bớt cường độ của tật ách 5 trường hợp ở trên, người có số nếu được những vị phúc tinh như Thiên Quan, Thiên Phúc, Ân Quang, Thiên Quý phò trợ, không phải tình cờ may mà gặp, mọi sự như đã an bài. Còn ngoài ra những vị Phụ Mẫu quá hiền hậu như trên (Tử Phủ Đồng Lương) phải coi như bậc hiền nhân đã ý thức được điều phải làm mà chưa đủ âm đức cản trở được nghiệp nhân quả phải bù trừ.

Còn Phụ Mẫu phải lãnh vai trò Sát Phá Tham hay Cự Nhật, người làm con luôn luôn ở trong tình trạng đau lòng vì cảnh mất bình thường như vất vả, chia ly hay náo loạn của đấng sinh thành để cố tạo cung Tật Ách cho mình ít khi gặp bạo bịnh hay tai nạn nguy hiểm. Ở đây ta phải nhìn nhận là một đường lối hy sinh của cha mẹ cam chịu cảnh bất an để cho con đỡ gặp bước đường đời dày vò phần xác thịt mà người đã nâng niu nuôi nấng yêu dấu cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay.

GIÀU NHỜ BẠN, SANG VÌ VỢ

Đời người từ lúc biết ăn nói đi đứng là đã có bạn. Có bạn ăn chung miếng bánh, có kẻ chụp giựt đồ chơi để chơi một mình, có bạn thấy mình sức yếu không làm lại ai thì thương hại dìu dắt đi kiếm tìm lối chơi khác. Rồi khi khôn lớn lên, biết bao đường vẽ tình thế đối đáp với xã hội bên ngoài gia đình, lớn nhỏ ai cũng không khác lúc thiếu nhi, việc gì cũng do bạn, vì bạn và có bạn hết thảy.

Vậy bạn không phải là vấn đề giản dị, nó phức tạp, không phải chỉ những ai ngang hàng với mình, thường ngày cặp kè đụng chạm với mới là bạn. Còn nhiều hạng người như nâng đỡ mình trong sự nghiệp kinh doanh, có người chịu để cho mình điều khiển, cũng có người chỉ chờ cơ hội chèn ép mình để đưa thân thế lên bổng. Nói chung đều là bạn cả, tức là Quan Nô Di trong số.

Quan Nô Di đều là ngoại nhân mỗi người có một tư thế riêng đối với Mệnh viên.

Với Nô có nhiều chi tiết tế nhị, không thể đối đãi là kiếp hạng lệ thuộc xấu xa như thường nói: Nô bộc.

Cam phận vì một lẽ gì, sinh kế hay kém tài, đành đem thân cho người sai khiến. Ngoài ra có thể là người chịu sự điều khiển của mình như cấp bậc điều hành phải tuân theo quyết định cấp bậc chỉ huy, có khi là đồng hàng chỉ kém thâm niên hành sự. Có khi là người có tài chỉ vì mạt vận, bó thân khuất phục trong một giai đoạn dung thân, rồi ra gặp hội rồng mây rồi ra cũng tung hoành như ai trong nghiệp Đế, Bá không phải tầm thường mà bị đối xử không xứng đáng như một người vô tài kém đức dưới con mắt để người thường nói, vậy nô cũng là bạn, có biết bao chủ nhân ông lập nên nghiệp lớn, nhờ ở Nô có hạng.

Di là thế xung khắc. Cuộc đời không có Di thì tẻ lạnh, không có gì khích lệ, lòng hăng hái sẽ lần lần hạ thấp và chí phấn đấu sẽ chẳng còn. Di là bạn nghịch đem lại quả cảm cho Mệnh quyết tâm tranh giành lấy chánh nghĩa, nếu có thể được thì sự nghiệp mới mong thành công và bền vững. Di là thế ngang hàng đĩnh đạc đối diện với Mệnh.

Còn Quan là bạn sống còn mật thiết với Mệnh (tam hợp) hay nhờ dở chịu. Người bạn này là quân sư của Mệnh, luôn luôn đồng lao cộng tác, lúc nào cũng muốn đem kết quả tốt cho Mệnh, bênh vực chỉ huy Mệnh như hình với bóng. Nếu chẳng may yếu kém Mệnh phải chịu mọi sự thua thiệt.

Dưới đây là 2 lá số cùng tuổi Canh Tuất:

1- Sanh ngày 18 tháng 3 giờ Tí.
2- Sanh ngày 5 tháng 9 giờ Thìn.

Phân tách 3 cung Quan Nô Di và Mệnh với Phối:

1- Người trên Kim Mệnh được Vũ Khúc, Kim tinh đắc địa đơn thủ ở Thìn, vị trí của người thường xuyên căm hờn vì một duyên cớ bên ngoài coi như đắc ý với tam hóa liên châu ở Mệnh, bản giấy ban khen đặc hạng thưởng công cho người trung thành đắc lực đối với chủ. Cung Quan có Tử Phủ, Hữu Bật, Lộc Mã Khốc Khách được quan thầy hết lòng nâng đỡ, cả một dàn cảnh hùng vĩ huy hoàng. Xuống đến Nô cung tuy là Thái Âm đắc cách, nhưng Hóa Kỵ, Kình Dương có phải là một lũ có mắt như mù quáng, trung thành tuyệt đối với Mệnh (sinh xuất cho Mệnh). Ngó đến Di, lòng người không thể không thấy đâu là chính nghĩa (Thái Tuế) mà phải nghiêng mình trước những ai vô danh tận tụy vì nghĩa vụ, tuy việc không thành mà danh lưu muôn thuở.

Số này có đủ cả 2 sức mạnh: Vũ Khúc (Kim) khắc Tham Lang (Mộc), đối diện và vị trí Thân Tí Thìn (Thủy) khắc Dần Ngọ Tuất (Hỏa). Tham Lang được chính nghĩa (Thái Tuế) nhưng ở thế yếu vừa bị khắc cả cung (Tuất) vừa phải đối phó với kẻ nghịch trên tay mình. Trái lại Vũ Khúc vừa được cung Thổ phò Kim lại được ở thế mạnh Vũ Khúc (Kim) khắc Tham Lang (Mộc) làm gì mà không thành công. Nhưng Thê có Thất Sát chạy không khỏi sứt mẻ (Tuần Tài Thọ đều cùng nằm ở đó).

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Phu Mau>                    |<Phuc Duc>                   |<Dien Trach>                 |<Quan Loc>                   |
|       (M)Thai Duong         |       (M)Pha Quan           |       (D)Thien Co           |       (M)Tu Vi              |
|                             |                             |                             |       (M)Thien Phu          |
| +Hong Loan     -Dai Hao     | +Thien Khoi    -Bach Ho     | +Phuc Duc      -Da La       | +Huu Bat       -Dau Quan    |
| +Hoa Loc                    | +Ta Phu        -Phuc Binh   | +Quan Doi      -Qua Tu      | +Loc Ton       -Thien Khoc  |
| +Long Duc                   | +Moc Duc                    | +Thien Duc     -Quan Phu    | +Bac Si        -Dieu Khach  |
| +Trang Sinh                 | +Thai Phu                   |                             | +Lam Quan                   |
|                             | +Thien Phuc                 |                             | +Thien Ma                   |
|  14                         |  24                         |  34                         |  44                         |
+-----------------------------+-------------------------[Triet]-----------------------------+-----------------------------+
|<Menh>                <Than>|Hoi |                       Ti |Suu                      |Dan |<No Boc>                     |
|       (M)Vu Khuc            |----+--------------------------+-------------------------+----|       (M)Thai am            |
|                             |    |                                                    |    |                             |
| +Van Khuc      -Benh Phu    |    |          Ho ten: VD 1                              |    | +De Vuong      -Kinh Duong  |
| +Duong         -Thien Hu    |    |          Sanh  : 18 Thang 3                        |    | +Dia Giai      -Truc Phu    |
| +Hoa Quyen     -Tue Pha     |    |          Nam   : Canh Tuat                         |    |                -ThienThuong |
| +Quoc an       -Thien La    |    |          Gio   : Ti                                |    | +Luc Si        -Hoa Ky      |
|                             |    |          Tuoi  : Duong Nam                         |    |                             |
|                             |    |          Menh  : Thoa Xuyen Kim                    |    |                             |
|                             |    |          Cuc   : Kim Tu Cuc                        |    |                             |
|   4                         |Tuat|                                                    |Mao |  54                         |
+-----------------------------+----|                  am duong thuan ly                 |----+-----------------------------+
|<Huynh De>                   |Dau |                  Menh Cuc Binh Hoa                 |Thin|<Thien Di>                   |
|       (D)Thien Dong         |    |     Sao chu menh  : +Loc Ton                       |    |       (V)Tham Lang          |
|                             |    |     Sao chu than  : +Van Xuong                     |    |                             |
| +Bat Toa                    |    |                                                    |    | +Van Xuong     -Linh Tinh   |
| +Dao Hoa       -Thien Rieu  |    |                                                    |    | +Hoa Cai       -Thai Tue    |
| +Hy Than       -Luu Ha      |    |                                                    |    | +Thanh Long    -Suy         |
| +Nguyet Duc    -Tu Phu      |    |                                                    |    | +Thien Giai    -Dia Vong    |
| +Thai                       |    |                                                    |    |                             |
| +Thien Y                    |    |                                                    |    |                             |
| +Hoa Khoa                   |----+--------------------------+-------------------------+----|                             |
| 114                         |Than|                      Mui |Ngo                      |Ty  |  64                         |
+----------[Tuan]-------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Phu The>                    |<Tu Tuc>                     |<Tai Bach>                   |<Tat ach>                    |
|       (M)That Sat           |       (D)Thien Luong        |       (V)Thien Tuong        |       (D)Cu Mon             |
|                             |                             |       (V)Liem Trinh         |                             |
| +Thien Viet    -Quan Phu    | +Mo            -Hoa Tinh    | +Giai Than     -Tang Mon    | +Luu Nien      -Benh        |
| +An Quang      -Tuyet       | +Thieu am      -Pha Toai    | +Phuong Cac    -Tu          | +Tam Thai      -Co Than     |
| +Long Tri                   | +Tau Thu                    | +Thien Quy                  | +Thien Hi      -Dia Kiep    |
| +Phi Liem                   | +Duong Phu                  | +Tuong Quan                 | +Thien Quan    -Dia Khong   |
| +Phong Cao                  |                             |                             | +Thieu Duong   -Kiep Sat    |
| +Thien Tho                  |                             |                             |                -Thien Hinh  |
| +Thien Tai                  |                             |                             |                -Thien Khong |
| +Thien Tru                  |                             |                             |                -Tieu Hao    |
|                             |                             |                             |                -Thien Su    |
| 104                         |  94                         |  84                         |  74                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

```
+--------------------------+--------------------------+--------------------------+--------------------------+
|<Huynh De>                |<Menh>                    |<Phu Mau>                 |<Phuc Duc>                |
|      (H)Cu Mon           |        (V)Thien Tuong    |      (D)Thien Luong      |      (M)That Sat         |
|                          |        (V)Liem Trinh     |                          |                          |
| +Hong Loan   -Hoa Tinh   | +Thien Khoi  -Linh Tinh  | +Mo          -Da La      | +Van Khuc    -Thien Khoc |
| +Long Duc    -Benh       | +Van Xuong   -Bach Ho    | +Phuc Duc    -Dia Khong  | +Loc Ton     -Tuyet      |
| +Thien Quy   -Dai Hao    | +Phong Cao   -Dau Quan   | +Thien Duc   -Qua Tu     | +Bac Si      -Dieu Khach |
|              -Thien Hinh | +Thien Phuc  -Phuc Binh  |              -Quan Phu   | +Thien Ma                |
|                          |              -Tu         |                          |                          |
|  113                     |   3                      |  13                      |  23                      |
+--------------------------+-----------------------[Triet]-----------------------+--------------------------+
|<Phu The>                 |Hoi |                  Ti |Suu                  |Dan |<Dien Trach>              |
|      (V)Tham Lang        |----+---------------------+---------------------+----|      (H)Thien Dong       |
|                          |    |                                           |    |                          |
| +Quoc an     -Benh Phu   |    |           Ho ten: VD 2                    |    | +An Quang    -Kinh Duong |
| +Tam Thai    -Thien Hu   |    |           Sanh  : 5 Thang 9               |    | +Luc Si      -Truc Phu   |
| +Thien Giai  -Tue Pha    |    |           Nam   : Canh Tuat               |    | +Thai                    |
| +Thien Tai   -Suy        |    |           Gio   : Thin                    |    | +Thien Y     -Thien Rieu |
|              -Thien La   |    |                                           |    | +Hoa Khoa                |
|                          |    |           Tuoi  : Duong Nam               |    |                          |
|                          |    |           Menh  : Thoa Xuyen Kim          |    |                          |
|                          |    |           Cuc   : Moc Tam Cuc             |    |                          |
|  103                     |Tuat|                                           |Mao |  33                      |
+--------------------------+----|                   am duong thuan ly       |----+--------------------------+
|<Tu Tuc>                  |Dau |                   Menh Khac Cuc           |Thin|<Quan Loc>                |
|      (H)Thai am          |    |   Sao chu menh  : +Loc Ton                |    |      (M)Vu Khuc          |
|                          |    |   Sao chu than  : +Van Xuong              |    |                          |
| +Dao Hoa     -Dia Kiep   |    |                                           |    | +Bat Toa     -Thai Tue   |
| +De Vuong    -Luu Ha     |    |                                           |    | +Duong       -Dia Vong   |
| +Dia Giai    -Tu Phu     |    |                                           |    | +Hoa Cai                 |
|              -Hoa Ky     |    |                                           |    | +Hoa Quyen               |
| +Hy Than                 |    |                                           |    | +Thai Phu                |
| +Nguyet Duc              |    |                                           |    | +Thanh Long              |
|                          |----+---------------------+---------------------+----|                          |
|  93                      |Than|                  Mui|Ngo                  |Ty  |  43                      |
+----------[Tuan]----------+--------------------------+--------------------------+--------------------------+
|<Tai Bach>          <Than>|<Tat ach>                 |<Thien Di>                |<No Boc>                  |
|      (M)Tu Vi            |      (D)Thien Co         |      (M)Pha Quan         |      (H)Thai Duong       |
|      (M)Thien Phu        |                          |                          |                          |
| +Thien Viet  -Quan Phu   | +Quan Doi    -Pha Toai   | +Ta Phu      -Tang Mon   | +Hoa Loc     -Co Than    |
| +Huu Bat                 | +Thieu am    -Thien Su   | +Giai Than               | +Luu Nien    -Kiep Sat   |
| +Lam Quan                | +Tau Thu                 | +Moc Duc                 | +Thien Hi    -Thien Khong|
| +Long Tri                | +Duong Phu               | +Phuong Cac              | +Thien Quan  -Tieu Hao   |
| +Phi Liem                |                          | +Thien Tho               | +Thieu Duong -ThienThuong|
| +Thien Tru               |                          | +Tuong Quan              | +Trang Sinh              |
|  83                      |  73                      |  63                      |  53                      |
+--------------------------+--------------------------+--------------------------+--------------------------+
```

Ngày nay dư âm Thái Tuế càng dội ngược, hẳn người Tuế Phá lòng càng bất an trong giấc cô miên.

2- Người dưới đứng trên thế chánh nghĩa rành rành của ngôi vị (Quan có Thái Tuế, Vũ Khúc). Tam hóa liên châu ở đây khác hẳn tam hóa của trường hợp trên (một đàng ở Thìn là ngày, một đàng ở Tuất là đêm) chỉ là hư vị với tất cả quyền hành (Khoa Quyền Lộc) làm việc trong bóng tối. Ấy thế mà bị Thê cung đè nén (Thân Tí Thìn khắc Dần Ngọ Tuất) bằng Tướng Ấn nắm chặt ở tay cũng là hư mà không thật (Tuế Phá Thiên Hư). Tham Lang cư Thê ở Thìn không thể không có chuyện ngang trái. Đây là mầm rối loạn của gia đình, chờ đến lúc vận bĩ Thiên Không ở Hợi là đổ vỡ. Di có Phá Quân Tướng Ấn Tả Phù Lộc Mã làm gì không lợi dụng cái đà dậu đổ bìm leo quật luôn Mệnh dễ dàng như trở bàn tay (Tí khắc Ngọ). Nô tuy tuyệt đối trung thành với Thân nhưng không đủ tư cách (Thái Dương ở Hợi) chỉ là những phụ tá về kinh tài cho Thân ở Tài (Nô có Hóa Lộc) sinh xuất cho Tài ở Dần) mà thôi.

Hai bản số trên đều nhờ người bạn Quan làm nên sự nghiệp và cùng bị khốn đốn vì bạn trăm năm. Vậy đâu là sang vì vợ ?

Xin thưa chỉ có trường hợp Thê được những sao Tử Phủ, Đồng Lương, nhất là Quan cung không bị Thê cung khắc chế. Như vậy mới được giàu nhờ bạn sang vì vợ.

VẬN HẠN NÊN TÍNH THẾ NÀO ?

Trông vào bản lập thành của lá số, thấy cung thiên bàn rộng rãi ghi năm tháng ngày giờ, mệnh, cục của nó. Ngoài giáp biên 12 cung địa bàn một vòng địa chi viết mỗi cung một chữ theo đường lối nam thuận nữ nghịch đủ một vòng. Đó là tên năm tiểu hạn. Mỗi khi xem hạn của năm nào thì lấy cung có ghi tên chữ đó làm đích, như người tuổi Bính Thân gặp năm Tỵ, thì lấy chữ Tỵ nằm sát cạnh cung Mùi. Cung Mùi đó là tiểu hạn năm Tỵ của tuổi Bính Thân.

Quyết định được một Đại Vận 10 năm tốt xấu là một việc rất khó, mà xuống đến tiểu hạn 1 năm tưởng sự lầm lẫn còn gấp bội. Một chữ Tỵ thì 12 năm lại bắt vòng tới, thành ra trong đời người cứ kể là 60 năm, có 5 năm Tỵ. Có lý nào Tỵ nào cũng giống nhau sao ! Đành rằng 5 năm Tỵ đó còn tùy thuộc ở 5 Đại Vận tốt xấu mà thay đổi thêm bởi sự hên xui. Như trên đã nói, nhận xét được một Đại Vận tốt không phải là dễ, thì cái lầm lẫn này đưa vào tạm đem ra phân tách để tìm ra chân lý.

Mười hai cung trong lá số, mỗi cung mang một tên rành rẽ, có 1 dây liên hệ cho cung mệnh. Khi nhìn vào số thấy ngay cái quan trọng khẳng khít giữa Mệnh, Quan và Tài, thường thường thấy vẽ hình tam giác bắt liên lạc với nhau, trong sách số kêu là "tam hợp", có nghĩa là Mệnh Quan Tài tuy 3 là 1. Tam hợp là thế đứng chân vạc của Mệnh, tốt hay xấu, thắng hay bại, một khi tranh đua với đời.

Thế tam hợp Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ, là thế chánh của tuổi, và người tuổi gì Thái Tuế ngồi ngay ở cung mang tên đó, mặc dầu Mệnh bị lạc ở cung khác. Một khi cơ hội vận chuyển đến Thái Tuế Quan Phù Bạch Hổ kể như đất sống của mình, quê quán điền sản của một bộ quý tinh chủ về may mắn hưng vượng và quyền uy. Hành của tam hợp tuổi là hành chính xác căn bản tranh đấu của Mệnh. Người tuổi Bính Thân thì tam hợp Tí Thìn là thủy hành. Mỗi thời gian đại vận chuyển đến cung nào thì lấy hành của tam hợp cung đó khắc chế với hành của tam hợp tuổi. Nếu đồng hành với mình là tốt nhất (ở trong đó có Long, Phượng, Hổ, Cái). Nếu sinh nhập là tai hại (có Thiên Không), vì lẽ Thái Tuế là quá tốt, không thể có gì vượt qua Thái Tuế nên phải gắn ngay Thiên Không để ngăn chặn.

Thế tam hợp thứ nhì là hành của tam hợp tuổi bị sinh xuất như Thân Tí Thìn đi gặp Hợi Mão Mùi, là Thủy sinh Mộc. Sự nghiệp của đương số chỉ là bữa ăn thịnh soạn mời khách đến hưởng. Khắc

xuất là trường hợp Thân Tí Thìn (Thủy) gặp Dần Ngọ Tuất (Hỏa), mình phải gắng công tranh đấu, nếu Mã ở đó thuận lợi, sẽ được hài lòng. Bị khắc nhập là vận mạng tàn tạ khó ganh đua.

Mỗi đại vận là một Thiên Thời. Đắc thiên thời thì đời lên hương. Mất thiên thời thì đời sẽ thấy khó khăn để rồi xuống dốc.

Còn 2 yếu tố phụ là Nhân Hòa và Địa Lợi. Nhân Hòa là tinh đẩu của hạn, có cùng trong hệ phái của Mệnh là cùng 1 bộ trong thế lưỡng nghi chính tinh, và hết sức loại tránh lục sát tinh, nhất là Không, Kiếp. Địa Lợi là hành của cung và hành của Mệnh có tương đắc hay không ?

Được cả 3 điều kiện là quá tốt. Thường thường chỉ cần được 1 Thiên Thời cũng mãn nguyện.

Tiểu hạn là hạn hành một năm. Một chữ hàng Chi không đủ. Như tuổi Bính Thân. Bính thuộc hàng Can hành Hỏa là gốc. Thân thuộc hàng Chi hành Kim là ngọn. Đi đến năm Tỵ, phải biết rõ Can của Tỵ, như Ất Tỵ hay Đinh Tỵ, Tân Tỵ hay Quí Tỵ, thì mới căn cứ được rành rẽ. Một chữ Tỵ là bỏ gốc chỉ xét có ngọn làm sao thấu đáo ?

Trước khi tính đến sao nằm ở cung tiểu hạn. Việc chính yếu là phải so sánh hàng Can của Mệnh với Can của năm hạn. Được sinh nhập là tốt nhất, thứ đến là khắc xuất, trái lại bị sinh xuất ôi thôi cảnh suy bại không chứng nọ cũng tật kia, như tiền nhân đã nói : "hữu phước tán tài, vô phước tán mạng". Hàng Can bị sinh xuất hay khắc nhập mà cung tiểu hạn có Quyền Lộc cũng không đáng mừng, có khi là nguyên cớ để gây suy sụp. Trường hợp hàng Can giống nhau, như hàng Giáp gặp Giáp, Ất; Đinh gặp Bính Đinh, tức là thế bình thì dễ xui hơn là hên, phần sao sẽ làm lệch đòn cân thăng bằng. Nhưng còn phải để ý đến những năm xung, năm tuổi, năm phá, năm hạn, nghe một cái tên cũng biết là ngang trái cho đời sống.

Năm tuổi là năm vận hành luôn luôn đứng ở vị trí Phá Hư ở địa bàn, tức là bất mãn. Năm xung là năm đối kháng. Năm phá là năm đồng loại tiêu hao nhau (tứ sinh 2 cặp, tứ chính 2 cặp, tứ mộ 2 cặp: Tí Dậu phá nhau, Sửu Thìn phá nhau, Dần Hợi phá nhau, Mão Ngọ phá nhau, Tỵ Thân phá nhau, Mùi Tuất phá nhau). Năm hạn là năm kỵ.

Điều cốt yếu phải để ý là đại vận là phần chính, bao trùm cả tiểu hạn. Dầu tiểu hạn tốt xấu chỉ phụ giúp hay giảm bớt 10% sự việc may rủi đại vận chủ trương quyết định.

Xuống đến nguyệt hạn, thấy nhiều lối tính làm ra vẻ mỗi năm đều khác, như tiểu hạn ở năm Mùi thì lấy ngay cung Mùi làm tháng giêng, hoặc lấy cung Mùi làm đích tính nguyệt nghịch thời thuận đến cung nào lấy cung đó làm tháng giêng.

Xem ra chỉ là một lối làm theo ý riêng của từng người. Tháng Giêng đã gọi là tháng Dần, không thể để Mùi hay Tỵ, Tuất gì được. Ngay khi bắt đầu lập thành số cũng phải lấy cung Dần, đến đi là Dần. Nói trùng ảnh hưởng của sao thì hàng Can mỗi tháng giêng mỗi năm mỗi khác nhau đủ sự chế hóa phải thay đổi luôn luôn như: năm Đinh Tỵ tháng giêng là Nhâm Dần; năm sau Mậu Ngọ tháng giêng lại là Giáp Dần, năm sau nửa Kỷ Mùi tháng giêng biến là Bính Dần, ảnh hưởng đương nhiên là biến dịch.

Sau 10 tuổi đời nào những ai có đến 2 vận Thái Tuế.

Càn Khôn nhất hí trường

Thân sinh thị bi kịch.

Đã biết sự khắc chế ở hàng Can là gốc hên xui, nhưng tới mức độ nào, phải so sánh nạp âm của tuổi và nạp âm của thời hạn như: tuổi Nhâm Tí gặp năm hạn Mậu Ngọ thì thấy: Can Mậu khắc Can Nhâm, 2 chi Tí và Ngọ xung (Thiên khắc Địa xung). Nạp âm Nhâm Tí (mộc), sinh xuất cho nạp âm Mậu Ngọ (Hỏa), cho kết quả thấy 95% nguy hại. Nếu người tuổi Nhâm Ngọ thì Can cũng bị khắc, Chi bình hòa, chỉ là tuổi nạp âm vẫn Mộc sinh Hỏa, nhưng còn bị bồi thêm hạn gặp Cô Quả (Thổ) kể như 2 lần khắc Can, tất nhiên kết quả phải là tỷ lệ 90% khốc liệt.

THẾ NÀO LÀ VẬN HỘI TỐT

Nhận định được một lá số cho tốt đẹp là cả một công trình nghiên cứu không phải là dễ. Như trước chỉ nghiêng hẳn về tinh đẩu từ bộ chính tinh đến trung tinh thấy nhiều bộ đôi như Khôi Việt, Hồng Đào, Tả Hữu… nhất là bộ tam Hóa Khoa Quyền Lộc là cho đắc cách. Nghĩ thật là một cái lầm quá lớn.

Nhớ lại một lá số xưa kia biết bao lời phê khen tụng cho là đẹp với tuổi Canh Tuất Mệnh Thân đồng cung ở Thìn có Vũ Khúc chủ tinh. Tuổi Canh được Vũ Khúc thủ Mạng ở Thìn là một điều hy hữu (có nghĩa là được Tam Hóa liên châu ngay ở Mệnh Thìn cung là trúng cách đẹp nhất, áo gấm mặc ban ngày). Vũ Khúc là Kim làm nòng cốt cho người tuổi Kim, bồi đắp thêm cung Quan có Tử Phủ, Hữu bật, Lộc Mã Khốc Khách Đẩu quân. Thiết tưởng cái đẹp đến thế là cực điểm, Về phương diện tinh đẩu phải công nhận là đẹp, cái đẹp chắc nịch gồm cả quý lẫn phú.

Thật tình mà nói chỉ có vị trí đóng Mệnh đánh ngã cái tốt đẹp này. Đó là vị trí Tuế Phá, chứng minh lá số phá cách, là cá nhân hậm hực bất mãn không thể hồi tâm được vì Mệnh Thân đồng cung sa ngã về mồi phú quý (Lộc Tồn dành cho tuổi Canh là Thân Tí Thìn mới chánh đáng). Người này cố tâm tranh mồi, có thể làm điều phi nghĩa nếu làm được. Hỡi ơi, cái đẹp này nó đẹp ở chỗ nào? Vậy những cái đẹp của tinh đẩu có khác gì cái áo đẹp có thể thằng ăn mày mặc vào làm người ta hiểu lầm là thiện nhân cần cù làm nên giàu có. Chiếc cẩm bào lộng lẫy của bậc minh quân bị phường nghịch tặc khoác lấy bằng đường lối phản động cầu vinh.

Bằng như tuổi Thân Tí Thìn mới đẹp nhất là Canh Thìn mới xứng đáng với Tam Hóa liên châu cùng cung Quan Tử Phủ, Hữu bật, Lộc Tồn (không cần Mã và tuổi Thân Tí Thìn Mã ở Dần không ở Thân). Khác nhau chỉ bằng vị trí Mệnh ở tam hợp nào trong vòng Thái Tuế để phân biệt đâu là phường múa rối, đâu là chính nhân quân tử, đâu là anh hùng cái thế đâu là kẻ gian manh.

Cái đẹp của Mệnh đã khó phân biệt như thế, cái đẹp của vận hội lại càng rắc rối khó hơn. Phải cân nhắc trên 3 phương diện Thiên thời, Nhân hòa, Địa lợi. Người chính nhân nghĩa hiệp không phài sinh ra nhập thế cuộc là trở thành anh hùng ngay, phải trải qua những giai đoạn bần hàn hay truân chuyên lao khổ tức là được định mệnh tôi luyện nên thành vĩ nhân. Vậy cái vận hội đẹp của từng cá nhân không ngoài thế thiên thời. Người không thời há dễ làm nên việc. Thiên thời là thế tam hợp Thái Tuế. Thái Tuế là ngôi vị của những người thắng cuộc, thì khi vận chuyển đến tam hợp Thái Tuế tức là được Thiên thời là thế cờ may nhất. Nếu thiên thời không có phải nhờ đến thế nhân hoà là lòng người. Lòng người thuận hay nghịch là tính theo tinh đẩu.

Mệnh ở thế Tử Phủ Sát Phá Tham hay Cơ Lương Cự Nhật, nếu gặp đồng bộ nghĩa là cùng phe phái thì hoà thuận, bằng như đụng độ khác giới hẳn là có sự khó khăn, gia thêm lục sát tinh người có số càng thêm chuyện vất vả là may.

Hồi đầu học số trong 10 người có thể nói chắc cả 10 người theo tinh đẩu đắc địa được trung tinh phò tá thì cho là vận hội rồng mây. Nhiều người cả tin cứ tiếp tục khuếch trương sự nghiệp, mất cả nhà cửa tài sản, biết đâu là hạn khắc nhập, cũng có vài người may mà trúng như gặp được thiên thời mà không biết, hay nhân hoà là bộ sao cùng phe phái với tinh đẩu thủ mạng được trung tinh đắc lực ăn nên làm ra, không hiểu đó là nhờ nhân hoà là thứ cách. Địa lợi là hành của Mệnh vận chuyển đến cung được hành của thổ cung là cái thế sở đắc thứ 3 cho tính mạng được phần nào vững chắc yên lành. Cung không đủ sức mạnh lôi kéo phần thắng lợi cho số, như một nhà doanh thương dầu chiếm

được một địa điểm ngay góc đường thuận tiện cho mình khai trương, nhưng cứ gặp cảnh mưa rơi tầm tã lụt lội ngăn trở, người mua bán không ưa mình, hỏi làm sao sự nghiệp thịnh phát.

Vậy điều kiện ưu tiên là phải có thiên thời, rồi đến nhân hoà, còn địa lợi là yếu tố chỉ cần an thân.

Nếu thế người đời xét ra chỉ được hưởng 10 năm nào đó, còn lại suốt đời khổ hay sao?

Xin thưa, cũng có người được gặp 2 đại vận Thái Tuế, Quan Phù hay Bạch Hổ, nghĩa là ngoài 20 một vận và ngoài 60 tuổi một lần nữa, tức là người này Mệnh không ở tam hợp Thái Tuế, thắng lợi chỉ là một giai đoạn rồi sụp đổ hoặc bị thị phi điểm phá để ô danh sự nghiệp.

Cũng có người được 2, 3 đại vận liên tiếp, nhưng phải là người âm nam dương nữ muốn công thành danh toại phải gặp Thiên Không trước cho nếm mùi cay chua mặn chát cuộc thế, hiểu cái thất bại đem đến thành công. Hạng này không giống người dương nam âm nữ qua đại vận Thái Tuế rồi gặp Thiên Không. Người âm nam dương nữ phải qua Thiên Không mới đến Thái Tuế, kế đó may được gặp nhân hoà, biết ra phải hy sinh một chút thì đắc sách là vì hạn sinh xuất gỡ gạc bằng nhân hoà, rồi tiếp đến đại vận khắc xuất được trung tinh phò tá, nếu tam hoá liên châu càng tốt. Trái với khắc nhập gặp trung tinh đắc cách là một điều nguy khốn khó cứu.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tu Tuc>                     |<Phu The>                    |<Huynh De>                   |<Menh>                       |
|       (H)Thien Luong        |       (M)That Sat           |                             |       (V)Liem Trinh         |
|                             |                             |                             |                             |
| +Hoa Quyen     -Phuc Binh   | +Dao Hoa       -Dai Hao     | +Van Xuong     -Benh Phu    | +Thien Viet    -Dia Khong   |
| +Lam Quan      -Quan Phu    | +Luu Nien      -Thien Hinh  | +Van Khuc      -Dau Quan    | +Bat Toa                    |
| +Long Tri      -Thien Khoc  | +Nguyet Duc    -Tu Phu      | +Moc Duc       -Thien Hu    | +Hy Than                    |
| +Phong Cao                  | +Quan Doi                   |                -Tue Pha     | +Long Duc                   |
| +Thien Giai                 | +Tam Thai                   |                             | +Thien Hi                   |
|                             | +Thien Tru                  |                             | +Thien Phuc                 |
|                             |                             |                             | +Trang Sinh                 |
|                             |                             |                             | +Duong Phu                  |
|                             |                             |                             |                             |
|  32                         |  22                         |  12                         |   2                         |
+-----------------------------+-------------------------[Triet]-----------------------+-----------------------------+
|<Tai Bach>                   |Hoi |                   Ti   |Suu                  |Dan |<Phu Mau>                    |
|       (V)Tu Vi              |----+------------------------+---------------------+----|                             |
|       (V)Thien Tuong        |    |                                              |    |                             |
| +De Vuong      -Da La       |    |           Ho ten: The nhan u ly              |    | +Duong         -Bach Ho     |
| +Dia Giai      -Quan Phu    |    |           Sanh  : 30 Thang 10                |    | +Giai Than                  |
| +Hoa Khoa      -Thien La    |    |           Nam   : at Suu                     |    | +Phi Liem                   |
| +Thien Quan                 |    |           Gio   : Mao                        |    | +Phuong Cac                 |
| +Thieu am                   |    |                                              |    | +Thai Phu                   |
|                             |    |           Tuoi  : Am Nam                     |    | +Thien Tai                  |
|                             |    |           Menh  : Hai Trung Kim              |    |                             |
|                             |    |           Cuc   : Thuy Nhi Cuc               |    |                             |
|                             |    |                                              |    |                             |
|  42                         |Tuat|                                              |Mao |  112                        |
+-----------------------------+----|                 am duong nghich ly           |----+-----------------------------+
|<Tat ach>                    |Dau |                 Menh Sinh Cuc                |Thin|<Phuc Duc>                   |
|       (M)Thien Co           |    |     Sao chu menh  : Cu Mon                   |    |       (D)Pha Quan           |
|       (M)Cu Mon             |    |     Sao chu than  : Thien Tuong              |    |                             |
| +Loc Ton       -Tang Mon    |    |                                              |    | +Phuc Duc      -Qua Tu      |
| +Bac Si        -Thien Su    |    |                                              |    | +Thai          -Thien Rieu  |
| +Hoa Loc       -Suy         |    |                                              |    | +Thien Duc     -Luu Ha      |
| +Thien Quy                  |    |                                              |    | +Thien Y       -Dia Vong    |
| +Thien Tho                  |    |                                              |    | +Tau Thu                    |
|                             |    |                                              |    |                             |
|                             |----+------------------------+---------------------+----|                             |
|  52                         |Than|                   Mui  |Ngo                  |Ty  |  102                        |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+---------[Tuan]--------------+
|<Thien Di>             <Than>|<No Boc>                     |<Quan Loc>                   |<Dien Trach>                 |
|       (D)Tham Lang          |       (D)Thai Duong         |       (M)Thien Phu          |       (D)Thien Dong         |
|                             |       (D)Thai am            |       (V)Vu Khuc            |                             |
| +Hong Loan     -Kinh Duong  | +Huu Bat       -Linh Tinh   | +Thien Khoi    -Hoa Tinh    | +An Quang      -Tuyet       |
| +Luc Si        -Benh        | +Ta Phu        -Hoa Ky      | +Mo            -Truc Phu    | +Quoc an       -Dieu Khach  |
| +Thieu Duong   -Co Than     | +Hoa Cai       -Pha Toai    |                -Tieu Hao    | +Thien Ma                   |
|                -Dia Kiep    | +Thanh Long    -Thai Tue    |                             | +Tuong Quan                 |
|                -Kiep Sat    |                -Tu          |                             |                             |
|                -Thien Khong |                -ThienThuong |                             |                             |
|                             |                             |                             |                             |
|  62                         |  72                         |  82                         |  92                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Lá số điển hình của một thế nhân sống ù lì để mà hưởng thụ 3 đại vận liên tiếp, tuổi Ất Sửu ngày 30 tháng 10 giờ Mão. Người Tỵ Dậu Sửu mà Mệnh đóng ở Thân Tí Thìn là thế thua thiệt. Ngồi vào chỗ Long Đức phải đóng vai trò thầy tu trọng đạo đức để tự an ủi thân thế. Nhưng Thân lại ở Dần Ngọ Tuất là thế sáng nước khôn hơn ai, biết có ganh mạnh cũng không hơn ai (Hồng Loan, Thiên Không, Cô Thần) tốt hơn mũ ni che tai, để cuộc đời đưa đẩy, gió chiều nào che chiều ấy. Bắt đầu 22 tuổi gặp hạn Thiên Không, nhờ có Thân đóng ở thế sắc sắc không không sớm tỉnh ngộ tuy bị nhồi lên ngộp xuống cố chịu đựng đến đại vận 32 gặp tam hợp Thái Tuế một nhảy thành công. Kế đến 42 tuổi gặp nhân hoà, mặc dầu ở thế sinh xuất đắc tam hoá liên châu ở Thìn là cả một sự may ít thấy, ù lì mà sống giả khôn giả dại mặc miệng tiếng khen không hợm, chê không buồn. Tuy ở tình thế sinh xuất của Thiên thời vẫn được sinh nhập của nhị hợp bù đắp cách Tử Tướng Phi Hổ thang mây rộng mở tiến bước rong ruổi. Bề ngoài được tiếng rộng rãi hào hiệp với mọi người thực tế bên trong vẫn thụ hưởng hơn ai (hưởng Thân ở vị trí sinh nhập). Rồi 52 tuổi Cự Cơ ở Mão có Lộc Tồn, Hoá Lộc ở thế khắc xuất của thiên thời. Nhân hoà với Cự Cơ song lộc không phải là không đắc cách (Tử Phủ Vũ Tướng với Cự Nhật không cách nhau biệt bao xa) so với bản mệnh Liêm Trinh, nhưng Tử Phủ Vũ Tướng tam hợp hẳn là cuộc sống tuy có kém sút vẫn được đầy đủ. Ở đây đương số phải sống theo hai điều kiện là đối phương uy hiếp (Dậu khắc Mão ở thế xung) giao tế khôn khéo tạo thêm phúc đức (Mão nhị hợp sinh xuất cho phúc cung) cuộc đời hẳn được mãn ý thong dung.

Người này không phải là người vụng tính, còn sớm tỉnh ngộ hơn ai là Thân Dần tuy Tham Lang ở đó có lòng ham muốn như ai, nhưng Thiếu Dương, Hồng Loan, Thiên Không, Cô Thần như có linh giác bén nhạy để tránh những gì bản thân ôm ấp tham vọng. Ta phải phục cái thân quý giá này là chính cái bản ngã của người bằng xương bằng thịt như ta, biết dẫn dắt cuộc đời đi trong đường lối định mệnh vạch ra trải 3 đại vận tốt đẹp, biết xử thế khôn khéo dầu bao thế cuộc xoay vần thay đổi.

Còn một trường hợp đại vận phấn khởi là Mệnh hay Thân bị một Tuần hay Triệt án ngữ làm cho đời như bộ máy khô dầu mỡ, mỗi lần mở máy phải 5 lần bảy lượt ra sức quay mới nổ làm cho người khó nhọc, thân mệt nhoài. Khi đại vận chuyển đến Tuần hay Triệt lại còn nghĩa là nếu Mệnh hay Thân bị Tuần thì khi gặp Triệt tháo gỡ, hay Mệnh, Thân bị Triệt gặp Tuần mới cởi mở, thì đại vận đó coi như con đường xưa kia đào kín nay đã thu dọn hết chướng ngại vật ngăn cản xe cứ việc xả hết tốc lực bon bon chạy.

Luật Tuần Triệt còn nhiều chi tiết, đây chỉ là một nguyên tắc chung nói về vận hội đẹp.

TRIẾT LÝ CHÍNH DANH TRONG TỬ VI

Tử Vi không phải là một khoa toán tìm hiểu số mạng một cá nhân, mà còn tiềm tàng trong phần triết học một đạo lý nhân sinh cư xử tinh tế trung thực. Đó là 2 phần nói là riêng biệt, định mệnh đã sắp đặt và hành động bản thân vẫn có liên quan mật thiết đi đôi với nhau. Định mệnh do Thiên Can (vòng Lộc Tồn) và Địa Chi (vòng Thái tuế) phối hợp quyết định hành động hàng ngày do Thân có vòng Tràng Sinh khuyên nhủ (Thiên Địa Nhân).

Cái gì thuộc sở hữu của ta, ta mới mạnh bạo coi như có quyền định đoạt. Cái gì của người định mệnh đã quy định ta phải cư xử sao cho minh bạch thì mới mong khỏi lầm lỡ ân hận về sau.

Thế nhân sanh trưởng trên cõi đất luôn luôn có người thân (tam hợp) kẻ nghịch (xung chiếu). Sống trong tam hợp ta có bổn phận bồi đắp và hãnh diện hưởng thụ những gì là quyền lợi do công lao đào tạo. Sống trên đất người ta chỉ là kiều dân cư lợi phẩm phải là hạn chế sao cho phù hợp cảnh của người ăn nhờ ở. Vòng Thái Tuế cho biết đâu là chánh danh đâu là dân kiều ngụ. Tam hoá Khoa Quyền Lộc là tài nguyên, người sống trong hoàn cảnh phải tự hiểu để hành động theo lẽ phải thì muôn sự đều suôi chiều êm đẹp. Tam hoá do hàng Can ấn định ban cho từng bộ sao, không như Long Phượng, Tả Hữu, Xương Khúc do năm tháng giờ có nơi xuất phát nhất định theo đường hướng thuận nghịch mà đi, nên tam hoá liên châu ở Mệnh, dầu trường hợp nào cũng ảnh hưởng mạnh tuỳ theo tư cách ý nghĩa của Khoa Quyền hay Lộc.

Tuổi Hợi mà được ngồi ở Tỵ đắc tam hoá liên châu Quyền ở Mệnh, Khoa Lộc giáp hai bên là Thìn và Ngọ. Trông vào thấy cả một bức ảnh tô màu tươi đẹp. Sự thật cái đẹp này chỉ là cái đẹp của kẻ mượn áo đẹp khoác vào mồi câu thơm ngon như cá nuốt mồi, nếu hợp lẽ phải là tuổi Tỵ Dậu Sử mới đáng giá 100% với tư cách công dân chính cống Long Phượng in rõ ràng trên thẻ căn cước. Thái Tuế Tam hoá liên châu này với tuổi Hợi, nếu khôn ngoan nên đó chỉ là phẩm hàm chiếc văn bằng khen cho kiều dân đã làm được việc gì gọi là giúp ích mà mình đã có cơ hội gặp thời may làm được không nên tự kiêu hành động quá trớn để rồi ăn năn muôn thuở.

Tỵ Dậu Sửu và Hợi Mão Mùi là hai thế xung khắc thường đem đến những tính cách quyết liệt khó dung hoà vì cùng một thế âm dương, còn hai thế Thân Tí Thìn và Dần Ngọ Tuất đối với Tỵ Dậu Sửu thì sao?

Thưa rằng Dần Ngọ Tuất đối với Tỵ Dậu Sửu là thế tay trên (khắc xuất mà bị sa lầy) mọi sự đều thua thiệt. Còn Thân Tí Thìn so với Tỵ Dậu Sửu được lợi điểm sinh nhập, nhưng luật thừa trừ vẫn không qua nổi nên thường xuyên bị Thiên Không ngăn chặn mọi hành vi lạm dụng.

Tam hoá liên châu nhập Mệnh nghĩa là một hoá ở Mệnh, 2 hoá giáp hai bên, đắc cách nhất là Quyền ở Mệnh mà cũng chỉ có một tuổi Canh mới có.

Nói đến tam hoá liên châu phải để ý đến luật âm dương rất nhiều và thận trọng. Âm Dương không những ở cung mà còn đòi hỏi đâu là ảnh hưởng dương đâu là ảnh hưởng âm. Từ Dần đến Mùi thuộc Dương, từ Thân đến Sửu thuộc âm. Tam hoá liên châu là áo gấm có gắn huy chương danh dự làm đẹp cho dương nhân ở chỗ thanh thiên bạch nhật. Người khoác áo vào buổi hoàng hôn cho đến tờ mờ sáng, tưởng chỉ nên tự mãn trong lòng mà thôi với công việc mình trong bóng tối.

Vậy từ Dần đến Mùi xét ra chỉ cung Thìn là đắc cách nhất. Cung Ngọ vấp phải Triệt vì chỉ có tuổi Canh mới có tam hoá liên châu oai hùng, mà tuổi Canh có Triệt quá nặng ở ngay cạnh Ngọ. Có hai tuổi Canh là đại diện cho 6 tuổi dương Canh: Canh Thìn đại diện cho Thân Tí Thìn, Canh Tuất thay mặt cho Dần Ngọ Tuất. Ngôi vị Thìn luôn đàn áp Tuất. Người Canh Tuất ở Thìn là Tuế Phá, người Canh Thìn là Thái Tuế, thấy ngay đâu là chánh nghĩa và thắng cuộc.

Muốn có Quyền nhập Mệnh, người tuổi Canh chạy không khỏi Vũ Khúc Phá Quân ngộ Triệt đương nhiên Phúc Đức, nặng nhẹ tuỳ theo Thái Tuế, Tuế Phá khi đắc thời. Tật ách ở Hợi có Cự Môn là sao ngôn luận đắc địa, một đằng gặp Hồng Loan, một đằng gặp Thiên Không đường ai nấy đi. Hai vị trí Thái Tuế và Tuế Phá có tính cách tuyệt đối khác nhau. Còn lại Thiếu Dương và Thiếu Âm có thể nói là cùng hoàn cảnh thua thiệt. Người được định mệnh đặc phú cho thông minh hơn đời mà cứ thấy cuộc sống dường như bị kẹt cứng (Tử Phủ) dễ sinh ra mưu thần chước quỷ nên số phải vạch thêm ngõ rẽ tam đức (Thiên Đức Nguyệt Đức và Phúc Đức) vẫn ở trong thế tam tài Thiên Địa Nhân nương thân. Còn người ta ra công cố sức làm cho lắm vẫn thấy một lầm hai lỡ trở thành khờ dại nên an ủi mà sống coi công lao của mình với thế cuộc sánh bằng đức cao dày của bậc nguyên huấn (Long Đức)

Biết rằng chỉ một tuổi Canh có tam hoá liên châu đắc Quyền đứng giữa mà là tuổi dương phải đóng cung dương. Còn tuổi âm cũng chỉ có một trường hợp có 3 hoá liền nhau là tuổi Quý được liệt danh là tam hoá hận đời: Hoá Kỵ ở giữa Khoa Quyền giáp 2 bên (xin lập số tuổi Quý Hợi sanh ngày 24 tháng 11 giờ Mão). Thêm một trường hợp nghịch địa âm dương là tuổi Ất (âm) mệnh

phải đóng ở cung Thìn (dương) có Tử Tướng, được Khoa đứng giữa giáp Quyền Lộc, nghịch cảnh âm dương là phải thiếu yếu tố hoàn mỹ nên khiến Quyền ra bên. Nơi đây Khoa đứng giữa lại là điều may được việc. Ất là âm đối với âm Nam nên cung Thìn có Đà La giăng lưới nghĩa là Mệnh nằm ở Thiên La. Nếu không có Khoa làm sao Tử Tướng làm được việc. Nhưng đương số nên luôn luôn đề phòng luật bù trừ mà nhớ rằng điều may chỉ có giới hạn. Tuổi Ất mệnh ở Thìn, Phúc Đức ở Ngọ phải là Thất Sát ngưỡng đầu ngộ Triệt được phần nào giảm thiểu chỉ còn 30% mà thôi mới có hy vọng đề phòng. Phúc Đức Thất Sát ở Ngọ hay Triệt đứng trong tam hợp với Thê Tham Lang ở Dần. Bộ Sát Phá Tham dầu hãm hay đắc địa không nên có trong các cung thuộc người thân của Mệnh như Phụ Mẫu, Thê Thiếp…thường đem mối ưu tư làm tê tái lòng người có số.

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tai Bach>                   |<Tu Tuc>                     |<Phu The>                    |<Huynh De>                   |
|       (H)Pha Quan           |       (M)Thai Duong         |       (D)Thien Phu          |       (V)Thien Co           |
|       (H)Vu Khuc            |                             |                             |       (V)Thai am            |
| +Thien Viet                 | +Long Duc      -Hoa Tinh    | +Van Xuong     -Bach Ho     | +Hoa Khoa      -Dia Khong   |
| +An Quang      -Benh        | +Phi Liem      -Suy         | +Van Khuc      -Thien Hinh  | +Lam Quan      -Kiep Sat    |
| +Dia Giai      -Thien Hu    | +Thien Giai                 | +De Vuong      -Thien Khoc  | +Phuc Duc                   |
| +Hoa Loc       -Tue Pha     | +Thien Quan                 | +Hoa Cai                    | +Quoc an                    |
| +Hy Than                    |                             | +Tau Thu                    | +Thien Duc                  |
| +Phong Cao                  |                             |                             | +Tuong Quan                 |
| +Thien Ma                   |                             |                             | +Thien Tai                  |
| +Thien Phuc                 |                             |                             |                             |
| +Duong Phu                  |                             |                             |                             |
|  43                         |  33                         |  23                         |  13                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Tat ach>                    |Mao |                    Thin|Ty                       |Ngo |<Menh>                       |
|       (H)Thien Dong         |----+------------------------+-------------------------+----|       (B)Tu Vi              |
|                             |    |                                                  |    |       (H)Tham Lang          |
| +Hong Loan     -Benh Phu    |    |            Ho ten: tam hoa han doi               |    | +Quan Doi      -Hoa Ky      |
| +Nguyet Duc    -Dau Quan    |    |            Sanh  : 24 Thang 11                   |    | +Thai Phu      -Pha Toai    |
|                -Tu          |    |            Nam   : Qui Hoi                       |    | +Thien Quy     -Tieu Hao    |
|                -Tu Phu      |    |            Gio   : Mao                           |    |                -Dieu Khach  |
|                -Thien Su    |    |                                                  |    |                             |
|                -Thien La    |    |            Tuoi  : Am Nam                        |    |                             |
|                             |    |            Menh  : Dai Hai Thuy                  |    |                             |
|                             |    |            Cuc   : Moc Tam Cuc                   |    |                             |
|  53                         |Dan |                                                  |Mui |   3                         |
+-----------------------------+----|                    am duong thuan ly             |----+-----------------------------+
|<Thien Di>             <Than>|Suu |                    Menh Sinh Cuc                 |Than|<Phu Mau>                    |
|                             |    |        Sao chu menh  : Cu Mon                    |    |       (H)Cu Mon             |
|                             |    |        Sao chu than  : Thien Co                  |    |                             |
| +Thien Khoi    -Dai Hao      |    |                                                  |    | +Hoa Quyen     -Truc Phu    |
| +Long Tri      -Quan Phu     |    |                                                  |    | +Moc Duc       -Qua Tu      |
| +Luu Nien                   |    |                                                  |    | +Thanh Long    -Dia Vong    |
| +Mo                         |    |                                                  |    | +Thien Hi                   |
|                             |    |                                                  |    |                             |
|                             |----+------------------------+-------------------------+----|                             |
|  63                         |Ti  |                    Hoi |Tuat                     |Dau | 113                         |
+-----------------------------+-----------------[Tuan]-[Triet]--------------------------------+-----------------------------+
|<No Boc>                     |<Quan Loc>                   |<Dien Trach>                 |<Phuc Duc>                   |
|                             |       (D)That Sat           |       (V)Thien Luong        |       (D)Thien Tuong        |
|                             |       (D)Liem Trinh         |                             |                             |
| +Ta Phu        -Co Than     | +Bat Toa       -Linh Tinh   | +Huu Bat       -Thien Khong | +Giai Than     -Kinh Duong  |
| +Thien Tho     -Dia Kiep    | +Tam Thai      -Da La       | +Loc Ton                    | +Luc Si        -Thai Tue    |
| +Thieu am      -Phuc Binh   | +Thai          -Quan Phu    | +Bac Si                     | +Phuong Cac    -Thien Rieu  |
|                -Luu Ha      |                -Tang Mon    | +Duong                      | +Thien Y                    |
|                -Tuyet       |                             | +Dao Hoa                    | +Trang Sinh                 |
|                -ThienThuong |                             | +Thieu Duong                | +Thien Tru                  |
|                             |                             |                             |                             |
|  73                         |  83                         |  93                         | 103                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Tại sao tam hoá liên châu quý hơn tam hoá nhập tam hợp. Tam hoá liên châu nhập Mệnh có ảnh hưởng rộng rãi liên quan tới cả một dòng giống, nghĩa là cha mẹ anh em đều thọ hưởng. Mệnh là một nét gạch nối liền cả 3 cung. Tam hoá nhập tam hợp thì chỉ một mình xuất sắc nổi bật trong gia đình. Muốn đi đến lẽ chánh danh Mệnh phải có Khoa Quan Lộc có Quyền và Lộc ở Tài mới xứng danh người có đức nhân học rộng đáng lãnh quyền cao hưởng lộc hậu, thiết tưởng khó có được một lá số hợp cách.

Triết lý Tử Vi cao rộng như âm dương trong vũ trụ, đây mới chỉ thấy một phần nhỏ li ti mà thôi.

BA NGÔI: TRỜI ĐẤT NGƯỜI

Vũ trụ là thái cực. Thiên địa là lưỡng nghi, là âm dương của dịch lý điều khiển vạn vật từ cái hữu hình đến vô hình. Thánh Phục Hy lập thành bát quái làm đồ biểu cho vũ trụ vẽ bằng 2 đường kẻ ngang (vạch dài là dương vạch ngắn là âm). Một điều khiến người học dịch phải tự hỏi mỗi quẻ trong bát quái không phải là vạch lại là:

Càn Khảm Cấn Chấn Tốn Ly Khôn Đoài

Thiên Địa Nhân

Có lẽ nào lại thừa.

Thưa rằng nét đó làm vinh dự cho loài người. Vạch trên là Thiên vạch, vạch dưới là Địa, vạch giữa là Nhân tức là con người. Đầu đội Trời, chân đạp Đất: đứng đầu vạn vật đem khối óc tinh vi của mình như thể chống chọi lại với cả thiên địa giành lấy sự sống còn.

Thảo mộc cũng là một sinh vật sinh lão bệnh tử nhưng không có óc. Súc vật có óc nhưng óc chỉ để báo hiệu cho con vật biết những gì là thói quen như đói ăn, khát thì uống, thấy đồng loại khác giống thì thèm sinh lý, đẻ con sơ sinh thì chăn dắt thế thôi.

Vậy Nhân phải là đề tài khá quan trọng của dịch lý nói chung, lý số nói riêng. Thánh nhân lập ra số đã dành ra một phần rất thiết yếu để cho người đời tự suy nghĩ.

Trong lá số ta thấy 2 chữ Mệnh Thân là cả một vấn đề khiến ta phải hiểu ý nghĩa.

Mệnh là sinh mạng của cá nhân do Thiên Địa hoá sinh thành kiếp người trong một khuôn khổ nào, tức là định mệnh của một kiếp nhân sinh, ví như tuổi Giáp Thìn thấy ngay Thiên Can Giáp (Mộc) khắc địa chi Thìn (Thổ). Ta có thể biết tạm thời vận mạng Giáp Thìn đời sống thường chật vật vì Can khắc Chi, thêm Giáp Thìn không phải là tam hợp của Lộc Tồn, và vị trí Lộc Tồn của Giáp Thìn lại còn bị Tuần thủ tiêu mất. Kể như là Thiên Can không đem lại hạnh phúc gì cả.

Còn địa chi Thìn thì phải tuỳ theo Mệnh đặt nằm ở vị trí nào của địa bàn trong vòng Thái Tuế. Nếu được trúng tam hợp Thân Tí Thìn biết ngay người này được tạo hoá nhồi nắn có tư cách, nhưng khiếm khuyết về hạnh phúc tiền tài.

Thân và thân thế hành động của dương nhân có chấp nhận định mệnh hay không. Biết rằng Mệnh và Thân luôn luôn ở cùng trong một thế lưỡng nghi, ở dương cung thì cùng dương hoặc âm

cung thì cùng âm tuy 6 vị trí có khác: Mệnh Thân đồng, cung Thân ở Quan, thân ở Tài, ở Di, Phúc và Phối.

Nhận thấy ngoài Mệnh Thân đồng, ở cung Quan hay Tài, Thân như hoàn toàn chấp nhận định mệnh. Còn ở Di Phúc và Phối cho thấy thân như không chấp nhận định mệnh vì khác tam hợp của Mệnh. Trường hợp này sẽ thấy muôn hình vạn trạng khác nhau tuỳ theo 12 vị trí Thái Tuế. Phải chăng thấy cảnh thảm kịch của Thế nhân, vị Thánh làm ra lý số phải thêm 1 vòng Tràng Sinh để cùng với vòng Lộc Tồn (Thiên) Thái Tuế (Địa) nêu lên triết lý xử thế nhắn nhủ người đời lẽ thiệt hơn và hướng dẫn cuộc sống.

Tràng Sinh là bước đường dài từ lúc thụ thai trong bụng mẹ cho đến ngày thành nấm mồ trong mộ địa tuyệt tích, lấy trung bình là 60 năm hoa giáp, dầu làm vương tướng gì cũng gặp cảnh thịnh suy luôn phiên diễn bày.

Tràng Sinh chia ra 2 lẽ sống mà cùng ý nghĩ:

a- Sinh Vượng Mộ Đới Bệnh Thai=Đường hoàng cư xử được người quý mến lẽ thịnh suy chỉ là luân chuyển.

b- Dục, Suy Tuyệt Quan Tử Dưỡng=Ăn xổi ở thời không ai tưởng nhớ giấy rách phải cố xếp lấy lề.

Chia xuống thành tứ tượng tức là 4 tam hợp:

1- Sinh Vượng Mộ=đường hoàng mồ yên.

2- Dục Suy Tuyệt=vội ham tàn tích.

3- Đới Bệnh Thai=thịnh suy hoàng lương.

4- Quan Tử Dưỡng=Giấy rách giữ lấy lề.

Toàn thể cả vòng là một triết lý khuyên đời xử thế: Đường hoàng cư xử được người quý mến lẽ thịnh suy chỉ là luân chuyển, ăn xổi ở thì không ai tưởng nhớ, giấy rách phải cố xếp giữ lấy lề.

Khối óc suy tư của đệ tam tài (nhân) thật đáng sợ. Từ một thân mình trần đầy xác thịt, ra đời lăn lộn lang thang kiếm ăn cùng các sinh vật khác, nay nghiễm nhiên vượt khí quyển trái đất du lịch một hành tinh khác. Rồi đây không biết còn làm được bao nhiêu việc khiến cho Thiên Địa phải nể mặt. Ta lại càng phải sợ cái đầu óc hàng muôn vạn năm xưa đã vẽ ra dịch lý âm dương áp dụng hàng triệu năm nay vẫn không sai lệch ra ngoài lập luận.

Sau đây xin trình một lá số gọi là giá trị đệ tam tài "Nhân" dám kình chống lại cái mà liệt danh bất khả xâm phạm: Thiên Địa

Tuổi Tân Dậu ngày 10 tháng 4 giờ Tuất (Khổng Minh)

Mệnh và Thân đều bị xếp vào tam hợp Tuế Phá Tang Môn Điếu Khách tức là Thân cũng phải chịu luỵ với Mệnh ở hoàn cảnh trái ý muốn. Mệnh thấy cả một ông trời nhỏ đủ cả ba hột ngọc quý giá nhất của Tử Vi: Nhật Nguyệt, Tả Hữu, Thiên Mã.

Biết rằng Mộc Mệnh mà vô chính diệu thì không thể có một sát tinh nào hành Mộc để làm nòng cốt cho cứng rắn được, chỉ còn thế hư không được Nhật Nguyệt tam hợp chiếu lên là sáng giá bộ

Tả Hữu, phụ thêm Thiên Mã ở Hợi vô cùng giá trị cho người mạng Mộc. Đây là một kiếp lai sinh kỳ nhân quái kiệt (Thai, Thanh Long) âm Nam được Thái âm ở Hợi là một cách phù hợp đáng quý. Thiên Mã càng đẹp với tuổi Tân Dậu bao nhiêu lại càng thấy rõ tư cách phò suy chứ không phò thịnh của Mã (vị trí Tuế Tang Điếu) đứng với Tả Hữu càng nổi bật (nghị lực vạn năng).

```
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Phu The>                  |<Huynh De>                 |<Menh>                     |<Phu Mau>                  |
|      (V)Thien Co          |       (M)Tu Vi            |                           |       (H)Pha Quan         |
|                           |                           |                           |                           |
| +Luu Nien     -Hoa Tinh   | +Thien Khoi    -Tieu Hao  | +Huu Bat      -Qua Tu     | +An Quang     -Kinh Duong |
| +Quoc an      -Bach Ho    | +Duong                    | +Ta Phu       -Dieu Khach | +Luc Si       -Truc Phu   |
| +Thien Phuc   -Pha Toai   | +Dao Hoa                  | +Thai                     |               -Tuyet      |
| +Trang Sinh               | +Hong Loan                | +Thanh Long               |                           |
| +Tuong Quan               | +Phuc Duc                 |                           |                           |
|                           | +Thien Duc                |                           |                           |
|                           | +Thien Quy                |                           |                           |
|                           | +Thien Tru                |                           |                           |
|  24                       |  14                       |   4                       | 114                       |
+----------[Triet]----------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
|<Tu Tuc>                   |Mui |                  Than|Dau                    |Tuat|<Phuc Duc>                 |
|      (H)That Sat          |----+----------------------+-----------------------+----|                           |
|                           |    |                                              |    |                           |
| +Long Duc     -Dau Quan   |    |           Ho ten: Khong Minh                 |    | +Loc Ton      -Dia Kiep   |
| +Moc Duc      -Thien Rieu |    |           Sanh  : 10 Thang 4                 |    | +Bac Si       -Thai Tue   |
| +Tam Thai     -Luu Ha     |    |           Nam   : Tan Dau                    |    | +Mo           -Thien Khoc |
| +Thai Phu     -Thien La   |    |           Gio   : Tuat                       |    | +Thien Quan               |
| +Thien Y                  |    |                                              |    |                           |
| +Tau Thu                  |    |           Tuoi  : Am Nam                     |    |                           |
| +Thien Tai                |    |           Menh  : Thach Luu Moc              |    |                           |
|                           |    |           Cuc   : Kim Tu Cuc                 |    |                           |
|  34                       |Ngo |                                              |Hoi | 104                       |
+---------------------------+----|                  am duong thuan ly           |----+---------------------------+
|<Tai Bach>           <Than>|Ty  |                  Cuc Khac Menh               |Ti  |<Dien Trach>               |
|      (V)Thai Duong        |    |     Sao chu menh  : +Van Khuc                |    |       (V)Thien Phu        |
|      (V)Thien Luong       |    |     Sao chu than  : Thien Dong               |    |       (M)Liem Trinh       |
| +Hoa Quyen    -Thien Hu   |    |                                              |    | +Bat Toa      -Da La      |
| +Phi Liem     -Tue Pha    |    |                                              |    | +Dia Giai     -Quan Phu   |
| +Quan Doi                 |    |                                              |    | +Thieu Duong  -Thien Khong|
|                           |    |                                              |    |               -Tu         |
|                           |    |                                              |    |               -Dia Vong   |
|                           |----+----------------------+-----------------------+----|                           |
|  44                       |Thin|                   Mao|Dan                    |Suu |  94                       |
+---------------------------+-----------------------[Tuan]------------------------+---------------------------+
|<Tat ach>                  |<Thien Di>                 |<No Boc>                   |<Quan Loc>                 |
|      (M)Thien Tuong       |       (H)Thien Dong       |       (H)Tham Lang        |       (M)Thai am          |
|      (V)Vu Khuc           |       (H)Cu Mon           |                           |                           |
| +Thien Viet   -Kiep Sat   | +De Vuong     -Linh Tinh  | +Van Xuong    -Dai Hao    | +Thien Giai   -Benh       |
| +Van Khuc     -Tu Phu     | +Giai Than    -Benh Phu   | +Phong Cao    -Hoa Ky     | +Thien Ma     -Co Than    |
| +Hoa Khoa     -Thien Su   | +Hoa Cai      -Dia Khong  | +Thien Hi     -Thien Hinh |               -Phuc Binh  |
| +Hy Than                  | +Hoa Loc      -Quan Phu   | +Thien Tho    -ThienThuong|               -Tang Mon   |
| +Lam Quan                 | +Long Tri                 | +Thieu am     -Suy        |                           |
| +Nguyet Duc               | +Phuong Cac               |                           |                           |
| +Duong Phu                |                           |                           |                           |
|  54                       |  64                       |  74                       |  84                       |
+---------------------------+---------------------------+---------------------------+---------------------------+
```

Thân mới quan trọng, Thái Dương Thiếu Dương Quyền Phá Hư một văn nhân quyết đem trí óc cải số trời, kình chống hẳn với Cao xanh là Thái Tuế, nhưng lại không được vì vị trí Mão vẫn bị Dậu khắc chế mặc dầu Thái Tuế bị vướng Địa Kiếp (thâm tâm ông hẳn nghĩ Trời đương bị rối bời, biết đâu là ông khiêu khích).

Với tất cả Mệnh Thân này của người Điếu Khách (quyết tâm thuyết phục) Phá Hư (quật ngược) dầu khả năng như trên chỉ kém Thượng đế có chiếc ngai vàng, cũng không sao hài lòng đắc ý.

Ngẫm hay muôn sự tại Trời
Trời kia đã bắt làm người có Thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ Tài
(Vòng Tràng Sinh)

Xin bái phục Nguyễn Du hẳn đã nhiều phen cay cú với lý học định mệnh. Tiên Điền tiên sinh khéo nhắc nhở người đời cái thế sơ khai của "Mộc là lòng nhân, là chữ Tâm có giá trị bằng 3 chữ Tài.

MỖI ĐỜI NGƯỜI MỖI NHÂN QUẢ

Vòng Tràng Sinh đã kín đáo giảng giải đời người không phải là một đường thẳng đi từ sinh đến tuyệt là hết. Còn hai giai đoạn Thai và Dưỡng nối liền Tuyệt với Sinh thành một vòng kín quay vòng luân lưu vô hạn. Thời gian biến dịch hết thịnh phải suy, suy tàn lại kéo màn hưng thịnh. Kiếp nhân sinh do 2 vòng Thiên Can (Lộc Tồn) và Địa Chi (Thái Tuế) đúc nắn nhưng không thể không có bản ngã là mình gây nghiệp quả. Một chén cơm ngon không thể không có công bằng người nấu chín. Người vô học không thể cứ ngồi chơi rồi đương nhiên thành Bác Học.

Vòng Tràng Sinh do cục diện đời đương số phát xuất, từ kẻ thất phu đến bậc tuyệt luân cùng chung hưởng sự khác biệt tuỳ theo hành động của cá nhân.

Hai chữ Tài Thọ do Mệnh và Thân điều động là tất cả sự hoán cải bù trừ nhân quả. Lý đương nhiên Thân có làm ra Thọ (nhân hậu) thì định mệnh mới có đủ khả năng quyền biến (Thiên tài có nghĩa là năng lực tuyệt vời) tạo những gì tốt đẹp đền đáp. Đó là trường hợp Thái Tuế. Trái lại khi Không Kiếp hãm địa xuất phát chữ Thọ thì Tài kia cũng sẵn sàng đem lại kết quả hình thức tranh vẽ mà thôi, tuỳ theo cá tính thành tâm tín thực hay thủ đoạn gian manh.

Thế cuộc luân lưu bằng 12 địa chi từ Tí đến Hợi, người đời nhập thể ở khoảng thời gian nào thì thấy cái căn bản của mình phải mang nặng ngay ở phần việc nào như:

1- Sinh năm Tí thì chính bản thân mình là điều can hệ nhất (Tài ở Mệnh).

2- Sinh năm Sửu thì phải làm sao với đấng sinh thành (Tài ở Phụ).

3- Sinh năm Dần thì căn quả chịu ảnh hưởng nơi dòng họ (Tài ở Phúc).

4- Sinh năm Mão thì căn quả chịu ảnh hưởng nơi sự nghiệp (tài ở Điền).

5- Sinh năm Thìn thì căn quả chịu ảnh hưởng với công việc làm (Tài ở Quan).

6- Sinh năm Tỵ thì căn quả chịu ảnh hưởng với người lui tới cửa sau (Tài ở Nô).

7- Sinh năm Ngọ thì căn quả chịu ảnh hưởng ngoại nhân (Tài ở Di).

8- Sinh năm Mùi thì căn quả chịu ảnh hưởng những hoạn nạn (Tài ở Ách).

9- Sinh năm Thân thì căn quả chịu ảnh hưởng tiền của thâu hoạch (Tài ở Tài).

10- Sinh năm Dậu thì căn quả chịu ảnh hưởng con cháu (Tài ở Tử).

11- Sinh năm Tuất thì căn quả chịu ảnh hưởng vợ chồng (Tài ở Phối).

12- Sinh năm Hợi thì căn quả chịu ảnh hưởng anh em (Tài ở Bào).

Chữ Thọ tuỳ theo Thân sống ở 6 nơi: Mệnh, Phúc, Quan, Di, Tài và Phối hướng mà đi. Người nào tuổi dương thì luôn luôn Thọ phải ở những cung được coi là cường cung, vì cùng thế dương hay âm với cung Mệnh, tức là 6 cung Mệnh, Phúc, Quan, Di Tài và Phối. Còn người âm Thọ thường xuyên ở nhược (1) cung tức là cung khác biệt âm dương với cung mệnh, nghĩa là 6 cung: Phụ, Điền, Nô, Ách, Tử, Bào. Tất cả trên đây cho thấy luật âm dương rất thận trọng rành mạch phân minh.

Hai người cùng tuổi Mão:

a- Ất Mão sanh ngày 23 tháng 10 giờ Thân.

b- Tân Mão sanh ngày 14 tháng 10 giờ Hợi.

```
+-------------------------+-------------------------+-------------------------+-------------------------+
|<Phuc Duc>               |<Dien Trach>             |<Quan Loc>         <Than>|<No Boc>                 |
|      (M)Thai Duong      |      (M)Pha Quan        |      (D)Thien Co        |      (M)Tu Vi           |
|                         |                         |                         |      (M)Thien Phu       |
| +Lam Quan    -Co Than   | +Luu Nien    -Linh Tinh | +Giai Than   -Benh Phu  | +Thien Viet  -Kiep Sat  |
| +Thien Giai  -Pha Toai  | +Quan Doi    -Dai Hao   | +Hoa Cai     -Dia Kiep  | +Hoa Khoa    -Tu Phu    |
| +Thien Ma    -Phuc Binh | +Thien Hi    -Thien Hinh| +Hoa Loc     -Quan Phu  | +Hy Than     -ThienThuong
|              -Tang Mon  | +Thieu am               | +Long Tri               | +Nguyet Duc             |
|                         | +Thien Tai              | +Moc Duc                | +Thien Phuc             |
|                         | +Thien Tru              | +Phuong Cac             | +Trang Sinh             |
|                         |                         |                         | +Duong Phu              |
| 105                     |  95                     |  85                     |  75                     |
+-------------------------+------------------[Triet]--------------------------+-------------------------+
|<Phu Mau>                |Mui |                Than|Dau                  |Tuat|<Thien Di>               |
|      (M)Vu Khuc         |----+--------------------+---------------------+----|      (M)Thai am         |
|                         |    |                                          |    |                         |
| +De Vuong    -Da La     |    |        Ho ten: Tai-Tho a                 |    | +Duong       -Hoa Ky    |
| +Dia Giai    -Quan Phu  |    |        Sanh  : 23 Thang 10               |    | +Phi Liem    -Thien Hu  |
| +Thien Quan  -Thien Khong    |        Nam   : at Mao                   |    |              -Tue Pha   |
| +Thieu Duong -Thien La  |    |        Gio   : Than                     |    |                         |
|                         |    |        Tuoi  : Am Nam                   |    |                         |
|                         |    |        Menh  : Dai Khe Thuy             |    |                         |
|                         |    |        Cuc   : Tho Ngu Cuc              |    |                         |
|                         |    |                                          |    |                         |
| 115                     |Ngo |                                          |Hoi |  65                     |
+-------------------------+----|                am duong thuan ly         |----+-------------------------+
|<Menh>                   |Ty  |                Cuc Khac Menh             |Ti  |<Tat ach>                |
|      (D)Thien Dong      |    |   Sao chu menh  : +Van Khuc              |    |      (V)Tham Lang       |
|                         |    |   Sao chu than  : Thien Dong             |    |                         |
| +Loc Ton     -Dia Khong |    |                                          |    | +Long Duc    -Thien Rieu|
| +Bac Si      -Thai Tue  |    |                                          |    | +Phong Cao   -Luu Ha    |
| +Bat Toa     -Thien Khoc|    |                                          |    | +Thai        -Thien Su  |
| +Thien Quy   -Suy       |    |                                          |    | +Thien Tho   -Dia Vong  |
|                         |    |                                          |    | +Thien Y                |
|                         |----+--------------------+---------------------+----| +Tau Thu                |
|   5                     |Thin|                Mao |Dan                  |Suu |  55                     |
+-------------------------+------------------[Tuan]---------------------------+-------------------------+
|<Huynh De>               |<Phu The>                |<Tu Tuc>                 |<Tai Bach>               |
|      (M)That Sat        |      (D)Thien Luong     |      (V)Thien Tuong     |      (D)Cu Mon          |
|                         |                         |      (V)Liem Trinh      |                         |
| +Van Xuong   -Kinh Duong| +Huu Bat     -Hoa Tinh  | +Thien Khoi  -Tieu Hao  | +An Quang    -Bach Ho   |
| +Luc Si      -Benh      | +Ta Phu      -Qua Tu    | +Van Khuc               | +Quoc an     -Tuyet     |
| +Thai Phu    -Truc Phu  | +Hoa Quyen   -Tu        | +Dao Hoa                | +Tam Thai               |
|              -Dau Quan  | +Thanh Long  -Dieu Khach| +Hong Loan              | +Tuong Quan             |
|                         |                         | +Mo                     |                         |
|                         |                         | +Phuc Duc               |                         |
|                         |                         | +Thien Duc              |                         |
|  15                     |  25                     |  35                     |  45                     |
+-------------------------+-------------------------+-------------------------+-------------------------+
```

Biết rằng cả hai người đều nặng căn quả ở cung Điền (sự nghiệp gồm vật chất và tinh thần). Hai người cùng bị Không Kiếp nhập Mệnh và Thân. Sự khác biệt nhau là một người Mệnh Thân Thái Tuế, người kia Mệnh Thiếu Dương, Thân Thiếu Âm. Sự khác biệt này cho biết đâu là thành thực tín nghĩa của Thái Tuế. Không Kiếp chỉ hành hạ người không được đắc ý mà thôi. Còn người

Thiếu Dương Không Kiếp được bồi đắp thêm Tả Hữu ở Phụ Mẫu nhị hợp dồn sang, diễn tả một kiếp nhân sinh sáng láng hơn người mà thủ đoạn cũng không chịu nhường ai cả (Tả Hữu Không Kiếp).

```
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<No Boc>                     |<Thien Di>                   |<Tat ach>                    |<Tai Bach>                   |
|       (D)Thien Tuong        |       (M)Thien Luong        |       (D)That Sat           |                             |
|                             |                             |       (D)Liem Trinh         |                             |
| +Lam Quan      -Co Than     | +Thien Khoi    -Thien Hinh  | +Giai Than     -Quan Phu    | +Luc Si        -Kinh Duong  |
| +Luu Nien      -Dau Quan    | +Quan Doi      -Tieu Hao    | +Hoa Cai       -Thien Su    | +Nguyet Duc    -Kiep Sat    |
| +Quoc an       -Pha Toai    | +Thien Hi                   | +Long Tri                   | +Trang Sinh    -Tu Phu      |
| +Thai Phu      -Tang Mon    | +Thieu am                   | +Moc Duc                    |                             |
| +Thien Giai    -ThienThuong | +Thien Tru                  | +Phuong Cac                 |                             |
| +Thien Ma                   |                             | +Thanh Long                 |                             |
| +Thien Phuc                 |                             |                             |                             |
| +Tuong Quan                 |                             |                             |                             |
|  75                         |  65                         |  55                         |  45                         |
+----------[Triet]------------+------------------------[Tuan]-----------------------------+-----------------------------+
|<Quan Loc>                   |Mui |                    Than|Dau                     |Tuat|<Tu Tuc>                     |
|       (H)Cu Mon             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|                             |    |                                                 |    |                             |
| +De Vuong      -Thien Khong |    |             Ho ten: Tai Tho b                   |    | +Loc Ton       -Linh Tinh   |
| +Dia Giai      -Luu Ha      |    |             Sanh  : 14 Thang 10                 |    | +Bac Si        -Thien Hu    |
| +Hoa Loc       -Thien La    |    |             Nam   : Tan Mao                     |    | +Duong         -Tue Pha     |
| +Thieu Duong                |    |             Gio   : Hoi                         |    | +Thien Quan                 |
| +Tau Thu                    |    |                                                 |    |                             |
|                             |    |             Tuoi  : Am Nam                      |    |                             |
|                             |    |             Menh  : Tung Bach Moc               |    |                             |
|                             |    |             Cuc   : Tho Ngu Cuc                 |    |                             |
|  85                         |Ngo |                                                 |Hoi |  35                         |
+-----------------------------+----|                     am duong nghich ly          |----+-----------------------------+
|<Dien Trach>                 |Ty  |                     Menh Khac Cuc               |Ti  |<Phu The>              <Than>|
|       (B)Tu Vi              |    |     Sao chu menh  : +Van Khuc                   |    |       (H)Thien Dong         |
|       (H)Tham Lang          |    |     Sao chu than  : Thien Dong                  |    |                             |
| +Van Khuc      -Thai Tue    |    |                                                 |    | +Long Duc      -Hoa Tinh    |
| +Hoa Khoa      -Thien Khoc  |    |                                                 |    | +Thai          -Da La       |
| +Phi Liem      -Suy         |    |                                                 |    | +Thien Y       -Dia Kiep    |
| +Thien Quy                  |    |                                                 |    |                -Quan Phu    |
| +Thien Tai                  |    |                                                 |    |                -Thien Rieu  |
|                             |    |                                                 |    |                -Dia Vong    |
|                             |----+------------------------+------------------------+----|                             |
|  95                         |Thin|                     Mao |Dan                     |Suu |  25                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
|<Phuc Duc>                   |<Phu Mau>                    |<Menh>                       |<Huynh De>                   |
|       (H)Thien Co           |       (B)Thien Phu          |       (H)Thai Duong         |       (H)Pha Quan           |
|       (H)Thai am            |                             |                             |       (H)Vu Khuc            |
| +Thien Viet    -Benh        | +Huu Bat       -Benh Phu    | +Bat Toa       -Dai Hao     | +Van Xuong     -Bach Ho     |
| +Hy Than       -Truc Phu    | +Ta Phu        -Qua Tu      | +Dao Hoa       -Dia Khong   | +An Quang      -Hoa Ky      |
| +Tam Thai                   | +Phong Cao     -Tu          | +Hong Loan                  |                -Phuc Binh   |
| +Duong Phu                  | +Thien Tho     -Dieu Khach  | +Hoa Quyen                  |                -Tuyet       |
|                             |                             | +Mo                         |                             |
|                             |                             | +Phuc Duc                   |                             |
|                             |                             | +Thien Duc                  |                             |
| 105                         | 115                         |   5                         |  15                         |
+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+-----------------------------+
```

Người Thái Tuế mang chữ Thọ từ Quan đến Ách, đương nhiên là Ách sẽ chẳng đến nỗi nào đáng ngại. Người Thiếu Dương mang chữ Thọ từ Phối đến Phụ. Hỏi rằng có thực bụng tâm thành hay không? Hay chỉ là một thủ đoạn trá hình. Tất nhiên cung Điền của hai người do chữ Tài hoán cải khác biệt muôn vạn dặm đường.

Bánh xe Tràng sinh xoay chuyển đồng nhịp điệu với Tài Thọ luân lưu làm cho lý số học ngoài cái ưu điểm sở trường là thấu rõ tư thế cá nhân trong xã hội, còn bao gồm một triết lý cao sâu cho hết thảy mọi người phân biệt được đâu là đường đi quang minh êm đẹp, đâu là bước ngõ tối chông gai, tự mình nên sáng suốt mà rong ruổi.

(1) 12 cung số không thể coi cung nào là cường hay nhược. Mỗi cung đều có những quan hệ thiết thực với Mệnh trên khía cạnh riêng biệt, như Phụ Tử Điền Ách đâu có thể coi nhẹ đồng cân. Từ lúc mới ra đời phải có cha, khi về già có con, sự nghiệp tài sản với tai nạn đâu có phải là vấn đề bỏ qua ít ảnh hưởng đến cuộc sống bản thân.